



SƠN NAM

Hương rừng Cà Mau

Tập truyện



ĐOÀN VĂN HƯỚNG

Table of Contents

[Thay lời giới thiệu](#)

[Thay lời tựa](#)

[Hòn Cổ Tron](#)

[Ông già xay lúa](#)

[Cây huê xà](#)

[Bác vật xà bông](#)

[Đảng “cánh buồm đen”](#)

[Con Bảy đưa đồ](#)

[Chiếc ghe “Ngo”](#)

[Cô Út về rừng](#)

[Miếu Bà Chúa Xứ](#)

[Mùa “len” trâu](#)

[Một cuộc biên dậu](#)

[Đóng gông ông thầy Quít](#)

[Tình nghĩa Giáo Khoa Thư](#)

[Hát bội giữa rừng](#)

[Hương rừng](#)

[Bắt sâu rừng U Minh Hạ](#)

[Người mù giảng câu](#)

[Sông Gành Hào](#)

[\[1\]](#)

[\[2\]](#)

[\[3\]](#)

[\[4\]](#)

[\[5\]](#)

[\[6\]](#)

[\[7\]](#)

[\[8\]](#)

[\[9\]](#)

[\[10\]](#)

[\[11\]](#)

[\[12\]](#)

[\[13\]](#)

[\[14\]](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Thay lời giới thiệu

Tập truyện ngắn *Hương rừng Cà Mau*, xuất bản năm 1962, kể lại những câu chuyện về vùng đất đặc thù ở bán đảo Cà Mau. Đây là tập truyện ngắn được xếp ở vị trí cao trong số những tác phẩm văn học đặc sắc nhất của Nam bộ.

(...)

Đọc “*Hương rừng Cà Mau*” thấy được cái phong vị độc đáo của một thời tuy đã xa nhưng nhắc lại nghe gần gũi trong tâm thức. Sống ở thành đô nhưng luôn luôn nghĩ về những không gian thời gian ấy, thời của những câu thơ mở đầu đọc nghe đứt ruột:

*“muối vắt nhiều hơn cỏ
chương khí mù như sương
thân không là lính thú
sao chưa về cố hương
chiều chiều nghe vượn hú
hoa lá rụng buồn buồn
tiễn đưa về cửa biển
những giọt nước lìa nguồn
đôi tâm hồn cô tịch
nghe lắng sâu cô thôn...”*

Dòng hoài niệm trôi về nơi những địa danh mà nghe như tưởng của thế giới xa xăm nào. Những Hòn Cổ Tron, những sông Gành Hào, những rừng U minh,.. tuy có trong thực tế nhưng lại hiện ra trong một huyền thoại nào tưởng chỉ có trong cô tịch. Chuyện hát bội giữa rừng U Minh: “*Câu chuyện hát bội hồi xưa tới đây cũng khá dài rồi. Nhưng chưa hết, vì còn mấy ông cọt nọ. Có lẽ mấy ông mê hát bội hơn loài người. Chừng một hai tháng sau, cái sân khấu nọ tóc nóc, bao nhiêu nọc tràm làm hàng rào đã lung lay ngã nghiêng trên dòng nước, chừng đó người ta thấy một đôi ông cọt thường tới lui ngôi cú rữ dựa góc cây gừa bên bờ rạch. Nhật là đêm có trăng, mấy ông le lưỡi dài thòn, như nhớ tiếc bao nhiêu con mồi ngon, bao nhiêu tiếng kèn tiếng trống. Biết đâu về sau này mấy tiếng “coi hát cọt” là do sự tích của mấy ông hồi xưa không chừng!*”. Chuyện bắt sấu U Minh: “*Tối ao sấu, ông Năm Hên đi vòng quanh dòm địa thế rồi ngồi xuống uống một chung rượu. Kế đó ông với tôi lấy xuống đào một đường nhỏ, ngày một cạn, từ bờ ao lên rừng chừng mười thước, xong xuôi ông biểu tôi bứt cho ông một nắm dây cóc kèn. Phần ông thì lo đôn một đống cây mốp tươi, chặt ra khúc chừng ba tấc.*

Lửa châm vô sậy để, cóc kèn xung quanh, bắt cháy xuống đám sậy để trong ao. Chập sấu, bị khói bay cay mắt, ngộp thở, phân thì nước sôi nóng, sấu bò lên rừng theo con đường đào sẵn hội này. Tức thời ông năm Hên chạy lại. Sấu há miệng hung hăng đòi tấp ông. Ông dứt vô miệng sấu một khúc mốp. Sấu tấp lại dính chặt hai hàm răng như mình ngậm một cục mạch nha quá lớn muốn há miệng cho rộng để nhả ra cũng không được. Sấu bị khúc mốp khóa miệng, còn cái đuôi đập qua đập lại. Ông Năm xách cây mác nhắm sau lưng sấu mà xấn nhẹ nhẹ để cắt gân đuôi. Đuôi sấu bị liệt. Thế là mình yên trí lấy dây cóc kèn trói thúc ké hai chân sau của nó chừa hai chân trước để nó bơi tiếp với mình..”

Những nhân vật của “*Hương rừng Cà Mau*” cũng nhiều nét khác thường độc đáo. Họ là những dị nhân sống trong một thời buổi giao thời, đơn giản bình dị nhưng nhiều khi cũng có trí phán đoán sâu sắc. Nghe ông già Năm xay lúa luận chuyện thời tiết đất trời trong chuyện “*Ông già xay lúa*” hay nghe ông mù Vân Tiên bàn về chuyện cá ăn câu trong “*Người mù giăng câu*”, chúng ta mới thấy được cái học trong đời sống không phải chỉ ở học đường mà còn là kinh nghiệm từ hàng ngày thu lượm được. Và, trong từng ngôn ngữ, từng cử chỉ, vẫn bàng bạc một lòng yêu nước, yêu tự nhiên như những Trương công Định, những anh hùng chống Pháp bình dân nhưng vì nghĩa lớn mà mang tâm vong, giáo mác chống lại súng đạn tối tân.

Tác giả Sơn Nam đã tâm sự:

“Tôi sinh ra ở vùng đất U Minh, nơi đó là những cánh rừng tràm bạt ngàn kéo dài từ Rạch Giá qua Sóc Trăng, Bạc Liêu và đến tận Cà Mau. Tôi bắt đầu sự nghiệp viết lách bằng những truyện ngắn vào năm 1955 trên văn đàn Sài Gòn để từ đó có Mùa Len Trâu, Hương Rừng Cà Mau... được viết ra từ kỷ ức quê nhà mãi mãi không bao giờ phai nhạt. Trời sinh ra cây tràm thật là kỳ diệu, nó bám chặt rễ trong sinh, chìm ngập trong nước mà vẫn mạnh khỏe vẫn sinh sôi nảy nở để giữ vững mảnh đất bồi cho quê hương và giữ người cho đất. Chẳng nơi nào có được những ngày rừng tràm nở rộ hoa trắng mênh mông trùng trùng điệp điệp quyến rũ cơ man hàng vạn cây ong làm tổ trên cành hút nhụy hương rừng làm mật ban tặng cho loài người như ở đất U Minh...”

Sinh hoạt một thuở của những người di dân Nam Bộ được sống lại trong “Hương Rừng Cà Mau”. Những câu hò trong “Con Bầy đưa đò” mang tâm tình của người đi khai hoang. Mùa nước nổi những đàn trâu bò phải di chuyển lên vùng cao, một nét đặc thù của người dân miền đồng bằng trong “Mùa Len Trâu”. Cũng như với “Một Cuộc Biễn Dâu”, người chết trong mùa lụt phải thủy táng chứ không thể chôn được dưới ba thước đất. Rồi “Đóng gông ông thầy Quýt”, rồi “Cây huê xà”, người ác với những mưu mô lẫn lộn ở cạnh người hiền và rớt cuộc cũng là lẽ trả vay của trời đất tuần hoàn.

Những nhân vật như ông Từ Thông, như lục cụ Tăng Liên, như Bạc Vật Xà Bông, như cậu xã Nê, như ông Tư Đức, như Ông Vân Tiên sư tô giảng cậu,... có nhiều nét sống thực nhưng cũng có nhiều nét của những chuyện kể của những người tò mò muốn tìm những nét đặc biệt của một thời đã được ghi dấu trên lịch sử... Nhân vật của Sơn Nam có nét dân gian, gần cận với sinh hoạt bình dân nên người đọc dễ hòa mình vào tâm cảm của họ...

(Trích từ bài viết **Sơn Nam, ông già “Ba Tri” của đồng bằng Nam Bộ** của Nguyễn Mạnh Trinh).

Thay lời tựa

Trong khói sông mênh mông,
Có bóng người vô danh
Từ bên này sông Tiên
Qua bên kia sông Hậu
Mang theo chiếc độc huyền
Điệu thơ Lục Vân Tiên

Với câu chữ:

Kiến nghĩa bất vi vô đồng giả,
Tối Cà Mau - Rạch Giá
Cát chòi, đốt lửa giữa rừng thiêng...

Muối, vắt nhiều như cỏ,
Chường khí mù như sương.
Thân không là lính thú
Sao chưa về có hương?
Chiều chiều nghe vượn hú,
Hoa lá rụng, buồn buồn

Tiến đưa về cửa biển
Những giọt nước lìa nguồn,
Đôi tâm hồn cô tịch
Nghe lắng sâu cô thôn
Dưới trời mây heo hút...,
Hơi Vọng Cổ nương bờ tre bay vút
Điệu Hồ... ơ theo nước chảy, chan hoà
năm tháng đã trôi qua

Ray rứt mãi đợi ta
Nắng mưa miền cố thổ
Phong sương mây độ qua đàng phố,
Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê...

Hòn Cổ Tron

Ông Tư Thông ra hòn Cổ Tron cất chòi mà nướng nấu không biết từ bao nhiêu niên kỷ rồi. Tóc của ông lốm đốm bạc, khi thì thả dài xuống khỏi lưng quần. Khi thì bới thành búi to sau ót, gài lại bằng một cọng gai kim quít. Một bộ quần áo nghĩ cũng hơi dư mặc đối với ông! Nhiều khi năm ba tháng liền tiếp ông phới lưng trần với nắng, bên mây gốc sẵn đá cô thụ, lá cành xơ xác vì những cơn gió triền miên của biển khơi. Khi trời nực thì có những khe suối trong veo đón mời. Ông cứ ung dung mà uống, mà tắm một cách tự nhiên, vô tình khuấy rối giấc mơ của đàn bướm trắng đang xao động bay lên chấp chờn như muốn rời mây nhánh mai hoẵng lơ thơ cúi nghiêng mình chấm mí nước... Hôm nào vui cho bằng hôm mười bốn, hôm rằm! Ông Tư Thông ra sậu rẫy, đào lên củ khoai môn to lớn, đem luộc chín. Ngồi trên vô cảm thạch. ông chậm rãi ăn buổi chiều, thỉnh thoảng rút từ miếng khoai, thả xuống nước. Loài cá nhỏ bu lại nhớn nhớn mỗi con khoe một vẻ riêng. Tận dưới đáy biển, loại sò, loại ốc, loại nhúm đáng há miệng, le lưỡi bò chậm chạp trên nền đá tím nổi gân vàng, trên nền đá vạng nổi gân trắng. Hoàng hôn tràn tới chính là lúc cảnh vật dưới nước ngời lên, bóng mây phản chiếu lấp lánh như gấm. Đêm về, trăng mọc. Nơi thủy cung rộn rịp nào kém chôn trần gian! Từng đợt rong chìm lững lờ môn trốn, khoác thêm lớp xiêm lụa mỏng cho bảy cá hướng. Và muôn vì sao trên dải Ngân hà sa xuống đậu lấm tấm khắp nhánh san hô trắng bạc.

Ở hòn Cổ Tron giữa vịnh Xiêm La này, ông Tư Thông cơ hồ quên cả loài người và loài người cũng hầu như quên rằng mình có một đồng lại ở ngoài mỏm đá chơi vơi kia. Điều ấy, chúng ta không nên trách ai cả, chẳng qua là... hải giác thiên nhai. Không lẽ ông phải vượt bốn mươi cây số đường biển để tới công sở Lại Sơn, bên Hòn Rái mà trình diện. Chính quan chủ quận Châu thành Rạch Giá còn ngần đi kinh lý đến làng Lại Sơn! Từ dinh quận của ông đến công sở làng ít nhất cũng là năm chục cây số đường hải đạo mệnh mông sông cồn. Mấy chiếc “ca nôt” oai hùng trong sông rạch chỉ là cái vỏ trứng vịt giữa biển. Nhà nước thuộc địa nào chú ý đến việc cung cấp tàu đồng, tàu sắt để quan chủ quận đi cai trị dân! Không lẽ ông quận lại cuời ghe bầu hằng trăm cây số. Vả lại ghe bầu nào phải như chim trời mà bay thẳng một đường ngay. Ghe chạy theo đường gẫy. Ngoài biển khơi, đường gẫy là đường gần nhất giữa hai điểm cách nhau; cái khoảng gần trăm cây số trên kia kéo dài gấp ba, gấp bốn.

Năm ấy, tháng ấy, ngày ấy... ông Tư Thông bỗng nghe chút gì bần khoản, rạo rực trong lòng ông và ở ngoài đời. Từng đàn chim sắc đen ngòm như bảy quạ bay lượn quanh hòn Cổ Tron, rú lên, rít lên, lăm lăm như toan đáp xuống, đột nhiên đảo ngược, đi thẳng một mạch khuất trong mây khói.

- Bữa nay họ làm cái gì vậy cà?

Ông Tư Thông hồi hải trào lên chót đá mà ngóng. Hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc không có gì lạ. Duy có hướng Đông: kia, sừng sững dưới ánh nắng mai năm ba hòn đảo nhô lên, những hòn đảo mới lạ. Ông trở mắt liền tưởng đến phép dời non lấp biển rất nhiệm mầu của tay Thợ Trời khéo léo. Không thể lầm lẫn được! Hồi nào đến giờ, ông rất sành sỏi về vị trí mấy hòn đảo nhỏ án ngữ chung quanh đây. Từ hòn đảo mới nổi ấy, một đóm trắng người, một chiếc “ca nôt” rồi hai chiếc, ba chiếc đang rẽ sóng chạy thẳng lại nơi ông đang ở. “Tự năm bảy năm nay, mình chưa mất lòng một con sâu, một con kiến, không lẽ bây giờ có kẻ báo oán mình? Oán nào đã gây ra mà báo?”. Nghĩ vậy, ông trở xuống chân hòn sát mé biển, chờ đợi.

Chập sau, mấy chiếc “ca nôt” xấp gần bờ; họ đưa tay ngoắc ông.

Người Việt Nam nọ lên tiếng:

- Ông già! Lại đây quan lớn hỏi.

Ông Tư Thông nhìn năm sáu người mặc võ phục trắng đứng gần thầy thông ngôn.

Mấy người mặc võ phục nói riu rít. Ông đoán đó là “tiếng Tây”...

- Ông già! Đây là Bu Lô Đa Ma?

Ông đáp:

- Dạ không biết. Nó là hòn Cổ Tron. Chung quanh đây là mười hòn nhỏ khác. Không có nơi nào kêu là hòn Đa Ma...

- Vậy thì nó là hòn Nam Du. Trong bản đồ ghi rõ đường hoàng. Ông nói kỳ quá!

Ông Tư Thông lắc đầu:

- Dạ, lời thật khai ngay. Tôi không biết. Xung quanh đây là hòn Mẫu, hòn Dài, hòn Cổ Sơn, hòn Móng Tay.

Chập sau, thầy thông ngôn mới đồng ý:

- Đúng vậy, Bu Lô Đa Ma hoặc hòn Nam Du là tên theo sách chữ nho, theo nhà binh. Hòn Cổ Tron là tên tục của nó. Nè ông lão! Quan lớn ra lệnh như vậy...

- Bẩm thầy, quan lớn là người của nước nào, tôi chưa rành.

- Ông giỡn sao chứ? Hay là ông ngủ mê? Cờ này, nhà nước thuộc địa Tây đánh với nước Xiêm.

- Bẩm thầy, đánh ở đâu? Tôi chưa được am tường.

- Đánh tại nước Cao Miên. Đánh luôn tại Bu Lô Đa Ma tức là cái hòn Cổ Tron này.

Ông Tư Thông cau mày:

- Mô Phật. Cầu xin Phật Trời...

Thầy thông ngôn đắc ý:

- Không sao đâu! Hễ làm con dân thì phải gánh vác nghĩa vụ. Quan lớn muốn biết hôm rày có tàu bè lạ nào chạy tới đây do thám không?

- Dạ, không thấy.

- Hòn này bao nhiêu dân đinh?

- Bẩm thầy, có một mình tôi thôi. Còn mấy hòn gần đây, tôi không rành. Chắc là năm bảy người, toàn dân “An Nam” mình.

- Được, thôi bây giờ quan lớn muốn ông kiểm dùm trái cây, nước ngọt. Rồi quan lớn cho chút ít tiền... Thời buổi này ông nên xài phí. Việc sống chết bất thường lắm.

Có lẽ sợ ông Tư Thông trốn luôn trên chót hòn nên thầy thông ngôn đi theo sát bên ông, sẵn sàng giúp ông quả mớ chuối, mớ mít. Trước lạ sau quen, ông Tư Thông hỏi dò sơ qua về tình hình trong bờ:

- Trận giặc này không biết dân “An Nam” mình hao nhiêu không thầy?

- Hỏi làm chi vậy? Ở đây yên thân già của ông rồi. Nghe nói dân miệt Hóc Môn, miệt Long Hưng... nhận dữ lắm. Tây không muốn nói chuyện đó.

Một mối buồn len vào tâm não ông Tư Thông. Ông nghe gió thổi bốn bề, lạnh lùng. Lương tri như rực sáng nhắc nhở ông món nợ gì đối với đồng bào, giang sơn. Không giúp nước được thì ít ra ông cũng cần biết những gì xảy ra đau buồn trong nước. Cây có cội. Nước có nguồn. Chim có tổ. Cá có hang. Đôi mắt già của ông Tư Thông ngẩn ngơ nhìn muôn lớp sóng cồn. Chân trời u ám, mây đen mây tang bay thấp là đà... Ông hồ thẹn, tủi bấy phận mình không bằng con đồ quyền đêm hè kêu khắc khoải.

Thầy thông ngôn nói ta khiến ông giựt mình:

- Quan lớn đi về. Ông muốn xin điều gì, vật gì không? Ông tử tế lắm.

Ông Tư Thông chấp hai tay ra về cung kính:

- Tôi muốn vô trong đất liền, miệt Rạch Giá hay Cà Mau gì cũng được để thăm bà con. Nhờ quan lớn cho giấy phép chớ thời buổi chiến chinh này... Tôi không có giấy thuế thân, hồi nào tới giờ.

Vị quan hải quân gật đầu. Thầy thông ngôn viết lia lịa rồi vị quan ký tên. Ông Tư Thông cầm miếng giấy thông hành hộ mạng nọ, vô cùng mừng rỡ:

- Chúc quan lớn đi bình yên. Mà... Quan lớn chạy “ca nô” về đâu?

Thầy thông ngôn nói:

- Về tàu lớn. Máy chiếc tàu binh... của tôi sơn có vằn có vện. Ông không thấy sao? Họ sơn tàu lại cho giống cái hòn giữa biển. Hôi sáng tui tôi bỏ ông dòm thấy rõ ràng ông đứng trên chót hòn này. Nhờ vậy mà ông khỏi bị bắn. Ban sơ, quan lớn tưởng đâu hòn này là chiếc tàu binh của kẻ nghịch. Ông hiểu chứ?

*

* *

Chưa vô tới bờ chợ Rạch Giá là ông Tư Thông cảm thấy cuộc đời đảo ngược, từ địa vị hoàn toàn tự do đến chỗ mất tự do. Ông trung thành với đất nước nhưng có sao đất nước đối xử với ông quá bạc bẽo, ghẻ lạnh? Từ hòn Cổ Tron, ông quá giang tàu buôn Hải Nam đi một mạch tới hòn Tre, nhờ chiếc ghe câu kiêu đưa vào chợ. Dè đâu tàu của sở “đoan” xét hỏi. Miếng giấy thông hành nọ bị hồ nghi là giả mạo vì không có đóng mộc, vì đương sự không có giấy “lão” chứng tỏ rằng tên họ của mình đúng như trong giấy phép. Tàu “đoan” chở ông về giao cho ông cò Tây, Giam giữ ông được hai ngày, ông cò phú nội vụ qua dinh quận. Ông quận vốn là người mộ đạo Phật nên cho phép ông Tư Thông được tự do đi dạo chợ. Ông Tư Thông bày tỏ lý do:

- Dầu muốn trở về hòn Cổ Tron, không dễ gì kiếm được ghe xuống mà quá giang. Gió thổi Nồm rồi. Phải chờ mùa Bắc...

Đạo chợ mấy buổi, ông Tư Thông phát chán. Cảm mấy cắc bạc (của ông chủ quận cho) ông không biết nên mua sắm, ăn uống những gì. Rót cuộc, ông mua tiền xu khoai môn mà ngồi ăn ngon lành nơi góc chợ. Còn dư, ông vào tiệm hàng xén mua nhang đèn cây để về cúng bà Chúa Hòn mặc dầu ngoài hòn không có chùa miếu gì cả. Ông cũng thích chí sức nhớ lại mua vài cây kim, nửa cân đường cát trắng.

Nhiều lần quan chủ quận viết thư qua bót ông cò hỏi thăm nhưng không được sự giải quyết nào dứt khoát. Chẳng lẽ giam giữ ông Tư Thông mãi mãi? Nhìn vào bản đồ vịnh Xiêm La, ông quận nảy sinh ý kiến:

- Hòn Cổ Tron tuy thuộc quận Châu Thành nhưng nằm gần phía làng Đông Hưng, quận An Biên. Ngày năm tây tháng tới, ta đón thầy xã trưởng Đông Hưng mà gởi ông đạo này.

Rừng của làng Đông Hưng âm u quá, khó mà nhìn ra xa quá vài công đất để tìm lại chân trời; chàng vạng là un khói lên, không như hồi ở ngoài hòn Cổ Tron, hồi ông ngủ trần không cần mùng mền. Thầy xã trưởng giao trách nhiệm gìn giữ ông cho thầy hương quản. Thầy hương quản lại đồ gánh nặng ấy cho người em vợ là hương tuần Hay.

Người giam giữ và người bị giam giữ lần hồi cảm thông nhau. Chú hương tuần lo đặt rượu đế. Ông Tư Thông đi cầm câu, kiếm “mồi” về nhậu.

- Ở đây vui quá phải không?

Ông Tư Thông gật gù:

- Không được vui lắm. Cõi bộ bà con mình nghèo hơn ở ngoài hòn Cổ Tron của tôi. Áo quần không có. Mình mấy bị ghẻ khuyết ăn lở lói thâm niên. Nhà cửa xiêu vẹo, nay ở mai dời... Chắc là tại giặc Xiêm.

Hương tuần Hay trả lời:

- Giặc đâu không thấy. Người ta đánh mà mình chịu cực mới đau thương cho chứ!

- Buồn quá, chú hương tuần à.

- Hơi đâu mà buồn. Xứ này chịu cảnh này không biết tự hồi nào, từ hồi chưa có giặc Xiêm lặn. Riết rồi quen, yên tĩnh.

Ông Tư Thông thích chí:

- Thì ở ngoài hòn Cổ Tron của tôi, tứ bề sóng gió nhưng mà cũng yên tĩnh. Có sao? Vì chung quanh có hàng chục hòn khác án ngữ. Tôi là người chạy giặc, vô trong đất liền này thăm bà con... Nhưng mà

cũng yên tĩnh. Nhờ bà con thương tình.

Ngày tháng trôi qua đều đều. Hôm ấy không nhớ rõ hôm nào, thầy hương quản đọc báo *Lục Tỉnh Tân Văn* biết được tin trận giặc Xiêm đã chấm dứt. Tây và Xiêm đường như thủ huề. Thầy tự ý ra lệnh trả tự do cho ông Tư Thông.

Ông Tư Thông ngạc nhiên:

- Tôi bị giam hồi nào?
- Ông chủ quận biểu tôi giữ ông lại để làm tù binh, chờ mãn giặc mới thả ông về Cổ Tron.
- Về thì về, không sao đâu - ông lẩm bẩm.

Thầy hương quản hỏi:

- Hồi bị giam, ông có đồ đạc gì bị tịch thu không? Tôi kêu nài giùm.
- Vài ộp nhang, đèn cây, kim may quần áo, đường cát trắng... Nhưng mà thôi. Ở ngoài, dầu không có mấy thứ đồ... Nhưng cũng như có.

Gặp dịp thuận tiện, thầy hương quản tìm ghe cho ông quá giang ra hòn Sơn Rái.

Ông ra đi, hơi buồn.

Dư luận trong xóm nổi lên bàn tán. Người cho rằng ông muốn truyền bá một thứ tôn giáo mới, thí dụ như “Đạo Tịnh” bằng cách là ông ưa nói hai tiếng yên tĩnh. Kẻ khác hồ nghi rằng ông ở Côn Nôn thả bè vượt ngục trốn về.

- Nè cha nội sành sỏi lắm! Cây đèn “măng sông” của Chệt Kỳ hư “béc” đốt không cháy, vậy mà cha nội sửa lại được trong nháy nháy...

Lại còn nhiều giả thuyết khác ác độc hơn, cho rằng ông thường lân la mấy nhà có đàn bà góa, gái tơ, vân vân...

Nhưng thời gian là vị trạng sư hùng biện nhứt thanh minh cho ông Tư Thông. Dư luận bất chánh bị đánh tạt, lãng quên. Kỷ niệm lần lần trở nên trong sáng, tươi đẹp. Chiều chiều, khi ra bờ biển để câu cua, đẩy xip, người ta nhớ ông Tư Thông như nhớ một cái vỏ ốc xà cừ ngũ sắc tấp vào bãi bùn. Như nhớ vài trang sách *Phong Thân* tình cờ lượm được trong ngăn tủ bỏ quên, những trang sách rách nát hơi khó hiểu vì thiếu hồi thứ nhứt và không có hồi sau phân giải.

Ông già xay lúa

- Tây cai trị xứ mình... đem lại nhiều cái hay nhưng cũng có lắm điều dở, phải không chú phó hương quản?

Chú phó hương quản ngạc nhiên, chưa dám trả lời. Đây là lần đầu tiên mà chú nghe cậu xã Nê tuyên bố lạ lùng như vậy. Cậu xã là người thanh niên độc nhất ở U Minh làng Đông Thái này thi đậu bằng cấp tiểu học, học trường của nhà nước ở chợ. Nhiều lần, cậu xã giải thích riêng cho chú hiểu: tên Nê của cậu do chữ Tây Rờ-Nê, Rê-Nê gì đó mà ra. Chính cậu xã phổ biến cách chào hỏi mới, bắt tay “bủa xua” với ông đại hương cả. Mỗi kỳ đi hầu ông Đốc Phủ Xứ chủ quận, cậu xã Nê không mặc áo dài, đội khăn đóng như mấy ông hương chức khác. Cậu diện áo bành tô, cổ thắt “cà ra quách”. Lại còn một việc lấy lòng khác, thiên hạ đồn phong phanh chứ không chứng kiến tận mắt: năm ngoái, lúc ông Chánh Soái đi tàu tới Cảnh Đèn mang theo sắc thần của Bảo Đại phong cho Hoàng tử Cảnh, cậu xã Nê bắt tay “bủa xua” với ông Chánh Soái, rồi “bật” tiếng tây rôm rốp khiến quan Đốc Phủ Sứ, mấy thầy thông thầy ký và tất cả hương chức hội tề các làng trong quận đều khâm phục...

Cậu xã Nê nhắc lại câu hỏi khi nãy:

- Phải không chú phó hương quản, Tây cai trị đem lại lắm điều dở, chú nghĩ coi.

- Điều gì vậy cậu. Tôi thiếu hiểu.

- Cờ bạc lộng quá. Dân mình như tự do cờ bạc suốt năm. Ở chợ Ngã Năm, ở chợ Xẻo Rôn nhà “xẹt” đông nghẹt dân nghèo.

Chú phó hương quản suy nghĩ, giải thích:

- Tại cái máu cờ bạc. Dân miệt này toàn là người tứ xứ tới làm ăn. Họ cờ bạc không cần ăn thua, cốt để khuây khỏa nỗi nhớ nhà.

- Không phải đâu! Tại họ ở không, quanh năm chỉ làm một nghề ruộng hoặc một nghề đồn cùi. Thiếu tiểu công nghệ...

- Thừa cậu, tiểu công nghệ là cái gì?

- Là thuộc da, dệt chiếu, may quần áo... Làng mình không có thứ tiểu công nghệ nào để cầm chun họ.

Vùng rừng bùn lầy, khai thác chưa xong, làm sao họ nói đến tiểu công nghệ? Chú phó hương quản mãi lục soát trong trí nhớ. Làng gồm bốn ấp, tháng Tết rảnh rang, ai nấy bỏ nhà đi chơi. Ấp Đông Bình, sát mé biển chuyên về chài lưới; thường thường mấy tay khá giả ở đó đi ghe ra chợ Rạch Giá đánh me, đánh vồ. Hết tiền thì họ ngồi nhà mà đồn ca vọng cổ hoặc nói chuyện tiêu lâm. Hội mừng ba Tết, chú phó hương quản đến đó một lần, họ kéo chú lại bắt ép uống rượu đến say mềm rồi mới chịu thả rạ. Vui quá! Lại còn “ông Năm xay lúa” từ ngoài hòn Cỏ Tron vào xay lúa mướn! Thiên hạ bao vây ông, hỏi han rồi rít. Cái ông già này mới cù khôi, đứng xay từ hừng sáng tới mười giờ đêm mà không nghỉ tay, sắc mặt luôn luôn tươi rói. Bất chấp Tết nhứt, ông ra nghề từ bữa mừng bốn, xay lúa ròn rã tới hôm nay, ai cần thì cứ gọi ông đến cho vui nhà vui cửa.

Chú phó hương quản nói:

- Ở xóm biển có người chuyên môn xay lúa mướn. Đó là tiểu công nghệ, phải không cậu ba?

Cậu xã Nê gật gù:

- Không phải... nhưng mà có còn hơn không. Ai xay vậy?

- Dạ, ông Năm ở hòn Cỏ Tron mới vô.

Nghe qua, cậu xã như bị điện giật, nhảy nhồm, sáng mắt lên:

- Chú nói sao! Hòn Cỏ Tron à! Thiệt không?

- Dạ, thiệt chớ.

- Trời đất ơi! Mấy năm rồi tôi muốn biết cho rành cái... tụi người đó. Kỳ cục lắm kia. Tôi thấy tận mắt một lần mà còn nhớ, còn giận hoài. Họ ở trường.

Chú phó hương quản ngạc nhiên:

- Sao lạ vậy cậu? Ông già này... có bạn quần. Hằng năm mùa Tết ông vô đây xay lúa mướn. Qua tháng mưa, ông thất nghiệp trở về hòn; ông đui hết một con mắt, nói chuyện sành sỏi, nghe ngộ lắm.

- Đây là lần thứ nhì tôi gặp họ... Nếu không ở trường thì họ cũng mang vô đây vài phong tục lạ lùng. Chú đốt đuốc mau. Minh đi kiếm ông nói chuyện... Dịp may hiếm có.

Con trăng đêm hai mươi lăm u ám quá; hai thầy trò đốt đuốc soi đường. Mùa hạn, đồng trống hoang, cây cỏ héo cằn, con rạch khô cạn. Đi bộ trong làng rạch đã mát chân lại được bảo đảm nạn rắn rít.

Gió biển hiu hiu, hơi lạnh như gió bắc, muỗi bay thừa thốt từng con bên cây đèn tọa đẳng, tuy vẫn tìm lên cao nhưng mãi lu cam vì ông khói không chùi sạch. Ông Năm nắm tay vào giàn xay, đưa tới lui. Thốt còi quay tròn, lúa phun ra kêu rồ rồ, vang đều đều, mãi rồi sanh nhàm tai, buồn ngủ, cơ hồ không có. Kế bên ông Năm, đồn kìm trời giọng, không na ná tiếng gà mổ vào nia. Đồn “ghi ta” hòa theo, tuy nhanh nhưng buông rồ rệt từng giọt đồng, kém dồn dập hơn giọng đồn ở bên Tây Ban Nha tuyệt vời. Bãi biển sinh lầy của vịnh Xiêm La chứng tỏ đủ năng lực hấp thụ và đồng hóa những gì xa lạ!

Năm ba bạn bè đang nghe bài Tây Thi quốc sự, nhắc gương chiến đấu của nhà chiến sĩ quốc gia Phan Châu Trinh. Mấy chai “ấp xanh”, “con cộp đen” rượu rùng... lần lần cạn. Tuy bận rộn xay lúa nhưng ông Năm vẫn lắng nghe, thưởng thức. Bỗng có kẻ chạy vào như tên quân trong tồng hát bội cấp báo:

- Thầy xã với phó hương quản tới. Nghe không! Hai chả đốt đuốc... Lặn hụp giữa ruộng nầy giờ. Tôi thấy rõ ràng.

Ai nấy ngưng đồn ca. Ông Năm vẫn xay lúa rồ rồ... Họ vừa nói vừa cười, cãi cọ qua lại một cách thân ái:

- Mấy chả gan mật cùng mình sao kìa! Hồi nào tới giờ họ chưa đặt chân tới xóm mình. Chắc có chuyện gì, mình ăn thua đậm.

- Nói bậy đi. Hề không tới thì chê người ta nhát, kiêu căng. Bây giờ người ta tới thì công kích. Thầy xã này là người có âm đức. Ba của thầy, chú của thầy hồi đó hiền lắm.

- Hiền đâu không thấy, chớ tôi hồ nghi mấy “chả” toan xét giấy thuê thân đăng mà dẫn mặt tui mình.

- Tết mà, thầy đâu dám. Tôi nghi thầy làm “ăn kết” dân lạ mặt, thí dụ như ông Năm xay lúa. Minh cứ trả lời rằng đã trình diện ông với ông chủ ấp. Chủ ấp của mình bữa nay đi vắng, dễ nói dốt quá, đâu có mặt mà đòi chối. Nè ông Năm! Ngừng tay lại, nghe tôi dặn: Lát nữa, ai có hỏi, ông làm bộ như câm, như điếc. Nói chuyện nhiều, nguy lắm. Ông có “giấy lão” không?

Ông Năm nói:

- Không có giấy tờ gì hết. Tôi tàn tật hư một con mắt mà... Muốn dẫn tôi đi đâu cũng được... Theo lẽ, nhà nước phải nuôi tôi nữa kìa.

- Cha này coi vậy mà gan ta!

Ánh đuốc sáng lòe trước cửa. Ai nấy lặng im. Chú phó hương quản đập đuốc xuống đất để dụi tắt. Cậu xã Nê bước vào, trong khi ông Năm mãi xay lúa rồ rồ.

Cậu xã tươi cười, khoát tay như bảo ai nấy cứ ngồi xuống, đừng đứng dậy chào.

- Được! Được! Phiền bà con quá. Tết năm nay đầy đủ không? Đồn địch vui quá hả? - Thầy nói.

Một người đáp lại:

- Dạ, nhờ... “bà cậu” nên năm rồi cũng khá, tạm đủ tiền xây xài.

Chú phó hương quản lờm mọi người:

- Bà con ăn nói vô ý tứ quá. Tại sao nhờ..., “bà cậu”? Phải nhờ người này người kia chứ. Còn ông già kia sao xay lúa hoài vậy? Nghỉ một chút để người ta nói chuyện. Bữa nay cậu xã tới...

Cậu xã ngắt lời:

- Ông xay để ông xay. Nếu dân mình ai nấy đều siêng năng như vậy thì quý lắm.

- Dạ đó là ông già Cỏ Tron mà tôi nói hồi nãy với thầy.

Cậu xã hơi phật ý vì thái độ quá sốt sắng của người cộng sự:

- Chú phó hương quản để mặc tôi. Tôi không muốn làm rầy ông.

Rồi giọng thầy ôn tồn:

- Ông ở hòn Cỏ Tron hả! Làm gì sanh sống ở ngoài?

Ông Năm ngưng tay, trả lời:

- Dạ, tôi đôn cây sắn đá để làm cối giã gạo, bán cho bà con trong bờ này.

- In là ông hư một con mắt?

- Dạ bẩm, tôi tàn tật hồi còn nhỏ chứ không phải vì nghề... cầm búa.

Một người nói tiếp như muốn chứng minh sự lương thiện của ông Năm:

- Thưa thầy, ông giỏi lắm. Nghèo là tại trời... vậy thôi! Cây sắn đá ngoài hòn Cỏ Tron bèn tới thiên niên. Cối bằng sắn đá giã gạo mau trắng. Nhịp chày vô nghe bon... bon như tiếng chuông đồng. Ở nhà đằng kia, còn một cây cối thứ đó.

Cậu xã gật đầu:

- Đó là tiêu công nghệ, nghe không chú phó hương quản.

Rồi cậu ngắm nghía ông Năm. Nỗi thắc mắc của cậu vẫn chưa giải tỏa. Không lẽ dân ở hòn Cỏ Tron lại siêng năng, khéo léo, hiền hậu tới mức này. Day qua mấy cây đòn, mấy chai rượu, cậu như hồi hận:

- Bậy quá! Làm lỡ cuộc vui chơi của bà con anh em. Thôi “làm” một bản vọng cổ nghe coi! Lựa thứ nào văn chương hay một chút.

Vọng cổ mà văn chương hay! Họ rao sơ sơ rồi bắt đầu:

- *Ác ngậm non Đoài, ngọn gió Đông Nam nó thổi đưa mặt nhợt hồi về nơi Tây Bắc...*

Anh ca sĩ ngạc nhiên, tức tối vì thỉnh lình cậu xã dợ tay lên, ra dấu hiệu chặn lại, thiết không đúng “điệu”! Hay là cậu hồ nghi câu hát này ẩn ý chuyện quốc sự, sấm truyền? Hồi lâu, cậu xã mới nói:

- Câu hát khó hiểu quá! Rắc rối mà lại vô duyên.

Anh ca sĩ cãi lại:

- Thưa cậu, đó là tả cảnh chiều, gió thổi nhẹ nhẹ mặt trời sửa soạn lặn... Bài này trích trong cuốn *Vọng cổ Bạc Liêu* bán tại chợ Rạch Giá.

- Tôi hiểu... Bài ca lãng nhãng quá, trật sách vở khoa học. Tại sao mọc ở Đông Nam rồi lặn ở Tây Bắc?

Anh ca sĩ nhìn qua ông Năm như cầu cứu. Cậu xã nói cố ý:

- Ông già xay lúa này cắt nghĩa thử coi. Tôi nói câu hát trật văn chương mà!

Ông Năm vừa xay lúa vừa nói chậm rãi:

- Dạ, lệ thường mặt trời mọc hướng Đông lặn hướng Tây. Nhưng gần sa mưa hay gần Tết thì mặt trời đi xéo. Vì vậy ngày và đêm không đều, “tháng năm chưa nằm thì sáng, tháng mười chưa cười thì tối”. Từ Đông Nam hồi về Tây Bắc, tức là bài ca vọng cổ muốn nói lúc tháng mười; ngọn gió đó là gió Tết. Mặt trời ít khi đi ngay hướng Đông Tây, thưa cậu.

Cậu xã Nê hoảng hồn vì dường như ông già xay lúa nọ nói đúng, đúng theo cuốn sách địa lý mà cậu

đã học. Nhìn nhận rằng ông nói đúng thì e mặt thể diện mình, cậu đánh trống lảng:

- Ông học điều đó ở đâu vậy? Ai dạy ông?

- Dạ, không ai dạy hết. Tôi nghiệm ở hòn Cổ Tron. Ở ngoài buồn lắm. Tối ngày, tôi coi mặt trời mọc, mặt trời lặn cho khuây khỏa. Điều đó, lần lần tôi hiểu được, không rõ hồi nào.

Cậu xã Nê hơi tức giận. Chú phó hương quản nãy giờ ngồi im lại nói:

- Ông biết cái gì ông ơi! Hòn Cổ Tron là nơi quê mùa, còn tệ hơn quê mùa nữa kia! Dân hòn Cổ Tron chuyên môn ở trường, đàn ông đàn bà gì cũng vậy, cậu xã của tôi biết rõ.

Anh em đồn cạ cảm thấy áy náy vì bầu không khí hơi bất hòa. Họ muốn an ủi cái thể diện của cậu xã mà họ không hề thù oán. Sẵn câu nói này, họ đồng hè trả lời:

- Cậu xã hay quá! Ở ngoài hòn Cổ Tron có gì lạ vậy cậu, tui tôi chưa biết. Ông Năm xay lúa mới ra hòn lúc sau này, chắc cũng chưa biết, Xin cậu nói lại cho tui tôi nghe.

Thích chí, cậu xã Nê thuật lại:

- Năm đó, hồi còn nhỏ mỗi ngày tôi đi học, từ nhà muốn tới trường thì phải quẹo ra sân banh sát mé biển chợ Rạch Giá. Bữa đó, hừng sáng, dân chài lưới la hoảng chạy về báo với ông cò Tây. Tôi tới nơi xem: rõ ràng trên bãi biển có hai người đồn ông, hai người đồn bà nằm dài lìm dim con mắt, miệng chúm chím cười. Họ ở trường đông đông! Chập sau, thầy đội mã tà ra tới, Thầy kêu mấy người đó. Họ nhúc nhích rồi nằm yên. Có người bàn: “Chắc họ bị chìm ghe ngoài biển khơi trôi tấp vào đây, dọc đường họ cởi quần áo để thân thể nhẹ nhàng, tiện bề bơi lội. Họ ở xa lắm, không chừng ở ngoài hòn Cổ Tron”. Nghe qua họ vẫn chúm chím cười. Tiếng đồn ngày một lẹ, mấy người ở chợ kéo nhau đến nghet tới mé biển mà coi cho rõ hư thiệt. Ông cò Tây hoảng sợ, thầy đội mã tà cũng hoảng sợ. Làm sao giải tán được? Làm sao che dấu chuyện ở trường đó được! Sau rốt, ông cò Tây bèn sai lính mã tà qua chợ mua bốn chiếc chiếu đem xuống mé biển, phát cho mỗi người một chiếc, biểu họ quần chung quanh mình rồi lên bờ. Họ không trả lời. Mấy người mã tà bắt buộc họ đứng chính giữa, rồi căng chiếu che bốn bên, dẫn họ về bót. Họ băng lòng đi. Cái cảnh lạ lùng quá, như công chúa ngày xưa đi tắm có tỳ nữ che rèm bốn bên.

- Hay quá vậy cậu xã. Nói tiếp nữa đi.

Cậu xã nói tiếp:

- Ông cò không chịu chứa mấy ông bà ở hòn Cổ Tron này trong bót, e xui xẻo. Ông ra lệnh giam họ bên nhà việc (nơi làm việc của chính quyền ở làng, xã) làng Vĩnh Thanh Vân. Mấy ông hội tề đành giam giữ họ.

- Rồi họ chịu bận quần áo không? Có người hỏi.

- Chịu chớ sao không chịu. Hương chức làng xuất tiền công nho, may cho mỗi người một bộ vải xiêm láng. Họ cười, không nói không rằng, ra về.

Rồi cậu xã kết luận:

- Đó, mấy người ở hòn Cổ Tron theo tôi thấy rõ ràng thì như vậy đó. Ông Năm xay lúa nghĩ sao?

Ông Năm mỉm cười, trả lời rằng không biết. Chú phó hương quản nói:

- Hồi đó, chắc ông già này có tham dự quá!

Ai nấy cười rộ. Cười để làm thỏa mãn lòng tự ái của cậu xã, hòng chấm dứt câu chuyện cho đúng lúc.

Cậu xã, chú phó hương quản đốt đuốc ra về.

*

* *

Ông Năm lại tiếp tục xay lúa. Ông nói:

- Tôi không biết cái chuyện ở trường này! Chẳng qua là thiên hạ hiểu lầm hòn Cổ Tron. Mấy người ở trường nào đã tự xưng quê quán, danh tánh. Như cậu xã nói, họ im lìm từ hồi đầu mùa kia mà! Cậu xã

nói thiệt chứ không nói dóc đâu.

- Vậy thì vụ đó là vụ gì?

- Vụ này tôi nghe nhiều lần phong phanh. Tôi hồ nghi đó là mưu mô của mấy người nào đó ở gần chợ rạch Giá. Vì thiếu quần áo - nên nhớ là năm đó đồ khổ lắm, họ liều thân làm xấu để xin quần áo của nhà nước. Nhà nước sợ họ; họ đã thành công. Để gì đi làm muộn một buổi sáng mà sắm được bộ quần áo, hồi năm quần bao áo bố đó!

Ai nấy khen ngợi:

- Ông Năm cắt nghĩa hay quá!

- Tôi nhầm chừng vậy thôi. Người trong cuộc họ hiểu rõ sự thật hơn tôi. Họ không nói gì thì làm sao mình biết; sự thiệt nó im lặng, không có lời nói. Bây giờ chắc họ cũng không muốn nói ra, e bị ở tù về tội gạt hương chức làng.

- Vậy mình cũng nên kêu cậu xã trở lại, nói cho cậu nghe. Cắt nghĩa như vậy chắc cậu chịu lắm mà lại còn phục tài người ở hòn Cỏ Tron như ông đây.

Ông Năm lẩm bẩm:

- Đừng kêu trở lại nữa chừng; ban đêm, cậu hồ nghi. Để cậu về ngủ. Khuya, gió lạnh lắm. Mà chưa chắc cậu chịu nghe. Nhưng không sao. Năm mười năm nữa, chừng tóc bạc hoa râm cậu hiểu một mình, không cần ai cắt nghĩa. Muộn gì!

Cây huê xà

Cây huê xà là thứ cây gì? Hình dáng ra sao? Có thiệt hay là bịa đặt? Nó có lợi hay là có hại cho loài người? Bao nhiêu câu hỏi ấy dồn dập, lần quần trong trí thằng Lợi hằng năm nay mà nó không tài nào trả lời nổi.

Cây huê xà vốn là vị thuốc chánh trong toa thuốc ngựa răn của ba nó. Nhờ đó mà đi đến đâu người ta đều khâm phục; ba nó nổi danh là thầy Hai Răn. Được nổi danh là một chuyện khó vì lẽ ở vùng Rạch Giá, Cà Mau, thầy răn xưa nay cũng nhiều người tài. Họ có thể cứu sống nạn nhơn, bảo đảm trăm phần trăm, nếu người bị cắn không để lâu quá hai giờ đồng hồ. Họ dùng toàn thuốc Nam để kiếm như gừng, cỏ ông, vôi, trâu, nhựa ong điếu, trứng rệp... Họ lại còn dám nuôi trong nhà vài con rắn để bắt chuột. Lúc họ uống nước trà, rắn nằm vắt vẻo trên đôn đồng nhà, nhìn xuống gục gặc đầu. Đêm nào có trăng thì rắn đi ngao du, lên tận trên đọt lá dừa để bắt chim trong ổ hoặc rình mò mấy con dơi rượt muỗi bay qua chớp nhoáng.

Ba thằng Lợi nổi danh hơn các thầy răn vừa nói trên. Thuốc của ba nó vò viên sẵn, khỏi tốn thời giờ tìm kiếm. Thuốc ấy mạnh lắm, trừ tuyệt nọc, nghĩa là một hai năm sau đi nữa bệnh nhơn không cảm thấy nhức xương sống mỗi khi lập đông trở về. Phi thường nhứt là có toa thuốc khi thoa vào tay, rắn không bao giờ dám mổ.

Hồi mới xuống rạch Thuồng Luồng này, ba nó đã có lần thí nghiệm cho các thầy răn trong xóm coi thử.

Ba nó - thầy Hai Răn - loan tin:

- Tôi có bùa bắt rắn. Bùa này của Phật Thầy Tây An ở núi Sam truyền lại.

Ai nấy phản đối:

- Nói dóc! Chân ướt chân ráo mới tới xứ này mà không để cho người ta thương! Phật Thầy Tây An xưa kia bao giờ làm bùa bắt rắn. Ngài lo giữ mỗi giềng đạo lý, sao cho ai nấy ăn ngay ở phải, đừng vì tiền tài mà nói dóc với chúng sinh.

Mỉm cười, thầy Hai Răn mời bà con đứng giờ Thìn sáng mai đến cây thị, trước miếu ông Tà. Cây thị này hồi năm ngoái bị trời đánh sét làm hai. Thiên hạ đồn rằng: Có điềm trời! không vậy sao trong ruột cây có cái bông đen ngòm. Dưới đáy bông, một đồng đất khô... Ngạc nhiên làm sao! Đất nhúc nhích từng cục, một con rắn hổ om nhom vùng góc đầu lên cao, phùng mang chồm tới, giống hình cái bàn nạo. Rắn nhìn người chung quanh, hút gió rồi rúc xuống đất vụn để ẩn mình.

Sáng hôm đó, đúng giờ Thìn, thầy Hai Răn lại gốc cây thị với mọi người. Lấy tay vỗ mạnh vào gốc cây, thầy nói:

- Ông xà ơi! Ra đây nói chuyện chơi.

Ai nấy trở mắt, ngạc nhiên. Có tiếng hút gió như đáp lại rồi từ miệng bông cây, cái bàn nạo lần lần nhô lên.

Thầy Hai lấy tay vạch vòng tròn dưới đất, vỗ xuống mạnh:

- Tôi muốn mời ông xà lại đây, ngồi trong vòng này với tôi.

Rắn nọ bò xuống, men vào vòng đã vẽ. Thầy xò tay ra, để cách miệng rắn chừng một tấc mà thét:

- Cẩn thử coi!

Rắn không nhúc nhích.

Thầy thét lớn hơn:

- Áp khẩu tay tôi nè! Cẩn ngay đó thì tôi chết liền. Tôi đồ ông dám cắn!

Ai nấy phập phồng chờ đợi. Rắn cục cựa, thối lui, ngóng mỏ lên cao, day qua day lại. Thầy Hai

trợn mắt, đưa tay xít lại gân hơn nữa. Bỗng nhiên, rấn hút gió một tiếng rồi quay mình phóng vào bông cây, mất dạng.

Thầy đứng dậy, vắn điều thuốc. Vừa hút phì phà, thầy giảng rằng:

- Chém ruồi ai dụng gươm vàng làm chi! Nói thiệt cho bà con thương, tôi đây cực chẳng đã mới ra nghề. Tôi biết trong số bà con đây có người tài giỏi hơn tôi nhưng giỏi về môn khác. Thứ bùa này ít ai biết... Lúc ban sơ, tôi dùng nhân lực để kêu rấn ra khỏi bông cây. Kế đó vẽ vòng tròn tức là tôi dùng thân lực. Đến khi chuyển qua thiên lực, rấn nọ phải chạy trôi chết... Nhân lực, thân lực, thiên lực, đó là ba chặng đường mà tôi đã trải qua. Phần đông, bà con mình xưng là thầy nhưng chỉ mới bước tới nhơn lực.

Tài của thầy Hai Rấn, ai lại chẳng phục. Ngặt thầy kiêu hãnh quá nên hôm đó không ai muốn thụ giáo, họ bực tức ra về. Trong số đó có Năm Điền là thầy rấn bấy lâu lừng danh ở xóm Thuồng Luồng này. Năm Điền cảm thấy bị sỉ nhục. Về nhà chú nằm suốt đêm không ngủ được, tâm trí bấn rộn, cố nhớ lại mấy toa thuốc. Chú biết đây là một mưu mô của thầy Hai Rấn. Nhứt định thầy Hai có thoa vào tay một thứ thuốc đặc biệt. Ngửi nhằm mùi đó, rấn chịu không nổi, phải mờ mắt hoặc ê răng mà chạy trốn. Ăn cắp cái toa đó là diệu kế nhứt. Nghĩ vậy, chú sực nhớ tới con Lài, đứa con gái khá nhan sắc của chú.

Bấy lâu nay, chú thường đề ý: Thằng Lợi, con thầy Hai Rấn, thường bén mảng lại đây để trò chuyện với con Lài.

Năm Điền bèn kêu đứa con gái vào:

- Lài à!

- Dạ.

Nhìn trước cửa thấy không có ai, chú nói nhỏ với con:

- Bấy lâu cha sống ở rạch rày cũng là nhờ nghề trị rấn. Bây giờ, thầy Hai Rấn tính đập bể nồi cơm của cha con mình!

Con Lài hỏi, ngây thơ:

- Sao vậy ba, người ta lạ, mới tới...

- Bởi vì nếu trời đã sanh Châu Do thì không có Gia Cát Lượng.

- Gia Cát Lượng là ai vậy ba?

Năm Điền đỏ quau:

- Không biết gì hết. Ngu quá! Mà biết thầy Hai Rấn là cha của ai không?

- Dạ... của anh Lợi.

- Thằng Lợi tới lui đây hoài. Điều đó ba biết hết. Ba nào cấm cản. Nó nói gì với con...

Con Lài bẽn lẽn:

- Ảnh nói muốn làm quen.

- Ừ! Ba nói thiệt với con, làm thân con gái phải giữ gìn thân thể. Không khéo, lỡ bề gì như nhuộc danh giá giòng họ. Con thương nó thì phải cho ba hay để bắt buộc nó thương con...

Con Lài buột miệng:

- Đừng... Tội nghiệp người ta.

- Không sao đâu. chiều mai, con rủ nó lại ăn cơm... Sẵn dịp ba mời nó uống rượu, thứ rượu “rấn giao đầu”.

Nghe đến rượu “rấn giao đầu”, con Lài liếc nhìn chai rượu thuốc để trên bàn thờ. Trong chai, ngâm hai con rấn mà ba nó lượm được hồi năm ngoái! Con rấn nước nuốt con rấn trun, có lẽ nuốt không vô nên hai con đều chết. Ba nó lượm đem về ngâm rượu.

Nó hỏi:

- Uống chết không ba? Con sợ quá.

- Gì mà sợ. Rượu đó làm cho trai với gái thương nhau như rắn. Uống vô, thằng Lợi không bao giờ bỏ con được. Trăm sự, nó đều thiệt tình. Con nhớ gạn hỏi nó một điều này mà thôi...

- Điều gì ba?

- Cái toa thuốc thoa vô tay mà rắn không cắn của ba nó xài hôm trước, đằng cây thị trước miếu ông Tà: Nhớ hỏi cho kỳ được. Bằng không, ba giết chết cả hai đứa như giết rắn. Từ nay hai đứa bây là hai con rắn... Vì chất rượu này...

Lá rụng ơi lá rụng!

Từng chiếc lá trăm bay lả tả như bướm bướm mỗi cánh, đáp nhẹ xuống mặt nước từ trong ngọn rạch trôi dài ra.

Con Lại nhìn dòng nước uốn khúc qua voi, qua vịnh như con rắn bò, thứ rắn có khoang màu vàng, con rắn hồ sơn. Nó bụm mặt lại để che cái hình ảnh đó. Nhưng nào được! Kia chiếc xuồng của thằng Lợi bơi lướt tới, vạch ra hai làn bọt nước lốm đốm trắng như con bạch hoa xà... Lập tức nó xuống bến, bơi theo, mãi đến khi xuồng thằng Lợi ghé bên bờ đìa, kề gốc cây bình bát.

Thằng Lợi day lại cười:

- Đi đâu vậy cô Hai... Rắn bông súng?

Con Lại sức nhìn chiếc áo có bông đang mặc.

Nó e thẹn, liếc thằng Lợi:

- Em giống như con rắn bông súng. Còn anh, áo đen mốc như con rắn hổ đất. Cười em làm chi.

- Rắn đâu dám cười rắn. Nó vừa nói vừa nắm tay con Lại.

Con Lại rút tay ra cho có lệ. Nó bước qua xuồng, ngã vào lòng thằng Lợi.

- Anh à!

- Cái gì đó, hờ rắn!

- Thiên hạ thấy, họ cười chết.

- Ai thấy mà cười? Chung quanh đây cái gì cũng là rắn như hai đứa mình. Thí dụ như mấy sợi dây choại, dây bông bong kia...

Con Lại gật đầu:

- Phải, dây choại, dây bông bong giống như rắn lục, nó xanh tươi. Còn đám cỏ bòn bòn đằng kia, nó đẹp lép quả thật là rắn lá... Nhánh củi khô, kể đó, anh thấy không anh Lợi?

- Nó là con rắn nẹp nía, da nó xù xì...

- Em suy nghĩ thấy sao kỳ quá, anh à. Rắn có thù oán gì với loài người, cơ sao loài người thù oán rắn. Như dây choại, cỏ bòn bòn, nhánh củi khô rất ích lợi cho con người.

Thằng Lợi vuốt mái tóc con Lại:

- Vậy nên rắn mới buồn bực trọng lòng, tụ họp lại. Con rắn này tìm con rắn kia làm bạn với mình cho vui. Rắn với rắn thương nhau lắm.

- Nó có cắn nhau không anh?

- Đâu có. Mà nó cũng không muốn cắn loài người. Người nào biết điều thì rắn không cắn.

- Biết điều là sao?

- Là biết nói chuyện với rắn. Nói chuyện bằng hơi tay, thí dụ như ba của anh...

Con Lại cố giữ trầm tĩnh, biết rằng nãy giờ nó đã nói chuyện nhằm vì uống rượu rắn giao đầu, nhưng nó nhớ lời ba nó căn dặn...

- Hơi tay của ba anh có gì mà nói chuyện được. Anh có cái hơi đó không? Tay anh đâu rồi.

Thằng Lợi xoa tay rồi đưa trước mặt con Lài?

- Phải có *ngải mọi*. Em biết thứ ngải đó không? Múc bột nó làm bánh ăn ngon lắm. Ăn bánh ngải rồi uống *nước chanh*, xong xuôi, nằm xuống hút một điếu *á phiện* với cái dục tầu làm bằng *sừng con dình*.

Con Lài lắng nghe từng tiếng rồi hỏi tiếp:

- Hút á phiện rồi làm gì nữa?

- Rồi thì vợ chồng dặt tay nhau dạo kiếng, ngắm cái bông huê xà...

- Bông huê xà là thứ gì?

- Huê xà là huê xà. Ba của anh nói lại sau rớt.

Con Lài lẩm bẩm:

- Ngải mọi, nước chanh, á phiện, sừng dình, huê xà. Toa này năm vị. Mình nhớ đủ hết.

*

* *

Năm Điền với đứa con gái bỗng nhiên chết ngã lẩn tại nhà.

Tin đó truyền ra nhanh chóng. Cả rạch Thuồng Luồng, ai nấy chung hửng. Mấy ông thầy rắn xúm lại khám nghiệm rồi quả quyết:

- Chết vì rắn. Dấu răng rắn hổ. Chắc chắn có rắn hổ nuôi trong nhà, nó phản lại chủ.

Chờ cho thừa khách, thầy Hai Rắn tới, cầm bàn tay của hai nạn nhân nọ mà ngửi. Nước mắt của thầy bỗng dưng tuôn xuống. Chợt nhìn chai rượu thuốc “rắn giao đầu” trên bàn thờ, thầy lắc đầu, thở dài.

Đêm đó, thầy kêu thằng Lợi ra sân mà nói:

- Mai này cha phải đi. Con ở lại một mình. Cha buồn lắm. Họ dụ dỗ con để khám phá bí mật, cha biết vậy. Nhưng trăm sự cũng vì toa thuốc nọ thiếu cây huê xà nên không linh nghiệm. Cây đó khó kiếm lắm. Cha con Năm Điền tưởng là cha nói gạt chớ sự thật nó có: dây đó tròn bằng mút dứa, vân vện như da rắn. Phải tìm ở chót núi ông Cầm, tìm cả tháng mới gặp một cây. Con Lài chết, có lẽ vì Năm Điền không tin con gái nên cho rắn cắn nó trước. Chừng thấy con chết, y buồn quá nên tự tử theo, không muốn chuyện đổ bể ra e mất thể diện với bạn đồng nghề. Nghề rắn nó nghiệt như vậy đó!

Đêm sau thầy Hai Rắn trốn xóm riêng, trốn đứa con trai mà đi mất.

Còn thằng Lợi ở lại. Tội nghiệp biết chừng nào! Nó nào hiểu tại sao loài người bày đặt ra thuốc rượu “rắn giao đầu” để dụ dỗ lẫn nhau, trong khi cái tình yêu tự nhiên còn keo sơn hơn gấp mấy! Nó không hiểu sở dĩ ngày nay nó cô độc, vắng cha, vắng tình nhân như vậy chỉ vì mỗi ganh tị giữa hai người đồng nghề là cha nó với cha con Lài.

Nó thơ thẩn như mất hồn, khóc không ra nước mắt mỗi khi ra thăm nấm mộ của người tình xưa, thấy mấy dây rau muống bò lan bên cạnh.

Cây huê xà là gì? Có thật hay không? Lắm đêm, nó nằm chiêm bao thấy một thứ dây lốm đốm trắng mọc cheo leo ở chót núi ông Cầm, tiếp với trời xanh. Trên cảnh xa vời không như bọn đó, dây huê xà nhơn nhơn uốn éo với gió núi. Giữa lòng từng chiếc lá, hiện hiện kia trăm ngàn gương mặt của con Lài, tươi tắn, cười riêng với nó, trẻ mãi không già...

Bác vật xà bông

So với các rạch khác ở ven vịnh Xiêm La, vùng Xẻo Bần thuộc vào hàng tương đối sung túc. Dân ở đây sinh sống bằng hai nghề: phá rừng lấy củi và khi tiết trời thuận tiện, họ ra biển đánh lưới tôm. Tiền bán củi vừa đủ cho họ mua gạo ăn, thuốc hút; nghề đi lưới thì chỉ đem lợi riêng cho một số người có ghe, có lưới. Người đi bần thường lãnh tiền buổi, tùy theo lưới trúng hoặc thất - tay làm hàm nhai.

Đôi mươi mái nhà lá, vài ba gốc dừa không trái: ngọn Xẻo Bần xơ rơ như vậy đó. Chung quanh là cánh đồng cò bay thẳng cánh nhưng đây năng kim, ô rô, cỏ ống. Cò lông bông, trích, cúm nùm bay lượn tới ngày.

Dân làng nào tha thiết đến vùng đất phù sa nê địa! Vì vậy, khi ông bác vật X. đến xây nền đúc, cất nhà ngói, tự xưng là chủ đất thì không một ai xao xuyến cảm thấy quyền lợi mình bị đụng chạm.

Trái lại, họ rất vui mừng.

Trước tiên, ông bác vật đích thân đến thăm từng nhà trong xóm. Hễ gặp ai chào hỏi quá khúm núm, ông can gián:

- Bà con cứ bình đẳng, đừng nên gọi tôi bằng ông, tôi còn nhỏ tuổi lắm. Cứ gọi tôi bằng dượng Hai. Đất này của bên vợ, vợ tôi thứ hai.

Hỏi qua vấn đề nền nhà, ông bác vật trả lời:

- Ai lỡ cất nhà nơi đâu, cứ yên lòng ở đó. Tôi không bao giờ có ý đuổi bà con. Tôi còn muốn kêu gọi bà con đến thêm, ở đông chừng nào vui chừng nấy, thỉnh thoảng mời bà con vô nhà tôi chơi. Lúc nào tôi cũng ở nhà để lo việc khoa học. Tánh tôi bình dân lắm, ai có chuyện gì khó hiểu tôi sẵn sàng giải thích.

Kể từ đó, buổi trưa hoặc buổi tối, nhà ông bác vật luôn luôn tấp nập. Đi rừng bắt được rùa, săn được heo rừng là bà con nghĩ đến ông, đem lại tặng. Đáp tạ thanh tình ấy, ông bác vật dặt từng người vào phòng làm việc của mình. Trên vách, hai hàng kê đầy sách mỗi quyển dày hơn tác tây, lưng da mạ chữ vàng lấp lánh. Một cái bàn tròn chiếm giữa phòng. Trên đó đủ kiểu ly, hũ, bầu... Toàn bằng pha lê trong vắt: cái thì méo miệng, cái thì tròn như trái dừa, có cổ dài uốn éo như cổ cò. Lại thêm chiếc đĩa bằng pha lê dựng đứng trong ống, dài theo ống có lẫn đỏ như vạch đo từng phân, từng ly tí mĩ.

- Thứ gì ngộ quá vậy, dượng Hai.

Đáp:

- Đồ dùng để thí nghiệm hóa học.

- Hóa học là chi vậy, thưa dượng.

Ông bác vật mỉm cười:

- Khó cắt nghĩa lắm. Thủng thỉnh, bà con sẽ rõ. Hóa là biến hóa... Các chất hóa học hiện nay còn thiếu mới mua được chút ít. E nguy hiểm, tôi chưa dám cho bà con xem.

Mãn buổi thăm viếng, bà con xóm ngọn Xẻo Bần vô cùng thắc mắc. Ban nãy, còn biết bao nhiêu câu hỏi mà họ không dám hỏi môi thổ lộ ra. Giờ đây, họ xúm xít lại bàn tán cho hả hoi:

- Bà con biết không? Nghe tới hóa học tôi điếng hồn. Rủi ro nó nổ bắt tử. Nội mấy cái ly, cái bầu của ông cũng đủ ghim miệng nát bấy thi thể bà con mình.

- Đừng nói bậy! Người ta dùng nó được nên mới dám chứa chấp. Tôi nghi dượng Hai mình làm... Quốc sự. Nhè ông chế tạo bom đạn, dân chúng ở đây, ắt phải liên can.

- Ủ, tôi coi ông là người có kỳ tài.

- Kỳ tài gì? Thực lộc chi thể. Chắc ông có bằng cấp bên Tây. Nhờ vậy...

- Bằng cấp gì? Có thì ông nói rồi. Chắc là “nhảy đầm” ở bên rồi về đây. Năm ngoái tôi đi Trà Vinh gặp ông nọ xưng là bác vật canh nông. Ông trồng mười cây đu đủ; lớn lên toàn là đu đủ đực...

- Nói xấu thiên hạ đi! Biết đâu ông muốn trồng đu đủ đực để thí nghiệm.

- Ôi thôi! Hơi đâu mà cãi. Xứ mình không bao giờ có nhơn tài được. Đi qua học bên Tây, nếu người Việt Nam nào trở tài thì Tây ám sát hết. Tụi nó “muối nước đá” bắt nhơn tài của mình đem ướp cho chết, không cần đâm chém hoặc chích thuốc cho loạn óc, tê bại... Dầu sao Dượng Hai mình cũng là người dễ thương biết chữ nghĩa nhiều hơn mình.

Rồi thì ai về nhà này, sáng thì đi lưới, tối lại phá rừng. Công việc sanh nhai của họ ngày thêm đình trệ. Làm ra được, ngắt bán không ai mua. Vải bô giá càng mắc, kiếm không ra. Có điều lạ là dạo ấy thuốc ký ninh mua rất rẻ, thứ ký ninh bọc đường uống ngọt ngọt. Thiên hạ bảo đó là phát minh của Nhựt Bôn, thuộc giống giống da vàng như người Việt Nam mình, nhưng họ biết chế thứ máy bay có mặt trời đỏ sau đuôi, thường bay lượn dài theo ven biển này.

*

* *

Dượng Hai bỗng trở nên vui vẻ lạ thường, kể từ ngày đi Bến Tre về.

Trước mặt bà con chòm xóm, dượng tuyên bố:

- Mình ở đây sống trên kho vàng mà không hay. Nay mai, ai nấy đều có công ăn chuyện làm. Tôi sẽ cất một cái xưởng lớn. Thời Trời giúp tôi.

Có người hỏi:

- Mình dùng hóa học để chế tạo ra vàng, phải không?

Dượng im lặng mỉm cười rồi mở tủ, lấy cho mọi người xem một khối vuông, màu vàng như đất sét:

- Đây là xà bông của tôi mới chế tạo như ở Bến Tre. Cỡ này, nó lên giá gấp ba vì không nhập cảng nguyên liệu hóa học được. Tôi hy vọng giúp bà con công ăn việc làm, xưởng xà bông của tôi sẽ cất tại đây thật gấp, cần dùng hàng trăm nhân công.

Họ trở mắt nhìn cho biết thứ xà bông mới lạ đó. Hồi nào tới giờ, ở đây ít ai cần dùng đến xà bông nên không mua về. Họ dùng cám hoặc vỏ trái khóm chà vào bàn tay là bao nhiêu bụi bặm, dầu mỡ đều trôi hết.

Dượng Hai nói tiếp:

- Lúc này Nhựt Bôn đánh giặc với Đồng Minh. Đường giao thông tiếp tế bị ngăn cản. Vì vậy, thiếu xà bông. Giá xà bông từ hai cắc một kí lô đến sáu cắc. Nay mình chế tạo xà bông bốn xứ, bán chừng bốn cắc thì thiên hạ xúm lại giành mua như tôm tươi, mặc dầu xấu hơn chút ít!

- Ở Xẻo Bần này, làm sao đủ vật dụng?

- Sao không đủ! Mình cần dùng có hai món: dầu dừa với nước tro. Dầu dừa đã sẵn sàng: Ra Hòn Tre mua dừa khô về thăng lại. Nước tro thì nào là tro than được, tro bẹ dừa, tro cây mắm. Nhứt là cây mắm, mọc đầy bãi biển, tro nó mặn hơn hết và rẻ vốn hơn hết.

- Nấu cách nào vậy dượng? Để tui tôi về nấu thử.

“Để tui tôi về nấu thử”. Máy tiếng đó khiến cho vàng trán của dượng Hai nhăn lên, thoáng qua chút gì lo ngại. Nhưng chỉ thoáng qua thôi! Dượng cười to, lấy trong tủ đem ra một cái ống thiếc.

Mở ống, bên trong lộ ra một vật khác bằng thủy tinh nhỏ hơn chiếc đĩa, bề dài cũng ngắn hơn, một đầu thì tròn vo. Dượng nói:

- Đây là... Cái ống thủy. Phải có nó mới nấu xà bông được. Dùng để cân nước tro.

- Cân là làm sao dượng?

- Cân là đo lường sức nặng của nước. Thí dụ như chén nước tro này: muốn biết mặn hay lạt, phải thả cái ống thủy vô coi thử nó mặn tới mấy độ.

Nói xong, dựng bỏ ống thủy vào nước tro. Lạ thay! Ống thủy dựng đứng. Dựng nói:

- Số 32, bà con thấy chưa. Bây giờ tôi đổ nước lạnh từ từ. Nước tro bớt mặn, ống thủy nổi không phải ngay số 32 mà thấp hơn: con số 31, 30, 29. Phải mặn đủ chữ nước tro mới hiệp với dầu dừa để thành xà bông. Bằng không hai thứ ấy cứ lỏng bông. Ống thủy này bây giờ mắc lắm, bên Tây không còn gỏi qua được. Bí mật của nghề làm xà bông là vậy... Thôi, mai này bà con lại đây, tôi nấu thử cho coi.

Buổi gặp gỡ khi này mở đầu cho bao nhiêu hậu quả tai hại mà dựng Hai không đoán trước được. Dân chúng ở ngọn Xẻo Bần suy nghĩ: nếu mình chế tạo được xà bông thì tội gì đi làm mướn cho dựng Hai. Bà con lồi xóm có thể tự ý mở ra mỗi người một xưởng nhỏ. Điều quan trọng là nấu một lần coi nó có đặc không, thay vì dùng ống thủy để cân nước tro, họ dùng lưỡi mà nếm thử.

Trong khi Dựng Hai thí nghiệm xà bông tại nhà, đằng này bà con xóm Ngọn cũng bỏ hết công việc làm để... “nấu” với kiến thức tối thiểu của mình. Nước tro cây mắm, dầu dừa và nước lạnh trộn trong chảo, bắc lên bếp. Họ ngóng xem kết quả. Nhăm chừng xà bông có thể đặc, họ cho nhiều vài giọt trên giấy hút thuốc. Nhưng lạ thay! khi đổ ra khuôn, xà bông chỉ đặc trên mặt, lớp dưới lỏng bông toàn nước tro mặn đắng.

- Tại mình thiếu cái ống thủy để cân nước tro - Một người nói.

- Phải đó! Tro cây mắm mặn không đồng đều, cây già mặn hơn cây non, khúc gốc mặn hơn khúc ngọn, tôi chắc như vậy.

Có người thở thê:

- Hay là... để tôi lại đăng lén ăn cắp cái ống thủy đem về đây cho bà con mình xài.

Người khác can gián:

- Ở tù chết. Hơn nữa, đem về đây mình biết xài nó theo cách nào? Ai biết số, biết chữ? Tôi tưởng mình nên ăn cắp một chút nước tro, thử nước tro mà ông đã thí nghiệm, được coi là đúng chữ. Đem chén nước đó về đây, mình cứ chế tạo một cái ống thủy khác, không cần mua ở bên Tây như ông.

- Làm cách nào?

- Mình kiếm cái chai dầu gió cũ, bỏ dần vào đó một hột chì rồi đập nút lại, để chai nọ không nằm ngang khi nổi trên mặt nước. Đó là ống thủy của mình tạm chế tạo. Bây giờ mình thả chai dầu gió nọ vô nước tro, thử nước tro mà dựng Hai đã cân rồi, đúng chữ. Hết chai dầu gió chìm xuống đến mức nào, mình ghi lần mặt nước ấy vào hông chai.

Ý kiến đó được hoan nghinh và thi hành.

Thế là vài ngày sau mỗi người đều có một ống thủy riêng biệt. Dựng Hai nào hay biết chuyện gì, ngày hai buổi, dựng đình ninh rằng với một kế hoạch châu đáo, theo qui mô to lớn, xóm ngọn Xẻo Bần sẽ trở thành một trung tâm quan trọng.

Nhưng có điều khiến dựng khó hiểu: Từ nửa tháng qua, bà con lồi xóm ít lại đây để nói chuyện như mọi lần.

*

* *

Một buổi sáng, chú Xồi bơi chiếc xuồng “tạp hóa” đến bến, mời dựng:

- Dựng Hai mua xà bông không? Xóm mình chế tạo thứ này nhiều quá rồi. Đem giặt quần áo bọt cũng nhiều như xà bông bên Tây.

Dựng Hai thất sắc:

- Ai chế tạo vậy?

Chú Xồi đáp:

- Nhà nào cũng có nấu. Không tin dựng đi dạo coi thử.

Đến bây giờ, dựng Hai mới hiểu tại sao hôm rày mấy người trong xóm khi gặp dựng là họ chào hỏi sơ qua rồi kiêu từ lập tức, sắc mặt không được tự nhiên.

Dượng thử dài:

- Trách ai bây giờ! Tại mình “sinh bất phùng thời”

Bao nhiêu xà bông sản xuất ở ngọn Xẻo Bần được tung ra khắp thị trường miền Hậu Giang. Cạnh tranh có hiệu quả với loại xà bông chế tạo bằng tro dừa ở Bến Tre vì tro cây mắm ở đây mặn hơn. Mỗi khi đi bán từ xa trở về, họ không quên mua tặng cho dương vài gói trà Kỳ Chưởng.

- Trăm sự cũng nhờ khoa học của dương đó, dương ạ!

Dượng Hai đáp:

- Tôi mừng giùm bà con. Bà con đi dọc đường có gặp ai nấu xà bông như xóm mình đây không? Phải thận trọng, giấu nghề...

- Có. Nhưng xấu hơn xà bông mình nhiều. Họ bán chạy nhờ có hiệu. Kỳ này tôi tính khắc con dấu Việt Tân, Việt Hưng gì đó để đóng vô, kèm theo hình mặt trời cho cục xà bông nó “mạnh” một chút.

...Năm 1945, cả xóm ngọn Xẻo Bần không nấu xà bông nữa. Họ phải lo những chuyện khác cao cả hơn. Nhưng ý nghĩa của cuộc chiến đấu mới nào có gì lạ hơn là làm cho dân giàu nước mạnh, phát triển nội hóa. Có lẽ vì lý do đó mà họ hăng hái hơn ai hết. Vì họ đã thấy rõ một lần rồi.

Đảng “cánh buồm đen”

Từ thuở nhỏ, Sáu Bộ theo một người bạn lên núi Cô Tô để học đạo nhưng không có đạo nào quyền rũ anh được lâu dài. Hết đạo Ôt qua tới đạo Đất; từ giã ông đạo Đất, anh đến thọ giới tại cốc của ông đạo Năm. Chán ông đạo Năm, anh đi lang thang qua núi Dải với ý định cuộc đất làm rầy. Buổi chiều đó, anh ngồi trên phiến đá, mắt đăm đăm nhìn cảnh núi rừng, chợt thấy một ông lão râu tóc bạc phơ, tay chống gậy trầm hương từ từ đi lại. Đoán chừng đó là một trong số trăm ngàn đạo sĩ ở vùng Thất Sơn này, anh không để ý cho lắm. Nhưng ông lão nọ bỗng dừng bước trước mặt anh, nhíp gậy xuống đất ba lần, cười lên ba tiếng lớn mà rằng:

Chim bay về núi tối rồi.

Sao không lo liệu còn ngồi chi đây?

Anh đứng dậy, chấp tay chào. Đạo sĩ ung dung nói:

- Chưa nghe lời ta ư? Thời kỳ này là thời kỳ *mạt pháp*... Chim đã bay về núi, trời đã tối.

Anh đáp:

- Con chưa hiểu rõ. Bạch đạo sĩ, *mạt pháp* nghĩa là thế nào? Phải chăng mạt pháp là người Pháp tàn mạt?

Đạo sĩ gật đầu:

- Khá khen cho con. Hiềm vì con có chí mà thiếu tài. Nghe con nói, bản đạo vui vẻ biết mấy như giữa trưa nắng mà uống được nước Cam lồ. Mạt pháp có nghĩa là thời kỳ giáo pháp suy đồi, đạo đức của tiền nhân không còn được thịnh. Tại vì nhân tâm rối loạn ư? Cũng phải. Tại vì bọn Phú Lang Sa ư? Thậm phải... Con hiểu sai nhưng mà nói đúng.

- Bạch đạo sĩ, đó là chuyện quốc sự của kẻ còn nặng lòng trần tục.

- Nhưng ở đây chúng ta chưa phải là tiên. Đạo sĩ nói.

Đuối lý, anh cố suy nghĩ để trả lời. Đạo sĩ nói tiếp:

- Thời buổi *mạt pháp* này chưa có ai thành tiên hoặc gặp tiên được. Ai nói ngược lại tức là dối mình, dối người, dối với non cao, dối với bể rộng... Muốn thành tiên thì phải dày công tu luyện để ngày kia giữ được chức vị cao.

- Bạch đạo sĩ, công tu luyện ấy như thế nào... Chức vị ấy gọi là chi?

Đạo sĩ nói lớn:

- Gọi là chức vị “chặt đầu Tây”. Con nghe chưa? Con nghe chưa? Xưa kia đức Nguyễn Trung Trực phá Kiên giang. Lúc sa cơ, Người không mảy may úy tử. Trước pháp trường, giặc khuyến dụ trăm điều, hứa ban cho... ôi thôi bao nhiêu là bạc vàng, chức vị! Người cả cười, chỉ xin thọ lãnh một chức vị: chức nào mà Người có quyền chặt đầu tất cả bọn Tây.

Giọng đạo sĩ như nghẹn ngào:

- Hỡi ôi! Dững tướng đã rơi đầu mà lời vàng ngọc nọ mãi rền vang trong lòng người, khắp non cao biển rộng... Chặt đầu Tây! Chặt đầu Tây!

Dứt lời, đạo sĩ quay mình. Gió thổi mạnh. Lá rừng cát núi bốc lên xoay tròn mờ mịt như khóa dấu chân, che dáng hình của đạo sĩ. Anh Sáu Bộ tắt tả chạy theo, đôi mắt chóa lòa như vừa sống trong một giấc chiêm bao mâu nhiệm.

- Sư phụ! Cúi xin sư phụ thương con!

Giữa muôn trùng cỏ cây, anh chỉ nghe đá núi vọng lại:

- Chặt đầu Tây! Lời ấy không phải của ta nói. Con nghe không? Lời ấy của trời đất nói.

Thế là năm năm sau, chàng trai trẻ ấy xuống núi. Tên Sáu Bộ được sửa lại là Tư Hiền, Tư Hiền chỉ mang theo cây roi dài một thước tám, bằng cây trắc. Với cây roi ấy và đường quờn Lưu Thủy, anh nghiêm nhiên trở thành chúa đảng Cánh Buồm Đen, hùng cứ từ mũi Cà Mau đến hải phận Hà Tiên.

Sáng tinh sương. Như thường lệ, Tư Hiền định cho ghe chạy dài theo mé biển. Vừa tách khỏi hòn Tre, gió nam thổi xuôi đưa anh về phía hòn Sơn Rái.

Kia, một chiếc ghe trôi bèo theo sóng, lá buồm sụp xuống, cột buồm đứt hết dây chằng. Lập tức anh cập lại đoán có người vừa bị nạn. Trong ghe nọ chỉ thấy một ông lão nằm mê man bất tỉnh. Sau khi được cạy miệng uống hớp nước lạnh, ông tỉnh lại nhìn đáo dác:

- Ông đây là ai?

Tư Hiền đáp:

- Tôi là người đi mò ngọc điệp ở hòn Nhạn.

Ông lão khóc nức nở:

- Ăn cướp đánh tôi. Cha con tôi đi Rạch Giá bán tôm khô, về ngang đây bị nó chặn lại giật hết tiền, bắt luôn con gái; hẹn ba ngày sau đem trả lại.

Tư Hiền nói:

- Nó đi hướng nào? Lâu mau rồi? Tôi bắt tụi bắt lương này đem về lập tức cho ông coi.

Tức thời buồm mũi và buồm lái xô ra. Tay anh siết dây lèo thượng. Ghe phóng nhanh tới. Không mấy phút, đã thấy một đóm đen trước mặt.

Anh hét to:

- Tụi bây coi tao!

Chiếc ghe trước vẫn giương hai cánh buồm màu đen chạy ngao nghể, khinh thường. Anh cho ghe sát lại, nhảy qua quờ roi đánh mạnh khiến sợi dây chằng ghe nọ phải đứt. Buồm sụp xuống. Ghe chạy đảo nghiêng gần chìm. Nghe vù một tiếng, Tư Hiền vội né mình. Biết rằng gặp tay đôi thủ lợi hại, anh bình tĩnh chống đỡ. Chợt liếc phía sau, thấy ngọn lao phóng tới, anh lách qua. Ngọn lao đâm trúng bệ ghe, ghì sâu vào, tên nọ lơ trợn té xuống biển.

- Biết ta là ai chưa?

Chưa dứt lời, Tư Hiền đã gài ngọn roi của tên còn lại xuống sạp. Hắn cố sức gỡ lên nhưng không xuể, rớt cuộc đành quì xuống:

- Nói thiệt với ông, tôi là ăn cướp biển. Lâu nay tôi từng gặp nhiều người tài giỏi nhưng chưa ai bằng ông. Tên thiệt tôi là Năm Bùn.

Tư Hiền đáp:

- Tại sao đánh một người già cả, nghèo hơn mình? Con gái của người ta mày giấu ở đâu? Mau trả lại. Đồ du côn!

Năm Bùn năn nỉ:

- Trăm sự chỉ vì tôi chưa hiểu. Cô đó tôi giấu dưới khoang hầm.

Tư Hiền rất đỗi ngạc nhiên khi thấy nhan sắc khá lộng lẫy của cô nọ. Cô quì xuống lạy tạ ơn. Lập tức, anh bèn đưa cô sang ghe mình. Sau khi nhận lời hứa tái ngộ với Năm Bùn tại hòn Đá Bạc, anh cho thuyền trở về gặp ông lão nọ.

Đêm ấy anh ăn cơm ở Rạch Cốc, tại nhà ông lão. Nhon bữa ăn, anh nhận thấy ông lão có ý tạ ơn mình bằng cách gả con gái cho, nếu anh muốn. Anh viện nhiều lẽ để từ chối. Trước lòng chân thành của gia đình, anh hứa sẽ trở về cưới, sau một thời gian hai năm.

- Kim Thoa! Đừng buồn nghe em. Anh thề chết sống gì cũng trở lại cưới em làm vợ. Bây giờ anh phải ra đi. Anh đi sao thì về vậy...

Từ giã xong, Tư Hiền cho ghe tách bến, nhắm hướng hòn Đá Bạc đúng theo lời hứa với Năm Bùn.

Thấy ghe của Tư Hiền đến đúng hẹn, Năm Bùn vô cùng mừng rỡ, khâm phục và ra lệnh cho bộ hạ phải nghiêm chỉnh đón chào.

Để tỏ lòng thành thật của mình, Tư Hiền đi hai tay không, để cây roi dưới ghe. Chào hỏi xong xuôi anh nhờ Năm Bùn cho bộ hạ lấy roi lên giùm mình. Lúc ăn uống, Tư Hiền ao ước được thưởng thức võ nghệ của đảng Cánh Buồm Đen. Để đáp tạ, anh biểu diễn cho ai nấy xem một đường roi Lưu Thủy đã học được trên núi. Lúc biểu diễn, người ở ngoài tự do ném đá hoặc phóng dao vào thử. Ngọn roi xoay chung quanh mình anh như nước chảy không dứt, không rời, chớp nhoáng như gió...

Kết quả là Năm Bùn sẵn sàng giao đảng Cánh Buồm Đen cho Tư Hiền làm đảng trưởng. Nhờ vậy đảng được chỉnh đốn lại.

Hàng ngày, các bộ hạ phải luyện tập võ nghệ cho tinh thông, cấm tuyệt không xâm phạm tài sản của người chài lưới ở ven biển. Hai kẻ thù chánh cần đánh đổ không nương tay là đoàn tàu “đoan” của Tây và ghe buôn lậu Hải Nam.

Từ đó về sau, nhiều tin tức mới lạ được làm đầu đề bàn tán cho dân chúng miền duyên hải Rạch Giá, Cà Mau:

- Trời ơi! Hai thằng con trai của ông X. bị ghe Hải Nam bắt, tưởng biệt tích... Ai dè mấy ông Buồm Đen giựt lại được.

- Sáng hôm qua, có cái churen vịt tàu của tụi “tàu cáo” để sẵn trên sân chợ. Tây hoảng hồn nhìn ra đó là churen vịt của chiếc ca nô tuần biên đi mấy bữa rày chưa thấy về.

- Mấy ông Buồm Đen đốt ghe Hải Nam ở hòn Nhạn. Bên này chết ba, bên kia chết trọn tàu...

Ba năm sau, có tin đảng Cánh Buồm Đen đã rã.

Người đồn rằng: Chúa đảng vì quá giàu có nên trốn qua Xiêm. Không tán thành ý đó, kẻ khác quả quyết rằng chính mắt mình đã thấy xác chúa đảng trôi tấp vào bãi. Từ sáu tháng nay, đảng Cánh Buồm Đen là đảng giả mạo.

Gia Đình của cô Kim Thoa khổ tâm hơn hết. Một đêm lạnh lẽo nọ, có tiếng gõ cửa. Tư Hiền bước vào, ôm ghì lấy người hôn thê:

- Anh phải về, không bao giờ anh làm nghề này nữa.

- Tây tập nả anh, phải không?

- Số là anh vừa giết oan một người. Tụi ghe Hải Nam lên hòn để mua heo, chừng kéo neo chúng không chịu trả tiền; anh đánh chết năm đứa. Nhưng rủi thay gặp một đứa biết võ nghệ khá cao. Anh đánh roi xuống. Nó đứng trên bãi, đưa roi lên đỡ trúng. Ngất anh xuống tay mạnh quá, nó lún xuống bùn, ngã lẩn trào máu miệng. Lúc hấp hối, nó ngoắc anh lại mà nói: “Tôi không phải chủ ghe. Tôi ở mướn mãi đời, giết tôi mà chi!”. Cảm động quá, anh cúi xuống xin lỗi nó, nó khoát tay anh ra, nói tiếp: “Tôi tha lỗi thì được. Còn vợ con tôi ở Hải Nam cũng đương làm mướn, làm sao anh xin lỗi được...”

Kim Thoa! Em nghe anh nói lại chưa? Đây là lần đầu tiên trong đời mà anh đau đớn nhứt. Anh giết oan người ta. Ngọn roi này, anh xuống tay mạnh quá, bị ô uế rồi. Tội nghiệp, chết không nhắm mắt mà ngón tay hằn còn chỉ về phía biển khơi, nơi quê vợ con. Thấy phận người mà nhớ tới phận mình, anh vội về đây.

*

* *

Tháng hai năm 1946. Có tin: Tây trở lại chiếm gần tới Rạch Giá, chúng đã nhảy dù xuống biên giới Việt Miên gần núi Sam, Châu Đốc. Dân chúng sục sùi cầm hờn tập trung lại ngọn Cái Bắc để bày mưu kế. Có đến trên ba mươi thanh niên tình nguyện đi bắt sống bọn Tây nhảy dù ở xa cách quê nhà hàng hai trăm cây số. Họ thiết lập một bàn thờ Tổ quốc giữa rừng, lấy củi trâm đốt thệ cho trâm hương và mươn mặt đất để làm đỉnh đồng. Y phục của họ khác nhau, nhưng giống nhau ở chất vải màu luốc luốc, chứa chấp bao nhiêu rận. Giữa quang cảnh mộc mạc, thiêng liêng đó, người ta thấy một ông lão râu tóc bạc phơ chông cây gậy cao khỏi đầu bước ra.

Ai nẩy thâm thì:

- Ông Năm Lập thợ câu của xóm mình!

Ông lão nọ bỗng rung rung nước mắt:

- Không! tôi không phải Năm Lập. Tên thật của tôi là Sáu Bộ. Có mấy năm đó, tôi lấy danh hiệu Tư Hiền, cầm đầu đảng Cánh Buồm Đen.

- Trời! Chúa Đảng là đây sao?

- Nói thật với bà con, tôi mai danh ẩn tích. Hôm nay tôi phải ra mặt. Nếu ngồi ì ở nhà, không ai làm gì tôi, nhưng tôi cảm thấy nhục nhã như thiếu món nợ gì đối với trời đất, núi non. Nếu xét tôi có tội, anh em cứ giết tôi để tể cờ. Bằng không thì cho phép tôi truyền lại bí quyết nhiệm màu của đường Lưu Thủy mà thầy tôi dạy hồi năm mươi năm trước. Đường quờn này ít ai biết lắm, lúc tôi diễn, bà con cứ ném cây, phóng dao vô mà không bao giờ trúng tôi.

Ông đứng thẳng người, hai tay chấp cây roi lên bái tổ rất kính cẩn. Rồi thì vút một tiếng, ngọn roi xoay tròn che lấp thân ông như dải lụa, như nước từ trên thác tuôn xuống chấp chóa. Đến kẻ ngỗ nghịch nhứt cũng không dám ném cây vào để thí nghiệm như ông cho phép.

Lại một cuộc bàn tán náo nhiệt, vô trật tự:

- Học được đường quờn của ông, chắc Tây về nước rồi. Thời giờ cấp bách lắm!

- Đi bắt “Tây nhảy dù” chỉ cần thanh niên lanh lẹn. Ông đi không được đâu. Để tui tôi đồn tầm vòng vạt nhơn, lẹ hơn...

Giọng ông lão nói ngậm ngùi:

- Không lẽ tôi tự vận. Bà con thương tôi. Nó là cây roi có chức vị “chặt đầu Tây” của tổ sư tôi truyền lại ở núi Dài, năm đó.

- Thôi, lộn xộn quá. Ông cho tôi cây roi này để làm cán mác thì hợp thời hơn, chặt vắn lại vài tấc, đầu kia tra lưỡi mác thông. Có chất sắt thêm vô, ngọn roi của ông mới xài được. Tôi biết là hư cây roi, uổng lắm nhưng ông chịu phiền.

- Ủ. Làm gì thì làm, miễn dùng nó được thì thôi. Thiếu củi nấu cơm, chặt khúc nó mà chụm, lão đây cũng không tiếc. Mấy cháu biết không? Đây là thời kỳ *mạt pháp*.

Đoàn quân ra đi gấp. Làm sao họ có thời giờ để hỏi han ông về một đôi danh từ xa lạ đó? Họ tản ra bốn hướng trời, ít người được trở về xóm cũ. Sau đó vài tháng, giặc vào đốt xóm. Ông lão nọ chết vì không chịu tản cư, lượm lại một tình cảm lạ lùng, khó dứt khoát đối với những ai chưa hiểu rõ hoàn cảnh đặc biệt của phân đất Cà Mau tận cùng này.

Con Bầy đưa đồ

Rạch Cái Cau là ngọn sông Cái Lớn ăn qua địa phận tỉnh Cần Thơ. Trên ba mươi năm về trước, đó là nơi sâm uất, lau sậy mọc um tùm quanh mấy gốc bần to lớn cỡ hai người ôm không xuể. Sớm thì chim kêu, chiều thì vượn hú, quang cảnh buồn bã làm sao! Thỉnh thoảng, có người bảo rằng: giữa đêm khuya nghe tiếng cộp rỗng. Những tin đồn dãi bắt lạnh như vậy lần lần bị đánh tan và không còn làm cho ai sợ sệt nữa. Kìa kính Xáng Lái Hiếu vừa múc xong! Ngọn nước bạc mát lạnh, ngon lành đồ tuôn qua Rạch Giá, mang mây dề lục bình lá xanh bông tím trôi phiêu lưu từ sông Hậu Giang ra ngoài khơi vịnh Xiêm La xa thẳm.

Sông rạch thông thương, vàm Cái Cau lần lần có người đến cất nhà đông đúc thành xóm nhỏ, có ông hương ấp đứng đầu. Ông hương ấp họ tên gì? Nhà ở lối nào? Điều đó khách thương hồ ít ai quan tâm đến.

Có qua đây, dầu vô tình đến cách mấy đi nữa họ cũng phải chú ý đến một cái tên, hay nói đúng hơn là một giọng hát: giọng hát của con Bầy đưa đồ. Nó xa lạ nhưng quen thân, âm áp. Khi cất lên thì cao hơn tầm bay bông của con cò, con vạc, cao vút tận mây vì sao đêm lấp lánh; giọng ấy lúc buông trầm xuống thì như hơi gió xao động cả giòng sông, chuyển rung mặt nước dầu khi thuyền đã xa khuất. Nó trở thành một lớp mù sương mờ ảo che lấp bóng dáng của người hát. Khách ngẩn ngơ nhìn theo không còn thấy gì nữa, tâm trí băng khuâng giữa cảnh sông rạch âm u với nhánh “bần gie con đóm đậu sáng ngời”.

Người hát hay thường thường là có nhan sắc.

Bao nhiêu người tưởng tượng như vậy. Họ tìm tòi rồi đâm ra thất vọng. Vài người quả quyết:

- Cô lái đò này mặt rỗ hoa mè.

Nhưng rồi không nói ra, họ cũng phải nhìn nhận một sự thật: con Bầy có gương mặt chữ điền, đôi mắt đen lánh và vóc hình cao ráo.

Lý lịch của con Bầy ra sao? Chuyện đó lại càng khó hiểu. Chính ông hương ấp cũng chưa rõ vì hồi đó đàn bà, con gái không mang giấy chứng chỉ nên không có ghi tên vào bộ sổ. Mấy người ở lâu năm tại vùng này nói lại: năm đó, đầu từ miệt Cần Thơ, con Bầy xuống đây gặt mướn. Có điều lạ là đến khi rồi mùa thì cất chòi mà ở luôn chớ không về xứ. Năm sau, người mẹ già mang bệnh mà chết. Con Bầy đành sống một mình, hằng đêm chuyên nghề bán bánh bèo cho ghe xuống qua lại để độ nhứt; sau đó, đưa đồ. Xóm này bao nhiêu trai làng găm ghé nhưng nó không ưng ai. Lần lần thiên hạ phải dưng ra.

Dạo nọ, cậu trai làng con của ông hương ấp vừa học được câu hát:

- *Hò... ơ... Anh muốn gá chữ lương duyên với em trăm năm tình chồng nghĩa vợ. Mai sau anh có vô phân từ trần, xấu phước chết trước thì em ơi! Đừng chôn xác anh dưới nước sâu sợ e con đĩa cắn, đừng chôn anh trên gò bởi ngại con mồi ăn...*

Gái trong làng không ai đối được. Cậu trai nọ thích chí hát mãi một câu ấy hầu khoe tài khoe trí của mình. Nhưng đêm sau, giọng hò con Bầy trả lời:

- *Hò... ơ... Em gá chữ lương duyên với anh trăm năm tình chồng nghĩa vợ. Mai sau anh có xấu phân từ trần chết trước, em rước thợ Bắc về cần đá lục lăng để chôn chàng.*

Nghe câu đáp, ai nấy tấm tắc khen ngợi. Khi nắm mồ được cần đá thì sợ gì đĩa cắn, mồi ăn. Đó là cách giải quyết ôn hòa nhất của mối tình bền như đá. Cậu trai nọ suy nghĩ tìm nhớ câu rao khác để thử tài con Bầy. Nhưng giọng con Bầy vội đuổi theo:

- *Hò ơ... Gái tôi không hò đến chuyện Tây Du thì thôi, chớ hò đến chuyện Tây Du thì nhắc từ thuở xưa kia, Tề Thiên Đại Thánh loạn Thiên Cung đánh trời giành đất làm cho ông Nhạc Hoàng xang bang xác bác, đến chừng thác xuống đất bị Ngũ Hành Sơn chụp dề. Phật Bà có dặn: Này Tôn Hành Giả ơi! Nằm xuống đây chờ chừng nào Tam Tạng đi thỉnh kinh mi hãy đi theo làm đệ tử, Tam*

Tặng đi đến chợ thấy Tề Thiên nên mau mau chạy đến gỡ hai lá bùa... Tề thiên vùng mình đứng dậy được, nhưng mình mày thì ôi thôi... rong rêu đóng giáp, lỗ mũi thì cỏ mọc xanh lè... Bờ trai chàng có thấy không?

Cậu trai đành chịu thua không đáp được, về nhà sanh bệnh tương tư. Trong cơn bệnh triền miên, có lần cậu đánh bạo bơi xuống qua nhà con Bảy để tỏ nỗi lòng:

*- Hò... ơ... Hột châu nhỏ xuống khoang hăm,
Em ơi! Phận em là gái phải có chồng nay mai.*

Con Bảy vội đáp:

*- Hột hôn, điền thổ, đồ lửa mái nhà,
Đứa nào muốn bậu, ông bà cháy tiêu...*

Tức tối biết bao nhiêu! Cậu trai quay trở về. Quả thật cô ta hồn xược dám khinh rẻ cậu và cả đám trai tơ ở xóm vằm này. Cũng may, câu đáp ấy nhỏ giọng vừa đủ cho cậu nghe thôi. Cậu âm thầm ôm mối hận, hằng đêm tự an ủi:

*- Đền treo Trường án, tỏ rạng bờ kinh.
Bình Thủy lưu linh, đảo lại Long Tuyền.
Trà Niên, Kinh Xăng, Ba Láng, Cái Răng
Hơn không hơn cũng kiếm cho bằng.
Có đâu thua bạn, bạn hành cười chê...*

Nhưng ở đồng quê, chuyện gì xảy ra lần lần thiên hạ đều hay biết. Họ không tiếc lời để mĩa mai con Bảy:

*- Ủ, Trời cao có mắt. “Cao hơn tấc hữu cao hơn trự”. “Trèo cao té nặng. Ngó cao đau ót”.
Cái ngày ấy lại đến.*

*

* *

Như thường lệ, con Bảy sửa soạn lên bờ ngủ. Khuya ít có khách sang ngang. Hơn nửa, trời chuyển mưa đen kịt phía Nam. Nhưng kia, một ánh đèn nho nhỏ chói lênh bênh giữa sông, từ từ trôi lại như cố ý đón đầu:

*- Hò... ơ... Thân anh như con phụng lạc bầy.
Thấy em lẻ bạn, anh muốn vầy duyên loan.*

Câu rao ấy thuộc loại tầm thường! Nhưng cảm mến cái giọng trai âm áp, con Bảy hát lại:

*- Gặp mặt anh đây, em muốn vầy hai họ,
Sợ vợ anh ở nhà tiếng nọ tiếng kia.*

Khách cười to:

*- Anh nói với em, anh đã có vợ nhà.
Vợ thì mặc vợ, anh xử hoà thì thôi!*

Thừa lúc con Bảy đang rối trí, khách hò thêm một hơi:

*- Anh thương em, thương quán thương quít,
Bồng ra gốc mít. Bồng xít gốc chanh.
Bồng quanh đám sậy. Bồng bậy vô mui.
Bồng lủi sang lái. Bồng ngoáy trước mũi.
Đặt em nằm xuống đây...*

Kể từ hồi em đau ban của lưỡi trắng, miệng đắng, cơm hôi.

Tiểu công anh đỡ đứng, bỗng ngồi.

Bây giờ em vinh hiển... em bắt anh đi bán nôi làm chi?

Ý trách người tình nhân bạc bẽo! Trí nhớ của con Bảy bao giờ cũng có cách sẵn sàng ứng phó:

- Bánh bò một vốn ba bốn đồng lời, khuyên anh ở nhà cứ việc ăn chơi. Để em đi bán kiếm ít tiền lời, trước nuôi ba với má, sau lại nuôi mình...

Cũng là tưởng nghĩa tưởng tình. Ai dè anh bạc nghĩa em phải ở một mình bơ vơ!

Khách bên xuống nọ lên tiếng:

- Ở nàng ơi!

Kiến nghĩa bất vi vô đông già, lâm nguy bất cứu mạc anh hùng. Nàng còn nghĩ phận chữ tùng, thì trao dây xích buộc vòng sau đây.

Tức thì khách quày xuống đi trước, rủ con Bảy tranh tài với khách. Nào chịu thua, con Bảy liền bơi theo sau.

Mái chèo phía trước nhịp nhàng:

- Đêm khuya anh thức dậy xem trời;

Anh thấy sao Nguyệt Bạch, ngó xuống lòng rạch, anh thấy con cá chạch nó lội đở đuôi.

Nước chảy xuôi, con cá bơi nó lội ngược.

Nước chảy ngược, con cá nược nó lội theo.

Anh than với em rằng số phận anh nghèo.

Đũa tre đâu dám đánh đèo với đũa mun.

Giọng con bảy lãnh lót đuôi theo:

- Canh khuya em thức dậy, em lau nĩa, rửa đĩa, dọn bàn,

Tay em san rượu chát, miệng em hát một đôi câu.

Trên lầu kia tiếng chuông đánh rộ,

Dưới nhà việc trống đổ tàn canh.

Em đây lịch sự chi đó mà đi đâu năm bảy người giành?

Giả như con cá kia ở chợ, dạ ai đành nấy mua.

Đến khúc sông vắng, xuống của chàng từ từ dừng lại. Con Bảy cũng lơ mái chèo. Bên ngọn, gương mặt của chàng rõ ràng là khôi ngô, tuấn tú. Chàng nói:

- Cô Bảy hò hay quá.

Con Bảy cúi đầu:

- Anh hò hay hơn em đó chứ!

- Anh khen cái giọng hò của cô em. Nghe sao mà ngộ quá. Cô em dạy cho tôi...

- Có gì mà dạy. Đó là điệu “hò bánh bò” bắt chước giọng rao bán bánh bò trên sông. Ở đây sông rộng, nhà cửa, ghe xuồng thưa thớt. Mình phải có giọng vừa cao vừa dài, che lấp hết, để cho ai nấy nghe được mình. Khó hơn giọng hò cây nhiều lắm, vì hò cây có nhiều người ở gần mình để “hòa hơi” theo. Ở đây mình hò một mình.

Đôi mắt của chàng sáng lên, ngạc nhiên:

- Vậy sao? Hồi nào tới giờ tôi không hiểu rành.

- Ủa! Chàng ở xứ lạ mới đến à?

- Phải. Tôi ở Bình Thủy - Phong Điền xuống đây. Nhưng ở đâu cũng là non với nước.

- Em gốc ở Ba Láng. Vậy là cũng như một quê. Em đến đây hai năm rồi. Lúc này ở trên ra sao?

- Cũng vậy... Hồi tháng sáu, Tây ăn lễ lộc gì đó. Cụ cử Hoành ở Sa Đéc không chịu treo cờ của nó trước nhà. Thiên hạ đồn, không biết hư thiệt... rằng ngày lễ ấy cụ treo quần trước cửa để phản đối. Ở Bình Thủy, cụ Tòng Hiên làm bài thơ tự trào. May thay, hương chức làng giấu nhem nhưng vẫn thẩu tai quan trên. Lúc đề bài thơ ấy, cụ Tòng Hiên kẹp ngọn bút ở giữa hai ngón chân mà viết. Ngạo nghễ quá! Khí khái quá! Vừa rồi ở Cái Răng có người bị tình nghi vì đã chép bài thơ “*Vịnh chó chết trôi sông*” của cụ Cử Trị mà dán giữa nhà. Vì vậy, tôi phải đi. Qua đây gặp cô, vui biết mấy. Thôi ta tạm biệt...

Nghe qua, con Bảy bùi ngùi tắc dạ; Từ chỗ kính mến đến chỗ yêu thương chàng trai đó cũng không xa mấy. Con Bảy nhìn vầng trăng khuyết vừa hé lên khỏi ngọn bần.

- Bao giờ chàng trở lại. Em xin chờ.

Chàng cười mà đáp:

- Cám ơn.

- Lời em hứa là chắc. Hay chàng không tin nơi lời nguyên của gái đưa dò.

- Đâu phải vậy. Chỉ sợ tôi không giữ đúng lời hứa của tôi. Chí trai bốn biển là nhà. Không có sức như chim bằng, như cá kình chớ phận con se sẻ, con tép, con tôm này cũng đòi học ngao du trong vòng đất nước nhỏ hẹp.

Dứt lời, chàng đứng dậy cất mái chèo. Con Bảy xúc động, rung rung nước mắt. Duyên may một đời chưa chắc gặp hai lần.

- Vậy thì xin chàng dạy lại cho em một đôi câu hò... để em nhớ đời.

- Cô hò đã hay mà lại có duyên. Tôi còn biết gì mà dạy thêm. Họa chăng chỉ có một tấm lòng này...

“Một tấm lòng”! Con Bảy mãi suy nghĩ về ba tiếng đó, chừng giựt mình nhìn lại thì chàng đã khuất dạng trong lớp sương khuya.

*

* *

*Cầu cao ba mươi sáu nhịp,
Em qua không kịp,
Nhấn lại cùng chàng:
Cái nghĩa tào khang sao chàng vội dứt?
Đêm nằm thao thức, tưởng đó với đây,
Biết nơi nao cho phụng gặp bầy,
Cho le gặp bạn,
Ruột đau từng đoạn,
Gan thất chín từng,
Đội ta như quế với gừng,
Dầu xa nhau nữa cũng đừng tiếng chi.*

Bây giờ, con Bảy đưa dò đã già; người ở chợ vằm lại kêu bằng dì Bảy Dò. Cứ mỗi sáng, dì ngồi đó nhưng tâm trí băng khuâng theo câu hát nói trên. Chàng trai trẻ năm xưa như con nhạn bay xa. Phận của dì ví như con le bơi lội lẩn quẩn trong ao hồ nhỏ hẹp. “*Dầu xa nhau nữa cũng đừng tiếng chi*”. Phải chăng là dì năn nỉ chàng trai năm xưa đừng khinh dì là người kém lòng yêu non nước? Mấy năm rồi, dì không còn đưa dò nữa. Ngang kinh Xàng đã có cây cầu sắt. Trên, xe hơi chạy. Dưới, tàu dò đưa. Ngay tại vằm xóm nhà cũ lần lần tản ra, nhường chỗ cho một nhà lồng chợ.

Hồi nào thênh thang trời rộng sông dài, giờ đây dì ngồi lì một chỗ. Hồi nào trăng trong gió mát, giờ đây dì phải chịu đựng từ hừng đông tới lúc tan chợ trưa, bên một lò lửa cháy và một nồi nước sôi! Nãy giờ chúng tôi quên nói rõ: dì chuyên bán thịt heo luộc.

Nếu thời xưa dì nổi danh về câu hát câu hò, ngày nay món thịt heo luộc của dì cũng ngon ngọt không đâu sánh kịp. Thịt heo già, thịt heo nái mà dì luộc rồi thì cũng trở nên mềm mại, không dai, da thật

dồn. Bởi vậy, lắm người ở chợ lân cận đến đây tìm mua cho được để nhậu hoặc ăn với bánh hời.

Lắm người khách tò mò:

- Dì Bảy à, Dượng Bảy đâu rồi! Sao ở đây không ai biết cả?

Dì đáp:

- Dượng Bảy đâu còn! Cũng như không. Dì... ở góa hằng chục năm rồi mấy cháu à...

- Làm sao thịt heo của dì luộc ngon quá vậy? Chỉ cho chúng tôi học với.

- Có khó gì đâu. Nhưng... mà khó lắm! Phải luộc trong nồi nước có để chút xíu phèn. Đừng cho nước quá sôi mà hại đó mấy cháu! Khi nước sôi thì đổ vô một lọn nước lạnh. Cứ như vậy hoài. Dì chỉ cho nhiều người nhưng họ luộc không ngon, nói rằng dì giấu nghề...

- Ồ... nghe mấy bà già nói rằng hời đó dì đưa đồ, hò hát hay lắm phải không dì Bảy? Dì nhớ lại, dạy dùm chúng tôi...

Thiệt là khó quá. Không dạy, e mang tiếng làm hiêm. Mà dạy thì dạy làm sao? Ngồi đây mà nhớ đến cái thời xuân xanh năm nào! Nó như chiếc lá già rụng, mục nát trở về lòng đất để làm phân cho ngừng cây tơ khác đâm lộc nảy hoa. Nó như một chiếc xuồng cũ kéo lên trên đất khô, phơi dưới ánh nắng gay gắt. Còn đâu hơi gió cũ? Còn đâu ánh trăng xưa? Còn đâu hơi thở, còn đâu dáng người? Còn đâu bên sông “nhánh bần gieo con đóm đậu”?

Buộc lòng dì Bảy nói một câu:

- Cái việc hò hát cũng như cái việc luộc thịt heo vậy. Ai làm cũng được. Cách thức dễ ợt. Nhưng mà công phu lắm.

- Công phu là thế nào dì Bảy?

Im lặng, chập sau dì đáp:

- Ở đây, hời đó có người nói là cần “một tấm lòng”.

Chiếc ghe “Ngo”

Thiên hạ đồn rằng lục cụ Tăng Liên có phép màu nghe được tiếng chim kêu, gió thổi và nghe cả đến tâm sự từng giọt nước, từng hạt bụi trong lòng đất.

Ngày hôm qua, theo sự hướng dẫn của cụ, chú phó hương quản Hem đã đào được một chiếc ghe ngo. Không biết ghe này chôn vùi từ bao lâu rồi; chỉ biết là đất phù sa đã lấp lên gần một thước. Lục cụ Tăng Liên bèn thấp nhang giữa ruộng, đọc kinh lâm râm. Chập sau, cụ quì xuống trịnh trọng đặt tay lên mũi ghe. Ghe chưa quá mực, thân hãy còn ngời lên màu nước sơn đỏ chói. Cụ lâm bâm:

- Lâu lắm rồi... Hồi xưa kia, chừng năm bảy trăm năm qua, vùng này giàu có, sung túc. Cứ xem chiếc ghe kia cũng đủ biết người xưa tài giỏi hơn người nay...

Chú phó hương quản Hem nói:

- Thừa cụ, tìm được di tích này âu cũng là may mắn cho xóm mình. Không hiểu theo tục lệ mình có nên đào chiếc ghe này, đem xác nó về gần chùa mà thờ?

- Không được. Chiếc ghe ngo dài trên năm mươi thước. Khoảng giữa, cây đã mềm, làm sao đem về chùa nguyên vẹn được. Không khéo, chúng ta hủy hoại công trình người xưa. Thà chúng ta đừng gặp chiếc ghe này còn hơn là gặp mà phá hủy. Chú biết ghe ngo là gì không? Nó là hiện thân của rắn thần Naga, linh hiển lắm. Hồi đức Thích Ca ngồi thiền bên bờ hồ giữa rừng, rắn Naga là thần ác. Hôm ấy mưa to gió lớn, đức Thích Ca cảm hóa được rắn. Rắn bèn quấn tròn chung quanh và ngẩng đầu lên cao để che mưa gió cho đức Thích Ca. Từ đó về sau, người Miên khoét thân cây sao, theo hình rắn, hằng năm bơi đua trên sông để mừng mùa nước nổi...

Chú phó hương quản Hem đứng nghe, tỏ vẻ thành kính rồi đi theo sau lục cụ mà về chùa. Chuyến về, cả hai im lặng. Nắng chang chang. Thỉnh thoảng, họ quay lại nhìn cánh đồng mênh mông, cỏ non vừa mọc xanh rờn. Nơi ruộng sâu, nước ngập lên khỏi mặt cá, lác đác vài người lo cày bừa. Lục cụ nhìn chú phó hương quản, chú phó hương quản nhìn lục cụ. Linh tính như báo trước với họ điềm gì. Điềm ấy lợi hay hại? Một chiếc ghe ngo bị chôn vùi từ năm sáu trăm năm, nay bỗng nhiên hiện ra chào ánh mặt trời!

Như thường lệ, lục cụ Tăng Liên vào liêu an nghỉ. Phó hương quản Hem tỏ vẻ bối rối. Chú ngồi không yên. Chú không muốn về nhà khi bao nhiêu lo âu còn chồng chất, xao động trong lòng. Một ý nghĩ thoáng qua, chú lập tức bước qua bên hông chùa, nơi trại lá. Dưới trại, một chiếc ghe ngo dài kê lên cao, sơn phết kỹ lưỡng. Chiếc ghe này liên tiếp bốn mùa nước, đã làm vinh diệu cho chùa; cứ mỗi kỳ đua là thắng giải nhứt. Chú nhìn chiếc ghe từ mũi chĩa lái: bề ngang chừng tám tấc nhưng bề dài đến năm mươi thước. Hình ảnh con rắn thần Naga mà lục cụ giảng giải khi nãy hiện ra trước mặt chú. Hai cọng mắt ghe chớp lên. Toàn thân ghe như rung chuyển, ngời từng đốm xanh đỏ như vẩy rắn. Lái ghe, đặng xạ kìa, như quơ quạ quơ lại. Gió thổi rào rạt vào trại lá. Ao! Ao! Hai tai chú nghe lũng bùng tiếng côn, tiếng trống, tiếng hò reo. Ghe nọ run mình đòi phóng tới, gân cốt chuyển nghe răng rắc. Khiếp quá!

*

* *

Lục cụ ngồi trong liêu, ngóng đợi phó hương quản Hem để ra ruộng nghiên cứu xác chiếc ghe thiên cổ nọ.

Trời quá trưa, Rồi mãi xế chiều, chú phó hương quản mới tất tả bước vào, lạy cụ hai lạy như thường lệ. Đôi mắt chú phó hương quản sáng lên:

- Vì có lệnh ông Đốc Phủ chủ quận nên tôi phải đi hầu, về trễ.

Lục cụ sừng sốt:

- Đòi việc gì?

- Dạ, ông Đốc Phủ dạy chùa mình đúng ba ngày nữa phải đem ghe tới chợ Gò Quao mà đua với ghe của mấy chùa khác.

Không tuân thì có tội.

- Tội gì? Mới tháng này, chưa tới mùa rước nước! Đua ghe như vậy trái với tục lệ.

Chú phó hương quản cố suy nghĩ:

- Dạ nghe nói lễ lớn lắm. Lễ của Tây, ngày 14 tháng 7. Theo mọi năm, ở Rạch Giá mới có lễ. Năm nay, quận Gò Quao mình bắt chước phát phần thưởng.

Lục cụ Tăng Liên nghiêm mặt lại. Đem ghe ngo của nhà chùa để đua, ăn mừng một ngày lễ chẳng liên quan gì đến dân mình nghĩ cũng khó xử thật. Không tham dự là chống lại với nhà nước Lạng Sa, còn tham dự thì mất cả ý nghĩa thiêng liêng. Lục cụ bước ra khỏi liêu, đi vòng qua trại lá để ngắm chiếc ghe ngo. Cụ nói:

- Đua thì cũng được. Ngặt mình không sửa soạn trước. Rủi thua thì mất danh xóm này. Phải bào lại cho láng, sơn hai lớp thật kỹ. Chú phó hương quản biết không? Ghe không trơn láng đi chậm lắm, dầu mình cố sức bơi. Câu thả như thế này...

Chú phó hương quản nói:

- Đây là chuyện cực chẳng đã. Chùa nào cũng vậy, họ đâu có thời giờ sửa soạn kỹ hơn mình. Dầu muốn hay không, mình cũng phải đua. Nghe nói thì quan trên giúp mỗi người một ổ bánh mì, mười người lãnh một hộp sữa. Ai về nhứt, được giải... thưởng danh dự.

Lục cụ gật đầu:

- Phải, nhưng mà... chú chắc mình thắng kỳ này không?

Chú phó hương quản cười dòn:

- Dạ chắc. Dân xóm mình bơi giỏi lắm; hơn nữa, mới tìm được xác chiếc ghe ngo xưa. Ghe có hồn, lục cụ à! Hồn chiếc ghe xưa giúp chiếc ghe đời nay. Hồi hôm qua, hèn chi tôi nghe chiếc ghe ngo này chuyên mình rã rác như sung sức lắm.

Thế là sáng hôm sau lục cụ đích thân đọc kinh làm phép cho ghe ngo. Ghe đẩy xuống nước; bao nhiêu trai tráng trong làng hò reo vang dậy như... lân thấy pháo. Sáu mươi bốn cây dầm nhỏ phân phát ra, mỗi người một cây. Trước mũi ghe, cây lọng đỏ giương lên che một cái khay nhỏ đầy rượu, nhang, trầu, hoa quả và một ông Phật bằng vàng lớn cỡ ngón tay cái.

Chú phó hương quản được hân hạnh lãnh trách nhiệm chỉ huy cuộc chiến đấu sắp tới. Chú lạy lục cụ rồi đến ngôi nơi mũi ghe, dưới bóng cây lọng. Ba mươi cặp thanh niên lực lưỡng từ từ bước xuống, ngồi sắp hàng hai. Be ghe khẳm, ngang mí nước, tưởng chừng xệ xích một phân nữa là chìm. Nhưng không đâu! Chú phó hương quản đã vắn chiếc khăn nhiều đỏ lên đầu rồi đánh vào cái cồng nhỏ:

- Môn! Môn! Môn!...

Đoàn lực sĩ hạ dầm xuống khoát nước, nhịp nhàng. Chiếc ghe ngo phóng tới từng bức rồi nổi lên cao khỏi mặt nước. Nước văng trắng xóa hai bên. Ta thấy chú phó hương quản nâng cây dầm lên cao khỏi đầu, bơi trên không khí.

Tập dượt như vậy năm bảy bận, chú phó hương quản bắt đầu yên tâm. Lục cụ mỉm cười, ghé miệng vào tai chú mà căn dặn lần chót:

- Ngày một, khi sắp hàng, chú nhớ kỹ: nếu họ sắp cho mình ở phía bờ bên này thì mình phải lần tới chừng một tấc. Nước ngược chảy bên này mạnh hơn. Chùa Sóc Ven có bùa. Tránh đừng cho bên họ đụng nhằm ghe mình: không khéo ghe mình đứt ra làm hai khúc. Có bẻ gì chú ngâm ông Phật vàng vào miệng. Nhớ dặn anh em bên mình uống rượu bớt một chút. Mỗi người, phần ba lít là vừa.

Tuy nằm nhà, lục cụ Tăng Liên vẫn theo dõi được cuộc đua ghe. Cụ nhắm mắt định trí, tai lắng nghe tiếng cồng của ghe ghò chùa mình. Nó khác hẳn giọng cồng của chùa khác, cao vút hơn, thanh tao hơn.

Từ sáng đến trưa, tiếng “môn, môn, môn” nghe đều đều. Cụ nhướng mắt, cau mày rồi chập sau ngáp dài, thông cảm: ngoài kia, họ “cáp” độ chưa được. Theo thường lệ, khi xuất phát hai chiếc ghe không

ở lẫn mức nào nhứt định. Sông quá rộng. Hai bên cứ bơi chầm chầm lầy trón tới. Hai vị chỉ huy liếc mắt nhìn nhau, khi nào đồng ý đưa thì mới bắt đầu. Họ mãi “so cựa” với nhau như vậy.

Bỗng giữa trưa, tiếng cồng thúc giục rồi im bật. Lục cụ đứng dậy, đọc kinh lâm râm, đi tới đi lui trước sân chùa. Chao ôi! Ngoài sông Cái Lớn, hai chiếc ghe ngo đã biến thành hai con rắn thần bay trên mặt nước. Kia, phó hương quản Hem đỏ rực như cây đuốc: khăn đỏ, mặt đỏ và da thịt đỏ vì rượu, vì máu nóng, vì ý chí bạo tôn danh dự của chùa mình. Kia! ghe của đôi phương đang liều mạng xấn vào hông ghe bên này để được huề vì hai bên đều chìm. Nhưng người coi lái bên này nhanh tay, lách qua được. Phó hương quản Hem vội chụp lấy cây dầm nhỏ, nâng lên cao, bơi trên gió như thu hút tất cả sức mạnh của trời, của đất. Ghe vượt qua.

Đoàn dừng sĩ ôm cán dầm sát vào ngực, ngã mạnh tới, chuyển tất cả nhân lực vào mái dầm. Nước bay trắng xóa. Sau cùng, phó hương quản vội cầm ông Phật vàng trong khay, bỏ vào miệng mà ngậm.

Lục Cụ Tăng Liên hình dung cảnh tượng dưới sông Gò Quao như vậy. Nó có thật không? Mồ hôi tươm xuống lưng, thấm ướt áo cà sa. Cụ chấp tay vái Trời Phật rồi vào trong liêu nằm xuống thở mệt, đợi chờ.

Chiều hôm đó, tiếng hát vang dậy, tiếng cồng nhịp nhàng đưa đến ngày một gần. Lục cụ đoán đó là diêm chiến thắng. Cụ rửa mặt, lên chùa thắp nhang để tạ ơn đức bên trên.

Nhưng phó hương quản Hem bước vào lạy cụ. Gương mặt của chú lạnh như đồng, gợn chút gì buồn bã.

Lục cụ hỏi:

- Sao vậy? Minh thua người ta à?

Chú đáp:

- Dạ, mình thắng. Nhưng mà...

- Sao?

- Nhưng mà được giải thưởng...

Lục cụ trố mắt:

- Được giải thưởng, có gì mà chú ngại. Tiền bạc hả? Vải bông hả? Nhang đèn hả? Năm nay, nhà nước cho vật gì?

Chú phó hương quản Hem im lặng, chập sau mới bước ra ngoài đem vào một gói giấy lớn, từ từ mở ra thì ô hô! Đó là một lá cờ tam sắc to tướng.

Chú nói:

- Cái này của ông Đốc Phủ tặng chùa mình, phần thưởng hạng nhứt.

Lục cụ không nói nửa tiếng, nuốt nước miếng như cổ nén chút gì tủi nhục, xót xa. Hồi lâu, cụ lắc đầu, cười xòa rồi đỡ chú phó hương quản đứng dậy. Hai người bước ra sân. Một quang cảnh náo nhiệt diễn ra: bao nhiêu trai tráng đang nằm trên bãi cát, trên đất bùn. Kẻ thì hát nghêu ngao. Kẻ thì ôm ngực mưa ra nào là rượu, bánh mì, kẻ thì vói tay lên như gào thét, đòi thêm rượu nữa.

Chú phó hương quản nói:

- Dạ, bây giờ mình khiêng ghe ngo lên trại, mai một sự không ai rảnh.

Lục cụ nói:

- Phải. Rồi chú ở đây với tôi. Tôi buồn quá. Có chút chuyện cần.

Chú phó hương quản sức nhớ đến chiếc ghe ngo thiên cổ vừa tìm được mấy ngày trước. Nếu hôm rày không bận việc đưa ghe này, có lẽ chú xin phép đào nó lên được. Và lục cụ chắc cũng đã dạy chú nhiều bài học hay hơn.

Chú nói:

- Minh ra ruộng, tiếp tục đào chiếc ghe xưa coi thử, phải không lục cụ?

Lục cụ đáp:

- Thôi. Mình cứ lấp đất lại cho chiếc ghe đó yên thận, khỏi bận hồn người xưa. Nay mai, vài chục năm nữa, chiếc ghe của chùa mình cũng vậy. Vạn vật đều biến đổi. Duy có nụ cười của đức Quan Âm bốn mặt... Bốn mặt của Ngài nhìn bốn phía để cứu khổ chúng sinh, khuyên ai nấy trầm tĩnh vì sự đời mãi đổi thay, thay đổi.

Cô Út về rừng

Má ơi! Đừng gả con xa.

Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu...

Câu chuyện xảy ra tại rạch Bình Thủy, làng Long Xuyên, tỉnh Cần Thơ, đâu cũng vào khoảng năm 1939 hoặc 1940 gì đó.

Trời sáng trăng. Thường lệ cứ đến chín giờ tối là nhà ông hương Cả Ba đóng cửa ngủ sớm. Đêm ấy, có khác. Cây đèn “măng sông” cất lầu trong tủ được đem ra lau chùi, đốt sáng lên. Ông Cả neho mắt, nhìn đăm đăm ra sân tìm một góc tối om nào đó mà định thần hòng gỡ mối tơ vò rối rắm của gia đình. Ngoài sân, trăng sáng yên lành; lớp thủy ngân xao động, nhảy nhót, gợn gợn trên lá trên cành của vườn cam, trên ngọn tre mềm dịu đang chuyển động từng cơn.

Ông lầm bầm:

- Kìa... mà gió trở ngọn. Gió chướng qua gió nồm. Hết nắng sang mưa.

Bà Cả lắc đầu:

- Ông này vớ vẩn. Gả con Út hay là không? Sáng mai mình phải trả lời cho cậu Quỳnh biết. Ở đó mà lo gió chướng, gió nồm! Hai đứa nó đâu rồi?

- Tui nó ở ngoài sân nói chuyện rù rì, bà không nghe sao? Thế nào tôi với bà cũng tính cho xong xuôi nội đêm nay.

“Tính” đây là cả một bài toán. Làm thế nào có lợi cho gia đình mình? Gả cô Út cho cậu Quỳnh, ông bà rất vui mừng vì gặp nơi môn đăng hộ đối. Nhưng về mặt tình cảm thì thiệt thòi quá. Gả con gái về chôn Cạnh Đèn xa xăm! Tháng trước, ông xuống đó để dò xét thân thế gia đình của đảng trai: căn nhà ngói vách ván, xung quanh có vườn tược lai rai, xa xa nhô lên vài nhà của người Miên. Và rừng xanh một dãy che phủ từ phía chân trời!

Ông đáp:

- Tôi nhứt định gả. Hai đứa nó thương nhau từ hồi còn đi học ở Sài Gòn. Bên đảng trai khá giả. Mình đòi bắt rế, ai mà chịu. Thôi đành vậy...

Bà Cả thở dài:

- Tôi ngại quá. Mình có mụn con gái. Gả đi xa xôi không nói làm gì. Ngặt xứ đó kỳ quái, hiểm nguy. Nội cái tên Cạnh Đèn nghe cũng dị hợm...

- Tưởng bà ngại điều gì chớ chuyện đó thì dễ. Dân ở dưới hiền lành lắm. Bộ thiên hạ ăn thịt con gái mình sao mà nguy hiểm?

- Tức chết đi! Nói vậy mà không hiểu! Ông không nghe người ta hát sao?

Xứ đâu hơn xứ Cạnh Đèn,

Muối kêu như sáo thổi, đĩa lội lênh như bánh canh.

Ông Cả nghe qua, cười ngất hồi lâu. Bà Cả càng sôi gan:

- Ông cười tôi nói bậy à? Ở xứ đó chạng vạng là ai nấy phải vô mừng đề... ăn cơm.

- Nhưng sự thật là họ ăn cơm sớm, hồi cỡ bốn giờ chiều để khỏi cần vô mừng. Bà nghe ai nói lại vậy?

- Ông có tài bình vực cho xứ Cạnh Đèn. Dẹp chuyện muối một bên, tôi bàn qua chuyện đĩa để ông có giỏi thì cãi. Nè, tôi nghe nói... phen đó cô dâu nọ ở chợ Cần Thơ gả xuống. Cô xuống bên làm cá, xong xuôi đem trút vô chảo, nấu canh chua. Dè đâu chừng con đĩa đeo trong khứa cá. Cô dâu nọ bị đuối vì tội... nấu canh chua bằng đĩa. Oan ức quá. Xứ đĩa nhiều, đâu ai dè trước! Tôi sợ con Út nhà

mình phải bị đuổi trở về mà mang nhục với xóm riêng.

Ông Cả cười dòn:

- Thiên hạ đồn nhưng có thiệt lần nào chưa? Tôi nói cho bà nghe: chuyện đó dóc. Hội xuống Cạnh Đền, tôi nhắc chuyện... “địa lênh như bánh canh”. Thiên hạ ở dưới đó cắt nghĩa: Cạnh Đền là nơi nước mặn gần mặn năm. Hơn nữa, ruộng ít khi cày trâu. Làm sao có địa ở vùng nước mặn? Chẳng qua là mấy người đặt bài hát đưa em, thêm nhện thêm nhụy để bắt vần. Địa nhiều ở là xứ nước ngọt như Bình Thủy, Ô Môn đây nè! Bà biết chưa. Ở đây, từ hồi nào tới giờ, có ai lỡ nấu canh chua địa không? Bà chỉ cho tôi coi thử.

Bà Cả đuổi lý, cố suy nghĩ, tìm cách bảo thủ ý kiến của mình.

Sau rớt, bà nói:

- Gả con về rừng khổ lắm. Xưa nay, người ta hát:

*Mẹ mong gả thiếp về vườn,
Ăn bông bí rợ dưa hường nấu canh.*

“Đằng này mình gả con về rừng... Bao nhiêu người chịu tai nạn đó rồi”.

Ông Cả hút điều thuốc, chập sau mỉm cười, đắc thắng. Bà day lại:

- Ông gả thì gả đi. Đường xá xa xôi làm sao nó về thăm mình được. Nãy giờ tôi quên nói chuyện đó.

- Dễ ợt. Miễn con gái của mình có hiếu... Gả con... ở trong nước Việt Nam chớ qua bên Tây bên Tàu gì sạo! Một khi quên cha quên mẹ thì dầu ở kế bên nhà nó cũng không thèm về thăm. Tôi thì tôi tin con út lắm. Công cha mẹ nuôi dưỡng, cho đi ăn học lẽ nào nó quên.

Bà Cả bỏ đi chỗ khác, nói lại một câu:

- Để coi nó nhớ hay quên! Xuống miệt Cạnh Đền, muối ăn thịt nó. Nó bỏ thầy ở dưới, hai ba năm chưa chắc về thăm mình được một lần. Lần hồi mất gốc rễ, nó nhè lấy tên mình, đặt trùng lại cho con cháu của nó mà không hay.

- Tại sao vậy? Bà này vô lý quá...

Tuy cãi lời bà, trong thâm tâm ông cảm thấy chút gì buồn bực đuổi lý. “Ông có lý luận đúng, nhưng bà... không lẽ nói sai”. Nghĩ vậy, ông lại nằm nơi ghế trường kỷ, lầm bầm:

- Ông Tư xếp đặt rồi. Phận con út vậy đành vậy.

Thế là tháng chạp năm đó, nhà ông Cả treo bông kết tuổi để gả con, giữa tiếng dị nghị của bao chàng trai tơ ở rạch Bình Thủy.

*

* *

Cô Út về làm dâu đất Cạnh Đền.

Hai năm qua.

Ba năm qua...

Chuyến đầu, đôi vợ chồng về thăm ông Cả bà Cả, đèo theo một đứa con gái nhỏ... sở sữ dễ thương.

Chuyến sau họ về, lại thêm một đứa gái, và một đứa thứ ba nữa đang nằm trong bụng mẹ.

Hai ông bà quá đôi vui mừng.

Nhưng liên tiếp mấy năm sau họ bất tin, ngày Tết ngày giỗ cũng chẳng về. Lo ngại quá! Có chuyện gì xảy ra bất lành không?

Hai ông bà muốn xuống Cạnh Đền thăm con nhưng ngại mình già sức yếu, đường xa xôi, phải vượt qua sông Cái Lớn. Năm đêm, lắm khi bà khóc lóc mà trách ông:

- Tôi nói muỗi rừng ăn thịt hai đứa nó rồi. Xứ gì mà muỗi kêu như sáo thổi. Không đau bệnh rét thì cũng chói nước lớn bụng mà chết... Hồi đó ông cãi tôi, nhớ không?

Ông Cả vô cùng buồn bực. Nhứt là khi nghe con nít chòm xóm hát đưa em:

*Má ơi đừng gả con xa,
Chim kêu vượn hú, biết nhà má đâu?*

hoặc:

*Thương chồng phải lụy cùng chồng,
Đắng cay phải chịu, mặn nồng phải theo.*

Mỗi khi tiết trời lập đông là cơ thể rêm nhức, tuổi già của ông càng đè nặng hai vai. Não nuột quá những câu hát:

*Một mai ai đứng bên kinh,
Ai phò giá triệu, ai rình quan tài?
Bên kinh đã có con trai,
Giá triệu con gái, quan tài nàng dâu
Hỏi nào chàng rể ở đâu?
Chàng rể uống rượu đi sau nói xàm...*

Ông nhìn trời. Ngày nào đó ông chết, con gái không về kịp để phò giá triệu, càng không có chàng rể. Nhưng ông tin tưởng rằng đứa rể của ông ở vùng Cảnh Đền xa xôi kia, giờ phút này đang cặm cụi làm ăn nhớ cha mẹ vợ, không bao giờ uống rượu nói xàm yì chàng là kẻ có ăn học. Suốt tháng ngày, ông chống gậy đi quanh quán bên gốc tre già ở mé sông, mắt mòn mỏi nhìn bóng dáng các ghe thương hồ qua lại.

Trời đất nào phụ kẻ có lòng như ông!

Mãi đến buổi trưa đó, có chiếc ghe chèo chậm chậm ngang bến. Chồng trước mũi hỏi vợ sau lái:

- Phải chỗ cây mù u này không? Cậu Quỳnh nói nhà bên vợ ở đâu đây.

Chị vợ đáp:

- Không chừng... Đúng quá, cách ngã ba, qua hai cây cầu khỉ, nhà ngói có vườn quít.

Anh chồng ngo tới ngo lui, cãi lại:

- Minh mới qua một cây cầu. Chèo tới trước chỗ cây cầu khỉ, đằng kia kia, họa may...

Ông Cả cố gom tất cả sức già, la lớn:

- Ở đây nè, bà con ơi! Nhà vợ thằng Quỳnh ở đây nè...

Ghe đậu lại. Hai vợ chồng nọ được mời lên ăn cơm với thịt gà tại bộ ván gỗ giữa nhà ông Hương cả. Trong đời, họ chưa bao giờ được hân hạnh lớn như vậy! Ông Cả, bà Cả, người lồi xóm xóm lại hỏi nhiều câu quá. Họ bối rối, trả lời vắn tắt:

- Dạ, vợ chồng cậu Quỳnh mạnh khỏe. Nhờ trời sanh được sáu đứa con. Bốn đứa sau đều là con trai.

Bà Cả mừng quýnh:

- Úy! Bộ con Út đẻ năm một sao? Con nhỏ đó thiệt...

Khách trả lời:

- Dạ, đẻ năm một. *Đứa ăn thôi nôi, đứa lồi đầy tháng. Mẹ tròn con vuông.* Hồi tôi đi đây, cô Út gần nằm chỗ một lần nữa. Thưa ông bà, miệt dưới ai cũng vậy. Như vợ chồng cháu đây có tám đứa con.

- Sao vậy cà? Sao vậy cà? Ở dưới cỡ này ra sao mà thiên hạ đẻ nhiều quá vậy?

Khách ngượng nghịu, chập sau mới nói:

- Dạ ở miệt dưới muối dũ lằm. Chạng vạng là cả nhà, vợ chồng con cái rút vô mừng... nói chuyện. Ít ai đi đâu.

Ai nầy phá lên cười to. Đến lúc bấy giờ, ông Cả bà Cả mới hiểu thêm một sự bí mật quan trọng của tiếng “muối kêu như sáo thổi” ở Canh Đền. Nó làm hại sức khỏe con người. Nhưng nó gắn bó mối tình chồng vợ hơn ở xứ không có muối.

Để đánh trống lảng, ông nói:

- Ủ! Phải vậy mới được. Xứ mình cần có dân đông để tạo lập thêm ruộng vườn, khai phá đất hoang.

Bà Cả nóng ruột:

- Anh chị đây có nghe vợ chồng nó nhẩn chừng nào đem mấy đứa cháu ngoại của tôi về cho biết mặt?

Khách trả lời:

- Dạ không nghe. Con cái lữ khữ cả bày, chắc vợ chồng cậu Quỳnh khó đi xa. Năm rồi mùa màng thất bát, ai cũng lo tay làm hàm nhai để nuôi con. Sông Cái Lớn mấy năm nay lại thêm sóng gió bất thường.

Bà thở dài, nói như rên siết:

- Nhớ mấy đứa nhỏ quá. Ông ơi! Hồi đó ông cãi tôi...

Ông Cả im lặng, nghĩ đến cái ngày gần đất xa trời của mình. Nó không còn bao xa nữa. Ngày đó, ai phò giá triệu, ai rình quan tài? Nhìn bụi tre già dưới bến mà ông tủi thân: Măng non mọc kê bên gốc. Phận ông có khác; con gái, con rể và đám cháu ngoại ở chôn xa xôi kia làm sao được gần gũi để ông thấy mặt lần đầu - và cũng là lần chót - khi ông tàn hơi. Nước mắt muốn tuôn ra, ông cố dằn lại. Ông hiểu đời ông chưa tới mức đen tối, còn chút ánh sáng lập lòe trong tương lai vô biên vô tận:

- Ờ... ở dưới nó có lập vườn chưa? Lát nữa, anh chị chịu khó chở về dùm cho vợ chồng con út một gốc tre Mạnh Tông để làm giống. Chừng thấy măng non cận gốc già, mấy đứa cháu của tôi luôn luôn nhớ ông ngoại bà ngoại nó trên Bình Thủy.

Miếu Bà Chúa Xứ

Miếu Bà Chúa Xứ, Địa Gừa, Gò Mả Lạn... phải qua những chòm cây cổ thụ, những vùng lau sậy hoang vu ấy rồi mới đến nhà ông Tư Đạt.

Trời đã quá chạng vạng. Ánh nắng thoi thóp, đỏ ké. Trong giây phút trở sang màu tím bầm. Muối dậy ô, kêu vo ve khắp gần xa. Loài ếch nhái, côn trùng bắt đầu lên tiếng, chào mừng bóng tối đang tràn ngập quá nhanh chóng.

Cô đơn làm sao, căn nhà giữa đồng này! Gió thổi lạnh lạnh. Tôi rùng mình:

- Thừa ông, cháu về.

Ông Tư Đạt cười ngất:

- A ha! Đứa cháu này sợ ma. Nãy giờ tôi quên. Vô đây, đốt thêm ngọn đèn nữa. Phải rồi, đèn lu quá! Sợ ma sao? Ở đây chơi mà!

Tôi trả lời, ấp úng:

- Dạ, cũng hơi sợ. Thiên hạ nói ở Địa Gừa, ở Gò Mả Lạn này...

Ông Tư nói nhanh:

- Có ma hả? Hơi đâu mà tin. Họ nói ma buông xuống lòng thòng từ cánh tay, từ bàn chơn, cái đầu rồi rập lại. Họ nói ma ở trường bỏ tóc xoắn, đứng trên ngọn cỏ mà múa. Minh hú, nó hú trả lời. Minh chạy, nó rượt theo. Nhưng tôi nhứt quyết xứ này không có loại đó. Xứ này, cháu biết không, là xứ của ma...

Tôi trầm ngâm suy nghĩ: Tại sao ông Tư Đạt nhìn nhận có ma rồi bảo rằng không có? Chớ ma ở gò mả này thuộc về loại nào? Dầu sao về mặt trầm tĩnh, can đảm của ông cũng làm cho tôi được yên tâm chút ít:

- Thiên hạ đồn đãi nhiều. Cháu phải sợ theo.

Ông Tư khêu ngọn đèn rồi vào trong đem ra một chai rượu đế:

- Uống đi cháu. Thủng thỉnh tôi nói qua chuyện khác vui hơn... Đồn đãi là một chuyện. Nhưng sự thật lại khác. Cái gì được người ta lặp đi lặp lại nhiều lần bằng câu hát đưa em? Vậy mà có người không hiểu rõ. Thí dụ như:

*Một mai thiếp có xa chàng
Đôi bông thiếp trả, đôi vàng thiếp xin.*

Tại sao đôi bông thì trả, đôi vàng thì xin? Không lẽ người đàn bà nước mình mang thói tham lam? Sự thật nó có tích như vậy: đôi bông là vật cha mẹ chồng cho nàng dâu hồi đám nói; đôi vàng là của riêng mà hai vợ chồng trẻ nhờ dành dụm sắm được lúc sau. Nàng dâu than vãn bà mẹ chồng khắc nghiệt, sẵn sàng “trả đôi bông” lại cho mẹ chồng. Nhưng nàng vẫn thương chồng - “xin giữ đôi vàng” - nài nỉ chồng cất nhà ở riêng để thoát ách. Câu hát đó cao sâu lắm! Hồi xưa, khách qua đường hề nghe nó là hiểu được tánh tình của bà mẹ chồng trong nhà như thế nào. Bởi vậy người hát phải biết hát, người nghe phải biết nghe. Cái chuyện ma ở Gò Mả Lạn này cũng như câu hát đó. Lâu ngày, thiên hạ không hiểu, họ nói xàm, làm mất phẩm giá người đời xưa rồi đâm ra sợ sệt vô lý. Chung quanh nhà này có ma thiệt...

- Ghê quá vậy ông!

- Phải! Đó là hồn oan. Mình phải thấy rõ họ, mình phải thương họ. Thường bữa, họ tới lui, muốn làm quen với mình nữa. “Sự tử như sự sanh, sự vong như sự tồn” mà...

* *

Non 80 năm về trước, hồi đó ở tại Gò Mả Lạn này xóm nhà đông đúc hơn bây giờ. Họ sống về nghề ruộng rẫy, giăng câu, bắt rắn. Giặc Tây đến. Chúng đóng binh ở ngoài huyện Kiên Giang. Binh sĩ của ông Nguyễn Trung Trực lên kéo về châu thành để công kích. Dân chúng nghe tiếng súng, nửa mừng nửa sợ. Tối một đêm đó, nhiều loạt súng nổ chát chúa ngay đầu xóm, tại Địa Gừa.

Không ai dám bước khỏi nhà. Họ đoán rằng có người bị giết và tiếng súng sát nhọn nọ là của Tây. Sáng hôm sau, vài người bạo dạn ra dò xét. Họ kéo mấy cái thân người dưới địa đem lên, chôn cất kỹ lưỡng gần bờ thêm.

Từ đó, đêm nào đêm nầy giống nhau. Cứ quá nửa đêm dân chúng phải căn răng, nuốt lệ mà nghe súng nổ. Khi thì nghe tiếng kêu rú. Khi thì nghe thêm tiếng chim bay.

Nước dưới địa lần lần đen ngầu, hôi tanh. Cỏ bên bờ ngày một cao vì dân làng không còn ai lui tới để gánh nước như trước. Trong khi đó, con đường từ thềm địa ra ngoài lộ cái trở nên mòn lằn vì dấu chân của bọn đao phủ Tây tà và của những nghĩa quân, lương dân vô tội từ nơi xa lạ dẫn tới.

Dân làng quá đói hiền lương, hằng đêm, họ thức để chờ nghe tiếng súng đầu tiên nổ ngoài bờ giếng. Rồi họ cúi đầu lằm thằm đọc kinh vãng sanh, cầu nguyện cho người quá cố.

Trưa đó ngày mùng 7 tháng chạp, bất thường giặc kéo nhau tới bờ Địa Gừa. Chúng đứng lại nhìn xuống địa, đếm mấy gò mả xung quanh. Nào ai dám hó hé! Chập sau, chúng rút lui. Một thằng bé chăn trâu được may mắn núp ở gần bờ địa, khi nãy. Nó về xóm thuật lại:

- Tui thấy ông Tây này cười, ông kia la hét, ông Tây nọ gặt đầu. Mấy ông dòm vô xóm mình...

Điềm lành, điềm dữ hay là không có điềm gì hết? Không ai đoán trúng cả. Vì đó là một điềm dữ, nhưng dữ quá mức tưởng tượng của họ.

Đêm ấy cả xóm đều bị bao vây.

Nhờ ngủ ngoài chuồng trâu, đứa bé chạy thoát được. Nó qua xóm kế bên cầu cứu trong khi súng nổ liên hồi, lửa bốc cháy.

Đầu canh năm, tiếng súng vẫn còn thừa thớt. Mặt trời gần mọc, chừng đó dân làng kế bên mới dám đi qua cứu giúp.

Người chết quá nhiều. Người còn sống quá ít. Làm sao mà chôn? Ban đầu còn bó thây bằng chiếu, mỗi hầm chôn một người. Sau cùng, cứ chôn chung một hầm, đủ già trẻ bé lớn. Khiêng nhiều chuyến quá sanh ra mệt mỏi! Họ khiêng bằng vồng, đặt hai xác chết trên một vồng, người trở đầu phía trước, người trở đầu phía sau.

*

* *

- Đúng vậy! Hồi đó hai người nằm một vồng, theo kiểu hai đứa con nít ngủ trưa như bây giờ thiên hạ đứa con.

Đêm về khuya. Chai rượu gần cạn. Đứa bé chăn trâu thở trước là ông Tư Đạt ở Gò Mả Lạn buổi này, nói tiếp:

- Lâu quá rồi! Thiên hạ chết oan! Cả xóm chết giống nhau. Không một người khóc. không một miếng khăn tang. Cả tháng sau, quạ còn bay đen trời như tàn nhà cháy... Tôi là người quen với họ, họ thương tôi lắm. Tôi không sợ ma, nhờ đó mà ít gặp ma. Vậy mà không hiểu can có gì buổi trưa đó tôi gặp họ.

- Ban ngày hả ông?

Ông Tư Đạt nói:

- Chạnh hiệu là... bạn ngày. Đi gặt về, dọc đường tôi ghé lại bờ Địa Gừa. Thấy nước trong quá, tôi nhảy xuống tắm rồi ngắt một cọng bông súng, nhai vô miệng cho mát. Tôi nhớ rõ: cọng bông súng dài lắm. Nhai một hồi, bỗng nhiên thấy một ông già hiện ra, đầu mặt với tôi, miệng ông thì nhai đầu kia của cọng bông súng. Sợ quá, tôi nhả ra nhưng không được. Hàm răng của tôi cứng lại rồi... đánh bùa cạp. Sau rốt, ông già nọ nhai lằn cọng bông súng đến gần mặt tôi, hai mặt đụng nhau, sát rạt, lạnh ngắt.

Ông già nọ hỏi tôi:

- Cái thằng Đạt chặn trâu! Nhớ ta đây không?

- Ông là ai?

- Bà con mà! Mấy chục năm nay, mày làm ăn thế nào?

- Dạ nghèo quá!

- Vậy thì thằng Đạt mày còn sống tới bây giờ cũng không sung sướng gì hơn mấy người chết yểu cả xóm hội đó. Nhớ không Đạt? Bà con chết đêm mừng 7 tháng chạp. Phải cúng kiến chó! Có thịt ăn thịt. Có muối ăn muối. Rồi cất nhà cho bà con mày ở. Nhớ thấp nhang.

Ông Tư Đạt nói tiếp câu chuyện:

- Đêm đó, về nhà tôi ngủ không yên. Sau rớt, tôi kêu gọi bà con lối xóm cất một cái miếu. Hương chức hội tề hỏi tại sao cất miếu mà không xin phép; tôi trả lời đó là miếu thờ Bà Chúa Xứ, nào dám nói sự thật, sợ mình bị buộc vô tội làm quốc sự. Bởi vậy cháu hiểu vì đâu tôi giữ nhang khói ở miếu này, vì sao ở sát Gò Mả Lạn mà tôi không sợ ma. Ba bốn mươi năm nay, ruộng nương thất bát, có một lần bỏ xứ mà đi nhưng buồn bức quá, tôi trở về nền nhà cũ. Tôi nghĩ: Mình ở đây nghèo, nhưng mà vui. Nhiều đêm tôi nằm nói thơ Văn Tiên một mình mà không đỡ buồn. Tôi đứng nhìn trời đất đồng ruộng ở ngoài. Tôi thui vậy mà vui quá! Cháu ra đây coi thử...

Ông Tư Đạt bước ra cửa, đưa tay làm dấu hiệu bảo tôi đi theo. Đồng ruộng mơ hồ. Trăng non chứa hé. Đám lau sậy mịt mù chạy dài như bức trường thành, nối liền Gò Mả Lạn qua Đìa Gừa, tiếp đến miếu Bà Chúa Xứ đằng xa.

Ông lẩm bẩm:

- Không riêng gì ở Gò Mả, ở Đìa Gừa... Rải rác đầy ruộng nương, hội đó ở đâu cũng có ma, có xương người. Kia, cháu thấy không? Sao trên trời xẹt xuống một đốm... hai đốm. Rồi đất ruộng rung rinh, lúa mới cấy dợn đều như sóng dậy ngoài biển. Cháu thấy không?

Tôi lạnh người. Gió thổi hiu hiu. Phải chăng oan hồn thuở trước đang về đây? Họ trở thành cát bụi, đang thu hình vào rễ lúa để vươn lên mặt đất, đòi đơm bông kết trái?

Hay là họ buồn rầu khi nhìn cậu bé chặn trâu còn sống sót thuở nọ giờ đây sống hẩm hiu. Từng vệt sao rơi, phải chăng đó là những niềm tin tưởng soi sáng quyền sử trường cửu của đất nước, một quyền sử không có số trương mà mỗi luống cày là một tờ giấy bao la, mỗi bụi lúa là một nét chữ không nhòa, muôn năm linh động?

Ông Tư Đạt vỗ vai, bảo với tôi:

- Bây giờ cháu thấy ma chưa? Không thấy thì ráng đứng hoài cho tới chừng nào thấy rõ. Ông ở đây mấy chục năm rồi mà chưa biết đủ mặt người. Bởi vậy đêm nào ông cũng thức, cũng nhìn...

Mùa “len” trâu

Nước tràn bờ sông Hậu chảy qua. Nước trên trời tuôn xuống. Gió biển triền miên thổi lộng về. Từ sáng đến chiều, mặt trời biến dạng sau lớp mưa: ánh nắng pha loãng đều đều không làm chóa mắt kẻ uý tư đang ngồi hút thuốc mà ngấm mây lượn sóng chạy dài tiếp lưng trời. Núi Ba Thê bên này, núi Cẩm trước mặt, hòn Sóc, hòn Đất bên kia bình thường xem hùng vĩ, thơ mộng thì nay trở thành lè tè, bé bỏng trong cảnh bao la trời nước.

Chú Tư Đình lại vắn điều thuốc thứ nhì, mỉm cười khi thấy từ chân trời một cơn mưa to hơn sắp kéo đến.

- Ủ! Mưa hoài đi. Ông trời năm nay biết điều, thuận mùa, thuận tiết...

Thiêm Tư như phản đối ý chồng:

- Mưa vài đám nữa thì có mộn leo lên nóc nhà mà ở. Ba cái lu, ba cái hũ trôi lênh nhênh trong nhà rồi, ba nó chưa hay sao? Gạo hết, tiền hết.

- Mình đừng trách trời. Hồi nào tới giờ, trời cứ vậy hoài, hết mùa hạn thì phải tới mùa nước lụt chớ.

Chú Tư muốn giải nghĩa sự lạc quan của mình dài dòng hơn để thiêm Tư nghe. “Đàn bà giỏi tài chú ý lật vạt chuyện bếp núc. Nhìn ra đồng thì họ chỉ thấy những chuyện trên mặt nước, hơi đâu mà cãi”. Nghĩ vậy, chú im lặng, vắn thêm điều thuốc nữa. Giờ này, dưới đáy nước, sát mặt ruộng, mớ đất cày mềm nhũn, trở mình trắng phau. Gió thổi mạnh, trôi nhà trệt cửa nhưng lúa còn lì gan đứng chịu. Cứ qua ngày đêm, nước ngập lên một tấc; thân lúa đuối sức cổ nằm dài trên mặt nước, vừa hấp hối ngọt thở là nhánh non nứt ra trong nháy mắt để chào đón cuộc sống.

Sau hè nhà, nước dậy đùng đùng, sóng gợn từng lượn lớn, vỗ lát chát vào vách. Chú Tư bước nhẹ trên sàn tay vịn mái nhà, tay che mắt rồi cau mày; thằng Nhi đưa con trai của chú đang cười trâu về.

Đôi trâu bước lên nền chuồng trâu lúc trước, tuy đã đắp cao thêm gần một thước vậy mà nước leo lên lé đế.

Chú Tư chờ thằng Nhi vào nhà. Nó cõ cái áo ướt mem quăng trên sân:

- Xung quanh đây hết cỏ rồi. Làm sao bây giờ hả ba? Trâu đói nữa, con mắt nó đỏ ghèn hoài.

Chú nói:

- Bên giồng cát Sóc Xoài... Mày có qua tới đó không?

- Có. Mà hết cỏ rồi. Mấy lổm cỏ sau chùa không đủ cho trâu bò ở đó ăn, đâu có dư tới mình. Trâu mình ốm nhiều. Từ đây tới nước giựt còn trên ba tháng nữa, làm sao chịu nổi?

- Hồi đầu mùa, tao biểu giao trâu mình họ *len* đi miệt khác kiếm cỏ. Má mày ngăn cản. Bây giờ tới nước này rồi...

Thiêm Tư trầm ngâm suy nghĩ, nhìn đôi trâu đã mòn sức, be sườn lòi rõ rệt từng hàng như vòng cung. Đề ở nhà, trâu chết đói; giao cho thiên hạ *len* đi thì làm sao bảo đảm được? Trâu của trăm chủ khác nhau gom lại chung một bãi, tha hồ lấn hiếp, chém lộn bầy trâu gần bốn trăm con mà chỉ có năm sáu người chăn giữ.

Đường dài thăm thẳm, lội nước băng rừng, rủi khi bệnh hoạn thì trâu đành bỏ mạng nơi xứ lạ quê người. Thật là tàn thời lương nan! Đôi trâu nhà đứng khúm núm đó, trên nền chuồng, như hai pho tượng bằng đồng đen dựng lên mặt nước. Thiêm nói:

- Ba nó tính sao thì tính. Tôi rối trí quá rồi.

Chú Tư chép miệng:

- Không nên cãi mạng trời. Muốn cãi cũng không được. Không lẽ họ giết trâu mình? Trăm con, chết chừng đôi ba con là nhiều. Muốn vững bụng hơn, mình cho thằng Nhi theo coi chừng.

Thằng Nhi há miệng ngạc nhiên không dè mùa nước năm nay nó lại được đi du lịch bất ngờ như vậy. Chú Tư hỏi:

- Muốn đi không mậy? Chặng đầu, họ mới *len* trâu tới chân núi Ba Thê, mình đuổi theo nhập bầy còn kịp, đây qua đó chừng nửa ngày đường. Lấy cái nóp mới của tao mà đem theo. Dọc đường muỗi mòng, mưa gió nhớ đi theo sát hai con trâu của mình, đừng ham chơi lêu lổng. Nói với *tần khạo* rằng mình chịu đóng cho y mười gia lúa tiền công *len* trâu, mùa này.

*

* *

Mưa cứ mưa trút xuống. Gió cứ dậy sóng lên. Từ lúc thằng Nhi dẫn trâu đi, nhà cửa lần lần trở nên vắng lạnh. Thiêm Tư căn nhắc:

- Giao sanh mạnh hai con trâu cho họ, ba nó chưa vừa bụng sao? Lại còn bày đặt cho thằng Nhi đi theo! Rủi bẽ gì...

Chú Tư nói:

- Má nó khéo lo thì thôi! Trâu hể tới số thì dẫu cầm ở nhà nó cũng không sống. Tôi buồn lắm. Trâu giúp mình tạo ra hột lúa; bù lại, mình không kiếm đủ cỏ cho nó ăn no. Như vậy là mình bất nhân. Còn thằng Nhi... dịp này để nó học nghề với người ta.

Thiêm Tư hơi giận:

- Nghề gì? Nghề chăn trâu mà cũng học nữa à? Tôi không ham cái nghề đó.

- Má nó nói giỡn sao chứ! Chăn trâu còn khó hơn điều binh khiển tướng. Đời xưa, nhiều người nhờ lúc nhỏ chăn trâu mà tới lớn được làm vua. Con nít chăn trâu ca hát nghe bây bạ nhưng nhiều khi linh nghiệm như sấm truyền, đoán trúng những chuyện quốc sự. Tôi nhớ coi... Trong truyện *Phong Thần* gì đó nhắc cái tích ông Nịnh Thích ngồi trên lưng trâu, gõ sừng mà hát công kích vua đời... Liệt Quốc Đông Châu! Vua giựt mình, mời ông Nịnh Thích về làm quân sư. Nghe đâu lúc về hưu trí, ông Nịnh Thích lại cỡi trâu mà du sơn ngoạn thủy. Ngư, tiêu, canh, mục là bốn điều sang trọng mà.

Thiêm Tư vẫn chưa nguôi cơn buồn:

- Ba nó nói chuyện đời xưa. Chăn trâu theo kiểu ở xứ mình có khác, tối ngày đeo đuôi trâu mà lặn hụp dưới nước, ăn không no, ngủ không yên...

- Nhưng mà học khôn nhiều chuyện. Mà nó hỏi nào tới giờ chưa từng tới núi Ba Thê, vậy mà bây giờ thằng Nhi nó rành đó! Cảnh núi non thanh lịch, trâu ăn cỏ ngẩng đầu coi mây bay lui tới; ngửa lưng thì trâu cọ mình vô cột của đèn vua chúa mà gãi sồn sột. Má nó biết không? Ở núi Ba Thê, trâu *len* ăn cỏ trên đèn vua đời xưa... Vua chúa mất hết, trâu đời đời kiếp kiếp còn đứng dừng đứng trên mặt đất này hoài!

Thiêm Tư bực bội:

- Đói, không đủ cỏ ăn mà cũng sang trọng. Thôi ông ơi! Đừng nói nữa.

- Hết cỏ thì qua chỗ khác, má nó đừng lo. Từ Ba Thê cả bầy trâu *len* qua miệt Bảy Núi. Oai vệ lắm kìa! Voi đi một lần đôi ba chục con là cùng, cạp đi hai ba con là nhiều; cảnh đó ở miệt rừng ại cũng thấy. Đàng này, trâu lội nước năm ba trăm con, đen đầu, đặc nước. Kiếm bạc trăm là dễ chứ muốn thấy được cảnh đó không phải dễ, giống như hồi thiện hạ sơ khai, cần khôn hồn độn... Mấy ông thầy chùa, bà vãi ần mình trong cốc trên núi, chán cảnh trần tục vậy mà họ còn bước ra ngóng mắt theo bầy trâu *len* dữ dội...

Càng nhắc tới, chú Tư càng thích chí, thiêm Tư trái lại ngồi buồn xo, không tin nơi lời chồng, cho rằng đó là kiểu an ủi gượng của kẻ túng cùng. Chú Tư lại vắn thuốc, hỏi vợ:

- Má nó ngủ hay thức? Nãy giờ có nghe không? Sao không ừ hử gì ráo, hay là ngủ rồi...

- Tôi nằm nghe đây mà. Nghe bằng lỗ tai chứ nghe bằng miệng sao mà phải ừ hử từng chập?

Chú Tư lại nói tiếp:

- Ở Bảy Núi thanh khiết hơn ở Ba Thê. Trâu ăn toàn cỏ lạ hoa thơm; lấm thứ cỏ phảng phất mùi gì giống như vị thuốc Bắc. Ban đêm, muỗi mòng cũng ít, tiếng chuông chùa, tiếng tụng kinh gõ mõ thì nhiều... Mặc dầu ăn cỏ ở dưới chân núi, trâu cũng được phong làm chúa sơn lâm. Cọp beo trên núi quì xuống mà đầu hàng chớ không dám xáp lại.

Bên kia sàn nhà, thiêm Tư bắt đầu thở nhẹ rồi ngáy pho pho. Chú Tư mỉm cười, không chút hờn giận. “Vợ mình chán không thêm nghe nữa vì nãy giờ mình nói toàn những chuyện vui tươi, sung sướng, giấu giếm những nỗi cực nhọc trong nghề chăn trâu. Nhưng cần gì? Cốt ý là mình nhắc lại cuộc đời *len* trâu của mình hồi thuở con nhỏ cho riêng mình nghe mà thôi”. Chú lại vắn thuốc hút. Bên ngoài trời vẫn mưa, sóng nước vẫn chạy ủa tới đập vào vách nhà. Khói thuốc phun mờ mờ, bay thoảng lên cao. Chân trời lại hiện ra, lúa năm dài xanh rờn, nhấp nhô trên ngọn sóng. Và... Đẳng xa kia là Bảy Núi, nơi mà giờ này thằng Nhi và hai con trâu của chú đang tung hoành, sắp lội nước hăng mười cây số để vượt ra mé biển đến vùng rừng tràm miệt Linh Quỳnh.

Rừng tràm xanh đậm, rọi xuống mặt nước đỏ ngầu, rung rinh. Nhứt là yê đêm khi trăng chiếu, đom đóm bay về đậu khắp nhánh tràm như hộp chợ phiên! Hồi thuở nhỏ, chú đến đó nhiều lần. Cảnh ấy bây giờ thay đổi vì nhà nước đã đào thêm con kinh Xáng Rạch Giá - Hà Tiên và đắp xong con lộ đá. Trâu vượt qua lộ xe hoặc ngủ tạm trên lộ cho tới sáng. Lội dưới nước lâu ngày, móng trâu trở nên mềm, đứng trên đá, trâu đau chân. Chú Tư bỗng hình dung trước mặt một cảnh tượng oai hùng, khi mặt trời vừa ló dạng, đàn trâu phải rút vào rừng tìm nơi ăn nằm. Nhà nước đắp lộ xe nào, phải để cho trâu đứng, phá hoại... Trâu chạy âm âm. Không mấy chút, tràm gãy rôm rốp ngã liệt xuống, lồm rùng trở thành một cái đầm rộng lớn. Người *len* trâu tạm nghỉ ngơi vài ngày. Mấy “tay riều” đồn cũi gài đó tụ họp lại làm quen, đánh bài cào, uống rượu, đốt lửa lên bàn chuyện tiếu lâm. Lắm khi họ sắp đặt công việc đi ăn cướp, ăn cướp kẻ khác và ăn cướp lẫn nhau. Mấy tay *len* trâu giựt tiền của tay riều; mấy tay riều xúm nhau giựt trâu của mấy tay *len*. Rừng lại đầm máu... Trong cuộc xô xát đao búa đó, sanh mạng của con người như con kiến, hà huống chi đứa trẻ bé bỏng như thằng Nhi, con trai chú!

Chú Tư giựt mình, e ngại.

Trong giấc mơ, có lẽ thiêm Tư không tưởng tượng được tới cảnh chém giết rừng rợn đó. Thiêm nói lảm nhảm rồi lại trở mình, ngáy khò khò.

*

* *

Tháng mười, nước giựt xuống. Đến cuối tháng, mặt ruộng lộ ra, cỏ non nhú mọc xanh tươi đến tận chân trời. Mưa dứt sớm. Núi non lại trở nên hùng vĩ. Suốt mùa, lúa nương theo nước mà vươn lên đến bốn năm thước; bây giờ lúa nằm rạp xuống đất, chồng chất cao ngùn ngụt. Cái sàn nhà của chú Tư cũng hạ xuống. Cuộc sống trở lại bình thường.

Đêm ấy, quá canh ba, có tiếng kêu vang dội:

- Ba ơi ba! Má ơi má! Trâu mình nè...

Chú Tư, thiêm Tư mừng quýnh, tốc mừng chạy ra: Thằng Nhi về đó, coi dị hợm hơn mọi ngày, máng trên vai một đồng gì cao nghêu. Chú Tư xanh mặt. Nó thấy đồng ấy xuống đất:

- D.m. chết hết một con. Đem cặp sừng bộ da của nó về nè! Nặng gần chết. Đ.m. không lẽ bỏ luôn.

Thiêm Tư méo máo, mừng vì gặp được con, buồn vì mất hết phân nửa gia sản:

- Mô Phật. Mạnh giỏi hả con? Trời ơi! Con đi theo coi chừng mà làm sao nó chết? Dọc đường con có đau ốm gì không... Con, Con...

Chú Tư im lặng, buồn buồn. Mừng con, tiếc của là một lẽ. Nhưng còn lẽ khác đáng lo ngại hơn... Hồi nào tới giờ, thằng Nhi ăn nói đàng hoàng mà chuyện về này, trong câu nói hồi nãy, nó pha vô hai lần chữ thê mà nó không hay.

Thiêm Tư nhìn cặp sừng và bộ da trâu mà rơi nước mắt:

- Thôi! Lần này lần chót. Năm tới bán con trâu còn lại, không làm ruộng nữa. Đắt nước gì kỳ cục

quá, cái xứ này...

Chú Tư nghiêm mặt:

- Nói bậy nữa đi. Đất của mình, nước của mình mà bà dám nguyên rửa hả? Hồi nào cúng vái, bà nói bà phục ông bà đất nước lắm mà...

Thiêm Tư đi ra sân lo đốt lửa để un trâu. Chú Tư cũng đến vuốt ve con trâu còn lại rồi trở vô thấy thằng Nhi đang chụp gói thuốc rê trên bàn; nó mở ra, xé giấy vắn hút phì phà một cách tự nhiên, ngon lành.

- Ghiền rồi hả mậy? Chú hỏi.

- Hai ba bữa rày, hút có mấy điếu. Ở rừng, họ hút kịch liệt lắm kia... ba.

Chú Tư đem chai rượu đế ra, rót vào chén. Chú thấy thằng Nhi hít mũi lia lịa.

- Nhậu thì nhậu một chút cho ấm đi! Cỡ này mày sanh nhiều tật lạ.

Rồi chú day ra sân mỉm cười:

- Bà nó ơi! Coi thằng con của bà nè! Nó giống hệt tôi hồi nhỏ quá chừng.

Thiêm Tư chạy vào, không hiểu rõ đầu đuôi. Thiêm lau nước mắt rồi nấu cơm cho thằng Nhi ăn, dọn mừng cho nó ngủ... Chú Tư thức mãi tới khuya, thỉnh thoảng hé mừng dòm thằng Nhi. Mừng rộng rãi nhưng nó vẫn co rút như hồi nằm trong nóp chật hẹp. Tay và bụng của nó xăm đầy những chữ nhỏ, chữ quốc ngữ. Không cần đọc kỹ, chú đoán đó là “ngũ hồ tứ hải giai huynh đệ” hoặc “ái tình vạn tuế” mà một tay hảo hớn nào đã xăm cho nó.

- Mình không lỗ lã gì đâu! Chú Tư lẩm bẩm một mình.

Chuyến đi *len* trâu này, đứa con của chú mải nhiều tật xấu nhưng nó khôn lớn hơn, nghe thấy được nhiều việc mà ở nhà chú không nghe thấy. Chú ra sân. Dưới ánh trăng sông, con trâu Pháo bước tung tăng, nhịp móng xuống lớp phù sa mát rượi, đứng trên mặt đất hôm nay mà sao thấy hơi khác lạ hơn mặt đất hôm nao, cũng ở chốn này. Nó hình hỉnh lỗ mũi như cổ phân biệt mùi thơm của cỏ núi hoa rừng với mùi thơm của mùi lúa sạ đang độ chín.

Một cuộc biên đầu

*Linh đình bèo nước biết về đâu?
Đâu bến An Giang thấy những râu,
Bảy Núi mây liên, chim nhíp cánh,
Ba dòng nước chảy, cá vênh râu.
Có rau nội quanh, dân xanh mặt,
Không trái bản khô, khi bạc đầu...*
Cử nhơn PHAN VĂN TRỊ

Lão Bích day mặt qua một bên. Nắng đổ xuống từng đóm lửa đỏ như mấy cục sắt trong lò rèn mới rút ra, chóa lên rồi bay bông xa dân, trở nên phiêu diêu, mát rượi như bầy đóm đóm vô hình bay trong đêm. Đứng ba ngày rày, lão chỉ uống nước chớ không ăn một hột cơm nào. Hai hôm đầu, lão lấy có lả mệ. Hôm sau, đứa con lão bới cơm đầy chén, lão hứa sẽ ăn khi khỏe người. Chờ khi nó nằm ngủ trưa, lão đổ cơm trở vào nồi, thấy xuống nước vài hột để nhìn bầy cá linh bu lại giành mồi, phóng mình lên... Giờ phút này, bụng dạ của lão thơ thối lạ thường, không biết đói là gì, hay là nó đã tê liệt rồi? Nhịn đói năm ba ngày liên tiếp không phải là một lý do đầy đủ để chết; sức người chịu dai lắm nếu hãy còn cảm giác biết đói. Đằng này lão không đói nữa: phân nửa thân xác của lão, từ ngực trở xuống, dường như đã lìa. Từ ngực trở lên, qua hơi thở phơn phớt, lão ngỡ chỉ còn lớp da nhẵn bọc xương khô. Bệnh lão hoành hành từ mười năm qua đã giúp lão trút nhẹ lá phổi, duy còn đôi mắt và hai lỗ tại. Nhưng hai giác quan này đã biến đổi, hư hao quá nhiều. Bây giờ là ngày hay đêm? Ở đây là biên trấn khô hay là ở trên bông lai? Trong mờ ánh sáng lung linh, dường như có muôn ngàn gương mặt khác nhau hiện ra không rõ rệt, dịu hiền như ngọc nữ kim đồng, trong tiếng tiêu, tiếng sáo, tiếng đàn cò, giữa bầy phụng hoàng bay lượn.

- Qua! Qua dừng!

Lão Bích giựt mình thở phì phào:

- Qua à? Vậy mà cha tưởng là...

Thằng Kim bò trên xuống, hơi dầm định đập lũ qua đang liêu lĩnh bu lại mũi xuống. Lão Bích lắc đầu:

- Nó muốn rĩa xác tao thì cứ rĩa. Coi chừng chìm xuống... Rán bơi tới nữa... Con ơi!

Rồi lão nắm tay nó mà kéo lại sát mặt:

- Thấy chòm cây, xóm nhà nào trước mặt không? Hừng sáng rồi hả?

Thằng Kim hoảng hồn, đoán rằng cha nó đang hấp hối. Mặt trời sắp lặn. Nó bơi mạnh. Qua lượn sóng to này nó hồi hộp, chưa kịp nghỉ tay là lượn sóng khác tràn tới. Đằng xa kia, ẩn hiện trên ngọn sóng ngọn lúa xanh rì. Từ hồi sáng, mặc dầu nó bơi liên tiếp, cảnh vật chung quanh vẫn y hệt. Nước chảy hằng, tràn lan từ bờ sông Hậu Giang ra vịnh Xiêm La, chảy mãi về hướng Tây. Nó thắc mắc: nước ở đâu mà nhiều quá, ngập đồng ruộng, sâu cỡ hai thước, mênh mông không bờ bến như biển khơi. Hồi hôm qua, lão Bích dẫn giải:

- Đây vùng ruộng sạ thuộc tỉnh Long Xuyên. Hằng năm, nước lên vài tháng rồi giựt xuống. Đi tắt như vậy hơi cực nhưng không ai xét giấy thuế thân.

Giờ đây, nó mới hiểu rõ sự thật của tiếng “hơi cực”. Nhớ lúc đi qua phá Đại Ngãi để vượt ngang sông dài Hậu Giang, nước sâu, sông rộng nhưng nó cảm thấy dễ thở hơn. Sông rộng có giới hạn, bơi non một giờ là qua khỏi; giữa sông nhiều cù lao nổi lên giúp người đi đường vững tinh thần, rủi chìm xuống thì lội vô cù lao. Vùng ruộng sạ này có khác! Bờ bên ở tận chơn trời, nước tuy cạn nhưng có thể giết người, nạn nhân dầu lội giỏi, vượt năm bảy ngàn thước cũng không tìm được một căn nhà sàn, một ngọn tre mà nương tựa.

Mặt trời xuống, ngày một thấp. Và rặng cây ban nầy biên đâu mất rồi? Nó tự hỏi. Mặt nước xanh tươi, đám ruộng sạ của ai hiện ra hàng trăm công đất. Lạc vào đó e ngọn lửa vương vào đám khó bơi, nó quay xuống qua phía tay mặt. Sóng gió đã dịu xuống. Phía trước mũi xuống, lộ nhô những đóm đen ngòm, chuyển động như giăng ngang kín chân trời.

Lão Bích nói vọng lại, yếu ớt:

- Thấy bờ bên gì chưa?

Nó nghiêng tai nghe tiếp.

- Ba để lại cho con cái áo này... Yếu quá... ba ngồi dậy cởi áo không được. Con..

Nó trở mặt. Hai chân của cha nó im lìm như khúc gỗ bỗng nhiên cựa quậy, giãy dụa.

- Sao... sao không cha?

Thằng Kim la rú lên, bò tới. Tay chân ba nó đã lạnh ngắt, mặt thì xanh đen. Nó khóc không nên tiếng, nước mắt nước mũi cứ tuôn xuống.

Đằng xa... xóm nhà hiện ra. Nó rú lên. Nhưng tiếng hú nghẹn trong cuống họng. Chụp cây dầm, nó quơ lên trời làm dấu hiệu.

... Một chiếc xuống ba lá rẽ nước tiến lại, người ngồi trên xuống quát lớn:

- Gì vậy? Té xuống ruộng hả?

- Không! Ba tôi chết rồi.

Khách nọ ngồi xuống, rờ vào lão Bích rồi nhìn thằng Kim:

- Ở đâu tới vậy? Tội quá. Người này là ba của chú em à?

- Dạ ở cù lao Ông Chưởng...

Khách lẩm bẩm:

- Thì cũng ở trong vòng tỉnh Long Xuyên... Biết sao bây giờ! Đi đâu mà lỡ đường như vậy? Có bà con với ai gần đây không?

Thằng Kim chấp tay lại:

- Ông giúp dùm tôi. Không ai hết. Không ai hết.

- Để coi.

Khách quay lưng, đưa tay ngoắc chiếc xuống phía sau. Thằng Kim đã hiểu những lảng đén ở chân trời khi nầy là bầy trâu vô số kẻ đang lặn hụp. Trâu quây, sóng nước chuyển nghe ùng ùng. Hơi trâu thổi khi khi như cây rừng khi nổi gió. Hàng trăm cặp sừng cong vòng, nhọn lều nhô trên bộ mặt ngo ngác ba góc, giống hệt những trái ầu không lồ.

Khách bảo em bé ở xuống sau:

- Đứng cho trâu đi theo. Không khéo chìm xuống người ta bây giờ! Mày dẫn chú này lại chòi ông Hai Tích...

Đứa bé đáp:

- Rồi ai coi chừng trâu phía sau?

Khách ngẫm nghĩ:

- Vậy thì mày đưa một đôi, gần tới nhà Hai Tích thì hú một tiếng cho ổng hay. Rồi trở ra lẹ. Ngoài này tao *len* trâu chậm chậm chờ mày...

Rồi day lại thằng Kim:

- Chú em đi với em này lại nhà quen của tôi. Họ giúp giùm cho.

*

* *

Em bé bơi trước. Thăng Kim theo sau, trong dạ buồn điếng nhưng cũng khuấy khuấy được ít nhiều. Nó cúi đầu nhìn: tay chân cha nó đã rút lên, mặt nghiêng một bên khuất dưới cái nón lá; có lẽ khi này ông khách nợ đã chú ý đẩy mặt dùm cho nó.

Ông khách bỗng bơi xuống theo, kêu nó:

- Ngừng lại nghe tôi căn dặn: thằng nhỏ đó sợ ma lắm. Chiều rồi, đừng cho nó thấy. Chú em lấy cái nóp này của tôi đem về nhà ông Hai Tích. Không chừng sáng mai tôi về tới. Đừng buồn. Ông Hai Tích cũng như tôi...

Hai căn chòi nằm lú trên mặt nước. Khói cơm bay tỏa cuộn cuộn, tận mác trở về phía mặt trời mọc. Qua đầu sắp hàng trên nóc nhà, há mỏ kêu rồi bay bỗng vòng quanh xuồng. Em bé rú lên:

- Ông Hai ơi! Có khách của chú Tư Lập nè!

Rồi nó quày quả trở lại. Thăng Kim nói:

- Cám ơn.

Đứa bé nhìn lại trong xuồng thằng Kim:

- Sao ông này nằm hoài... Kêu ông thức dậy, tới bến rồi!

Thằng Kim méo mặt, nước mắt lại tuôn xuống. Như đoán được trách nhiệm giao phó này giờ, đứa bé rùng mình, la lên một tiếng “trời” rồi bơi đi tuốt.

Nghe thằng Kim thuật lại hoàn cảnh của cha nó, ông Hai Tích thở dài, gọi bà Hai nấu cơm thêm để thằng Kim cùng ăn. Thằng Kim nuốt không vô; hồi xế trưa đến giờ tâm trí nó bận rộn vì một câu hỏi mà nó không dám thốt ra: “Chôn ba nó ở đâu? Làm sao mà chôn?”. Bà Hai gọi ông Hai ra phía sau. Hai vợ chồng nói qua lại thì thảo. Ông Hai trở ra:

- Ý của cháu như thế nào? Miệt này, mùa này ai rủi ro thì cũng vậy. Bác coi cháu như người nhà nên mới nói thiệt. Phải chôn gấp nội chiều nay, lòng vòng chờ sáng mai không lợi ích gì.

Thằng Kim hỏi:

- Thưa bác, chôn ở đâu?

Đoán được vẻ lo âu sợ hãi ấy, ông Hai Tích ngập ngừng:

- Nói chôn cho đúng tục lệ chớ đất ở đâu mà chôn? Tứ bề là nước. Có hai cách: một là xóc cây tre ở giữa đồng rồi treo lên mặt nước, chờ khi nước giụt mới đem chôn lại dưới đất. Như vậy mất công lắm, điều quạ hoành hành. Chi bằng bó xác lại rồi dẫn cây dẫn đá mà neo dưới đáy ruộng...

Thằng Kim đập đầu xuống sàn nhà, hai tay bứt tóc:

- Trời ơi, phải biết vậy, ba tôi đi tới xứ này làm chi...

Bà Hai Tích rưng rưng nước mắt:

- Cháu đừng khóc. Trời định vậy. Ở đây ai cũng vậy; người có của, ai tới xứ này? Trách cha, trách mẹ, trách trời là thêm tội. Cháu thấp nhang đi, lạy không được thì xá ba xá. Bác ra tay dùm. Trời chạng vạng, lát nữa tôi tắm, khó lắm.

Bước ra sau hè để coi bóng mặt trời rồi ông Hai Tích lật đật trở lại phía trước, tay cầm chai rượu. Ông dỡ cái nón che mặt lão Bích, phun rượu kéo tay chân xác chết ra cho ngay ngắn.

Hai chiếc nóp gói kín xác kẻ bạc mạng. Bà Hai vào nhà rút mười sợi dây choai, chuyền xuống. Sau rốt, hai ông bà lum khum khiêng xuống sông cái thớt trên của cây cối xay lúa cũ.

Xuồng rời khỏi nhà, mỗi lúc một xa. Thằng Kim khóc đòi đi theo... để tự vận. Bà Hai Tích nói:

- Lớn rồi, cháu không phải là con nít nữa mà đòi liều mạng đại dột như vậy. Coi như là xong một cái tai nạn...

Thỉnh thoảng, ông Hai Tích day mặt lại, khoát tay như ra dấu bảo người trong nhà đừng trông theo. Biết cử chỉ của mình vô hiệu quả, ông chọ xuống tễ qua một bên hông trong nhà không ai nom thấy cảnh tượng đau xót cuối cùng. Đôi mắt thằng Kim mở rộng, trừng trừng. Cả mặt nước giờ đây hiện

hiện như con ác thú không lồ há miệng ra nuốt trọn thân xác cha nó rồi ngậm miệng lại, giận dữ vì chưa no. Nhưng chỉ giây phút thôi! Mặt nước trở lại yên tĩnh, phải chờ khi da trời tỏ rạng sao Hôm, nắng vàng chìm xuống, cơn gió Nam mới nổi lên lần nữa, triền miên đến khi gà gáy vắng vắng.

Ngay bàn thờ giữa, khói hương cháy đỏ. Ý của ông Hai và bà Hai là cầu siêu cho vong hồn người bạc mạng. Phần thằng Kim thì sau khi uống trọn gáo nước lạnh, nó nằm ngả trên sàn, mệt lịm, ngủ tự hồi nào. Nó mớ. Nó trở mình đấm tay, đập chân nghe rầm rầm. Ông Hai, bà Hai lấy chiếc chiếu đắp cho nó.

Bà Hai nói:

- Tội nghiệp, thân nó đơn chiếc mà gặp cảnh này...

Ông Hai cau mày:

- Biết vậy thì tại sao hồi nãy bà tiếc cái cối xay lúa? Bộ bà muốn cho ba nó nổi sinh lênh bênh trên mặt nước hay sao?

- Đừng nói nữa ông ơi. Tới mùa nước giụt, bè nào ông cũng rán nhớ hốt xương, chôn cất kỹ lưỡng dùm nó. Tôi khô lắm...

Ông Hai hớp miếng rượu:

- Không cần... Đất ruộng này rải rác, Lũ khũ... xương người ta với xương trâu, thú trâu “len” đi xa bị bệnh mà chết dọc đường. Tới mùa cày ruộng, năm nào cũng vậy, tôi gặp xương đó hoài.

- Rồi ông làm sao?

- Thì cày đất lấp lại cho lúa sạ mọc lên. Mình cứ tưởng đó là xương của người hồi đời Bàn Cổ... Chớ nhìn nhận rằng nó còn tươi trẻ hơn bộ xương mà mình đang mang đây thì... mình phải suy nghĩ cho phận làm người của mình quá! Máy bữa đó, tôi buồn, về nhà khảo tiền của bà để mua rượu uống, bà không hiểu nên rầy tôi... Bà nhớ không?

Thằng Kim lại trở mình, đập tay xuống sàn nhà...

Đóng gông ông thầy Quít

Ở đâu động dao, động thớt là có ông thầy Quít tới. Rượu uống ngà ngà, ông vỗ ngực, xắn tay áo mà nói trong buổi tiệc:

- Bà con ở đây không ai biết phát cỏ cho ra hồn, tôi chắc như vậy.

Có người bức tức, hỏi:

- Ra hồn nghĩa là sao? Anh em tụi tôi đây cứ phát đều đều mỗi ngày một công. Sao Mai mọc, đâm mây ngang là ra ruộng. Mặt trời lên hai sào, tụi tôi vô nhà xong việc nằm nghỉ.

Thầy Quít nhướn mắt:

- Tôi phát ba công trong khoảng thời gian đó. Phát lẹ bằng ba lần. Đó là buổi tôi làm biếng. Nếu siêng thì mỗi ngày tôi phát sáu công liên tiếp, không cần ăn cơm trưa.

- Thiệt hay chơi đó? - Có người hỏi.

Ông đáp:

- Nói dóc làm gì? Tôi còn ở xóm này chơi vài tháng nữa mà. Anh em hồ nghi, tội nghiệp tôi. Không lẽ già rồi mà tôi còn mang tật nói dóc, để tiếng xấu cho đời sau.

- Chúng tôi nào dám. Chỉ e đó là chuyện hồi ông còn trẻ. Bây giờ sức ông yếu nhiều rồi.

Thầy Quít dụ giọng:

- Hồi trai trẻ, trái lại tôi phát cỏ chậm hơn lúc về già như bây giờ. Hồi đó là tay ngang, bây giờ tôi là kẻ đắc đạo. Phát cỏ là một thứ đạo ích lợi cho sanh linh, nòi giống. Đạo là phép mẫu nhiệm. Chẳng hay bà con mình muốn học không?

Ai nầy trở mặt nhìn nhau. Hồi nào tới giờ nghe nội đạo Phật, đạo Lão, Khổng, Mạnh... chớ nào ai nghe “Đạo phát cỏ”. Bấy lâu, xóm này và các xóm kế cận đều phát cỏ theo cách của ông bà truyền lại. Nghĩa là chém cho cây phảng chạy dài dưới nước; phảng chạy tới đâu, cỏ đứt tới đó. Cùng lúc ấy, tay trái quơ cù nèo, gạt mớ cỏ bị hạ qua một bên cho trọng trái mặt nước. Rồi thì bước tới, đỡ ngọn phảng lên, chém xuống phát phảng thứ hai... Cứ như vậy đến lúc không còn cụm cỏ nào trong công đất.. Nghĩ cũng nặng nhọc, phí sức; đàn bà ít ai phát cỏ nổi. Mặc dầu phát rồi, về trước giờ Ngọ nhưng ai nấy mệt nhoài, mình mảy rêm nhức, có người uống rượu thuốc để lấy sức ngày mai... Hôm nay nghe thầy Quít bàn đến Đạo phát cỏ, xem phát cỏ như một phép mẫu nhiệm, ai lại không mừng? Họ mừng nhưng còn nghi ngờ, e nầy giờ thầy Quít nói quá lời, vì quá chén.

Nhưng càng uống rượu, thầy Quít càng tỉnh táo. Thầy nói:

- Ai muốn thọ giáo? Tôi sẵn sàng làm công việc ích lợi đó giúp bà con. Tôi nào thọ tiền bạc nhiều. Chỉ cần một con gà giò để cúng tổ. Vậy thôi!

Một con gà đáng giá là bao, nhà nào mà không nuôi sẵn! Ai nấy mừng rỡ, thấy trước mặt một viễn ảnh vô cùng tốt đẹp: Bao nhiêu đất hoang của rạch Thuồng Luồng sẽ biến thành biển lúa vàng trong ngày rất gần. Mỗi mùa, thay vì dành ba chục ngày mà phát cỏ, giờ đây nhờ phép mẫu của thầy Quít, họ chỉ cần ra sức bốn năm ngày là xong chuyện. Mấy mươi ngày còn lại, họ tha hồ đồn ca vọng cổ, hoặc đá cá lia thia. Ai siêng thì cứ phát thêm, phát mau lẹ hàng trăm công. Chị em phụ nữ tha hồ mà cấy, mà hò hát huê tình, đối đáp. Chôn thân tiên âu cũng như chôn nầy!

Nhìn vẻ mặt vui tươi của mọi người, thầy Quít cũng vui lây. Vốn từng ngao du, giao thiệp nhiều nơi, thầy tỏ ra khá rành về tâm lý để thấu phục nhân tâm.

- Ngày mai này, tôi đích thân ra ruộng phát cỏ cho anh em coi thử. Anh em cứ chọn người nào phát giỏi nhất ở đây để thi tài với tôi. Tôi chấp họ phát trước tôi nửa công; tôi phát sau nhưng nhất định rồi trước.

Thầy Quít làm đúng điều đã nói. Xóm riêng không ngớt tán tụng:

- Giỏi quá. Hôm qua, ông phát một công đất không đầy một giờ đồng hồ.

- Rõ ràng thầy Quít có phép màu “*Chém hại dao tầm rươi có dư*” như lời tục thường nói. Thầy hạ ngọn phăng xuống một cái, tức thì một vùng đất trên hai thước rươi bề dài phải sạch sành sanh, cỏ ngã liệt.

Xóm Thuồng Luồng vốn hăm mộ nhân tài. Họ mời thầy Quít về nhà ngủ trên ván gỗ, trải chiếu bông đàn hoàng. Nội một buổi chiều, hơn một chục người đến kính cần xin thọ giáo.

Thầy nói:

- Tôi có tội lớn với tổ, tội phụ lòng anh em nhiều quá. Số là xưa kia, thầy tôi lúc lâm chung trời lại: con đừng lấy việc truyền nghề mà làm sanh kế. Như vậy lần hồi con trở thành lười biếng khác chi lũ người xôi thịt. Con thương thầy thì ra sức phát cỏ mướn như mọi người. Ngồi không... sanh bất thiện.

Người nghe bèn thở dài:

- Như vậy làm sao chúng tôi học được? Anh em muốn ông nán lại chơi vài tháng. Khoảng thời gian đó, tiền bạc đâu để ông hút thuốc ăn trâu? Làm thế nào giúp ông được bây giờ?

Sau giây phút trầm ngâm, thầy Quít đáp:

- Nhờ anh em cho tôi lãnh trước chút ít tiền mai mốt tôi phát cỏ trừ lại. Như vậy tôi ở đây mãi mùa, sớm chiều ra ruộng làm lưng với anh em cho vui; luôn tiện giúp anh em vài bí mật trong... Đạo. Còn việc truyền phép, tôi hứa chọn một đệ tử trong đám thanh niên trai tráng trong xóm này. Cần nhất là cậu trai đó phải thành tâm, trì chí để chịu đựng một cuộc thử thách lâu dài. Thách như gọi như vậy là “tử công phu”, thử công phu khó nhọc khiến cho con người bạc tóc, nhăn trán...

Bà con cho thầy Quít lãnh trước tiền phát cỏ. Người này nhờ thầy phát dùm bốn công, người kia ba công, người nọ năm công... Nhờ vậy, thầy thủ được món tiền ăn xài dư dả.

Thằng Liệu lấy làm hân hạnh được thầy chọn làm đệ tử. Nó thức suốt đêm, mừng không ngủ được. Hôm sau thầy Quít gọi nó ra ngoài trại ruộng giữa đồng, ở chung với thầy. Đoán trước nỗi ngạc nhiên của nó, thầy nói:

- Minh phải xa lánh mới được. Ở chốn đông người. Đạo bị hoen ố vì lắm kẻ tò mò.

Cứ buổi sáng, thằng Liệu nấu nước pha trà. Trưa lại, nấu cơm mua rượu về cho thầy. Nó làm tất cả công việc đó với tấm lòng thành kính, còn hơn đôi với cha ruột. Suốt ngày ngoài việc ăn uống, thầy Quít nằm lim dim đôi mắt, nửa thức, nửa ngủ... Ban đêm, thầy bảo nó đốt nhang cắm bốn phía trại. Thỉnh thoảng, thầy trở vào xóm. Ấy là lúc ai cũng mừng rỡ xúm nhau đặt thêm tiền để thầy phát cỏ cho. Về trại ruộng, thầy mang theo nào gà, nào rượu và một túi tiền khá đầy.

Trong xóm, vài người tò mò. Ban đêm, họ lội bì bõm ra trại nhưng không dám lại gần, e thầy biết mà có tội. Họ thấy... bốn ngọn đèn cây xanh lè. Trong bóng tối, ghê rợn làm sao! Thấp thoáng, bóng dáng thầy Quít và thằng Liệu đi qua đi lại, co chân co tay, quơ tới quơ lui, nhảy nhót bên tả bên hữu. Đường như cả hai đều ở trần. Gió thổi từng cơn hù hù qua đồng cỏ. Lưng thằng Liệu ướt loang loáng, phải chăng vì quá tập dượt mà tháo mồ hôi? Lâu lâu thầy Quít ngồi xuống. Người đi xem ngoài này lắm khi thấy lạnh xương sống vì mấy ngọn đèn xanh lè bên trong kia vụt tắt hết... Rồi cháy lên hai ngọn, ba ngọn, bốn ngọn... Rồi tắt bớt một ngọn. Đột nhiên, cánh liếp che kín lại. Bên trong nổi lên tiếng sắt đá chạm nhau rộn rã, khi thưa khi nhật, rít lên trầm xuống. Như tiếng thợ rèn đập sắt, như tiếng mài dao của anh đồ tể sửa soạn thọc huyết heo.

Đèn trong trại ruộng lần lần tắt hết. Ngoài này, họ lùi thui bước về, chân không dám lội mạnh, e thầy Quít nghe được. Họ rủ nhau đi rình như vậy một ngày, hai ngày, ba ngày... riết rồi sanh chán, nhứt là khi mưa dầm, đường về trơn như thoa mỡ, gió lạnh buốt xương.

Cỡ này, rằm tháng sáu rồi! Lệ thường, mọi năm khi thầy Quít chưa đến truyền phép... phát cỏ mầu nhiệm, họ đã dọn cỏ xong xuôi, có đâu như năm nay khắp đó đây cỏ dại còn tha hồ vươn lên đây bịt

khỏi đầu người, phải dùng tay mà rẽ để tìm lối đi vất vả.

- Chừng nào mới dọn đất để cấy?

Mỗi người đều tự hỏi như thế và mỗi người đều tự trả lời:

- Phải nhờ thầy Quít. Thầy ra tay một vài buổi là xong. Mình đã đặt cọc tiền cho thầy rồi mà.

Nhưng họ cảm thấy không được yên tâm! Thầy Quít đâu phải lãnh tiền trước của một đôi người. Khắp xóm Thuồng Luồng, lai rai đâu cũng có thân chủ của thầy. Từ bây giờ đến cuối tháng, hơn mười ngày nữa, liệu thầy có phát xong... trên trăm công đất! Họ ra tận trại ruộng, xin yết kiến thầy để tỏ bày nỗi thắc mắc đó. Thầy vươn vai, đáp một cách tỉnh táo:

- Ôi! Bà con hơi đâu mà lo xa! Bà con nhắc nhở tôi như vậy thật là chí lý. Ngặt hôm rày tôi cầu tổ chưa được. Một khi tổ về nhập vào xác tôi, bà con phải biết; tôi phát cỏ như người lên đồng, lên bóng, phát tới ngày không mỏi. Hai ba đêm rồi, tôi “đi thiệp” xin tổ về gấp. Tổ chưa về, chỉ có vậy thôi.

*

* *

Chủ tọa tối cao là thầy phó hương quản. Nhà ông hương ấp bỗng nhiên trở thành nơi nhóm họp, xử một vụ án quan trọng.

Tiên cáo là hầu hết dân chúng rạch Thuồng Luồng.

Chánh phạm là thầy Quít. Nhưng khiếm diện, vì đã bôn tẩu trong đêm rồi.

Thằng Liệu - đồ đệ của thầy - bị khép vào tội đồng lõa. Nó quỳ xuống lạy, khóc sụt sùi, kêu oan. Nhờ sự can thiệp của mấy ông kỳ lão nên nó khỏi bị tát tai, đâm đá. Chập sau, thầy phó hương quản mở trời cho nó. Nó khai đại khái như sau:

- Ông cuốn gói hồi nào, tôi không hay. Chừng sáng ra thức dậy mới biết.

Thầy phó hương quản cười:

- Phải hay trước thì mày đã cuốn gói theo ông luôn rồi. Ông có chia tiền cho mày xài không?

- Dạ không. Mấy lần mua gà vịt về, ông với tui ăn chung, nhưng mà gan, mè, đùi, ông hưởng hết... Còn bụng gà, xương cangk... về phần tui.

- Ông dạy mày phép gì?

- Dạ ban đầu thì cắt cổ gà để cúng tổ. Ông nói: “Coi máu gà phun ra kia! Mai chiều, nếu mày đem sự bí mật trong nghề mà nói lại với người khác thì ngọn phảng ăn vô chun mày, máu phun ra như vậy đó”. Năm bữa sau, ông lấy thước tây đo dưới đất, vuông vức mỗi cạnh là một thước. Bốn góc hình vuông đó, ông thấp bốn ngọn đèn cây. Ban đêm, đốt đèn lên, ông đưa cho tôi một cây sậy dài chừng chín tấc mà nói: mày cầm cây sậy mà quơ mạnh, như cầm phảng pháp cỏ. Phải làm sao khi quơ một cái thì hơi gió khiến bốn cây đèn cây tắt một lượt.

Thằng Liệu nói tiếp:

- Thầy nói mỗi công ruộng là một ngàn thước vuông, mình tập phát mỗi lát dao chém trọn một thước vuông. Vài bữa sau, thầy khen tôi rồi dạy mấy câu thiệu sau đây: *Tấn bộ chữ định. Tay vươn cánh ó, Chun trái đá gió. Linh kiếm hạ liền...* Còn dài lắm, phần sau chưa dạy là thầy trôn.

Thầy phó hương quản vỗ bàn:

- Cây phảng mà kêu bằng linh kiếm. Thằng này gan thiệt. Nó muốn làm giặc sao chứ? Ngoài chuyện phát cỏ nó còn nói chuyện gì khác không? Mày khai gian tao đóng gông bây giờ. Đủ bằng chứng rồi! Bất được ông tao cũng đóng gông luôn.

Thằng Liệu đáp ứng:

- Cách đây vài ngày, thầy khoe với tôi rằng “*Sư tổ*” hồi xưa phát cỏ giỏi lắm, truyền tới thầy đây là bốn đời. Đạo lần lần bị ô. Thầy phát cỏ một buổi chứ không bao giờ phát ngày này qua ngày kia, nhiều và lẹ như vậy được. Sự tích hồi xưa, người Mông Cổ xâm chiếm nước Tàu...

- Lập nhà Nguyên, Phải! Thầy Quít nói gì mà người Mông Cổ? Lạ quá!

- Thầy nói người Mông Cổ hồi còn nghèo, lang thang trên yên ngựa thì siêng năng, mạnh khỏe. Đến chừng chiếm được cung điện nước Tàu, họ ặn no ngồi một chỗ, mặc áo gấm. Việc cầm cựa lên ngựa, họ xao lãng nên trở thành bạc nhược, gân cốt không còn dẻo dai. Tới sau, họ bị Châu Hồng Võ đánh bại. Phép phát cỏ như vậy đó. Khi xưa người dân phá rừng mở nước, họ làm lụng suốt ngày quên ăn cơm, cử nôi cây phảng nặng một yên. Bây giờ chỉ phát một buổi, cây phảng sụt xuống còn có nắm cỏ mà lăm người than mệt?! Người dạy đạo phát cỏ thì lo tiền bạc rượu thịt. Nghề làm ruộng lần lần bị cạnh tranh; nhiều người nông phu tay cầm phảng nhưng trong bụng nghĩ tới việc ra chôn thiên thị, tìm phương kế khác làm ăn có lợi hơn.

Thằng Liệu nhìn mỗi người, thở dài rồi nói tiếp:

- Tôi hôm qua thầy Quít nhắc chuyện Mông Cổ đó thêm một lần nữa rồi thầy khóc thút thít với tôi: “Liệu à, mày đừng bắt chước tao! Tao là đứa làm biếng sau chót hết, mày phải ráng sức giữ lấy nghề nông”.

Phiên nhóm trở nên yên lặng. Phải chăng là cơn oán hận đối với thầy Quít đã lần lần dịu xuống? Ai nấy nhìn nhau, hút thuốc rồi cười lạt đành tha thứ rút lui về nhà.

Nhưng ngày qua tháng lại! Những năm sau - năm 1930, lúa sụt giá còn một cắc một gia - người nông phu phải trỉ chí lăm mới cầm nôi cây phảng mà ra ruộng phát cỏ. Họ đâm ra thương nhớ bao nhiêu lời nói và tội lỗi của thầy Quít, hồi năm trước. Thương nhớ thương nhớ một cách lạ lùng!

Tình nghĩa Giáo Khoa Thư

- Từ đây tới nhà ông Trần Văn Có gần hay xa vậy thầy?

Thầy xã trưởng đáp:

- Ở xóm Cà Bậy Ngọt lận! Để tôi ra lệnh cho phó hương ấp đòi tên đó tới công sở...

Thầy phái viên nhà báo “*Chim Trời*” giựt mình.

- Tôi là phái viên, đâu có quyền hạn đó đối với quý độc giả thân mến gần xa.

Thầy xã hỏi:

- Phái viên là gì vậy thầy?

- Là người thay mặt cho tờ báo đi cổ động và thu tiền.

- À! Bây giờ tôi mới biết cái thằng Tư Có. Nó thiếu tiền của nhà báo hả? Hèn chi nó bơi xuống lên công sở lãnh báo, đúng bảy bữa là có mặt nó. Nghèo không biết thân lại còn bày đặt làm sang mua báo không trả tiền!

Thầy phái viên cố nén sự bức tức khi nghe người độc giả thân mến của mình bị thầy xã khinh khi; thầy hút thuốc suy nghĩ rồi lại hơi buồn buồn mà nhớ đến sự thất bại về tài chánh.

Ông độc giả Trần Văn Có thiếu sáu tháng tiền báo tức là hai đồng sáu cắc rưỡi. Từ chợ Rạch Giá vô đây, thầy đã tốn gần ba cắc rưỡi tiền tàu, tiền thuốc hút. Chuyến về lại phải xuất thêm ba cắc nữa... Ông độc giả nghèo nàn này chắc gì trả được một đồng trong số tiền thiếu chịu nhà báo!

Nhưng đã tới đây rồi mà trở về thì uổng cuộc viễn du Hậu Giang này quá! Thầy phái viên quyết tình bình vực thể diện của người độc giả nọ:

- Không phải tôi đi đòi tiền! Tôi đi dò hỏi ý kiến bạn đọc đối với tờ báo. Tiền bạc là quý... Nhưng ý kiến của bạn đọc lại quý hơn. Độc giả ở tới đâu, chúng tôi đi tới đó.

Sau vài phút đi tới đi lui, thầy xã gật đầu:

- Được. Để tôi biểu thằng “trạo” chèo tam bản đưa thầy. Thầy nên dè chừng. Tên Trần Văn Có nói mười, thầy tin một là vừa. Anh ta công kích tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* của nhà nước Lang Sa gởi xuống công sở; đi ăn giỗ thì nói chuyện Hít Le, chuyện nước Ý đánh nước A, chừng hỏi kỹ mấy nước đó ở đâu, anh ta bí lồi nói lảng qua chuyện Tàu...

Thầy phái viên tò mò:

- Vậy thì ông độc giả của chúng tôi rành chữ nho?

- Ai biết rõ được. Anh ta nói có dây có nợ, tích người học trò nghèo tên là người Thừa Cung gì đó... chặn heo; ông quan đại thần Lý Tích đích thân nấu cháo cho chị ăn dè đâu bị lửa táp cháy râu. Chưa hết đâu, thầy phái viên ơi! Hễ gặp ai say rượu anh ta nói một hơi như thầy chùa tụng kinh, có ca có kệ. Cái gì mà *các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mặt đỏ gay, mắt lơ dờ...*

Thầy phái viên cười lớn, nhip mạnh tay xuống bàn ba bốn lần như đánh trống châu hát bội, đôi mắt sáng ngời, chân nhảy nhót như con nít:

- Hay quá! Hay quá! Tôi thăm ông độc giả đó mới được. Ông làm thầy giáo hả thầy? Nhờ thầy đưa tôi đi tới gặp mặt. Ngộ quá hen! Ừ! Ừ!

Bực mình quá chừng, thầy xã nghĩ: “Ông phái viên này kêu mình bằng thầy mà lại tung bốc kêu Tư Có bằng ông. Hay là ông chê mình không dám xuất tiền mua báo như Tư Có. Chừng bận về, mình mua vài năm báo chơi cho biết mặt”.

Thầy xã hồi thúc cho chú trạo sửa soạn quai chèo đưa thầy phái viên đến ấp Cà Bậy Ngọt. Thầy phái viên cảm ơn một tiếng nhỏ rồi cúi đầu xuống nói rù rì như xa như gần, trong cuống họng:

- Ồ! Đề coi *các anh* hãy *trông người kia đi ngoài đường, mắt đỏ gay, mắt lơ đờ, quần áo xốc xếch, chân đi xiêu bên nọ vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm... Lũ trẻ theo sau reo cười chế nhạo...* Đúng vậy, QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ lớp Sơ đẳng, Việt Nam Tiểu học từng thư... Sách này do Nha Học Chính đã giao cho ông Trần Trọng Kim, ông Đặng Đình Phúc và ông Đỗ Thận soạn... Eo ơi! Cái buổi thơ ấy đó nay còn đâu.

Đường đi ấp Cà Bê Ngop quá xa vời! Chiếc tam bản nhún xuống một cái “ồ” rồi nhảy tới một cái “sạt” theo nhịp chèo hai chèo. Năng chang chang rắc vàng trên thảm cỏ hoang xanh ngắt. Vài nhánh bình bát gie ra, quất vào bụi[1] sột soạt. Xế chiều, cò trắng phất cò như đón người khách lạ. Trích, cụm nùm kêu ré lên. Con rạch thâu hẹp lại. Chiếc tam bản lắc nghiêng như trái dừa khô trên mặt nước đầu sóng gió. Anh trạo chèo một chèo, nghiêng mình bên hữu. Rồi bỗng nhiên anh chụp mỗi tay một cây chèo mà chèo trên đất khô bên bờ rạch. Chiếc tam bản lại lướt nhanh trong lòng nước quá hẹp, vừa đủ lọt bề ngang.

Anh trạo mỉm cười:

- Chèo như vậy đi lẹ hơn. Mọi lần mùa hạn, nước cạn queo, dưới sông đầy bùn non, tôi cười trâu trên bờ mà kéo. Chiếc tam bản đi như cộ kéo lúa...

- Chú trạo biết rành nhà Tư Có không?

- Dạ, biết. Tư Có ở một mình, nuôi heo, giăng câu, ăn ong, nghe nói y ở xứ Văng Long xuống đây tính bề dạy học mà xin phép chưa được...

*

* *

Buổi cơm chiều ngon lành làm sao! Ăn cá lóc nướng trui, uống rượu “ông cọt”. Anh trạo đã về, Tư Có kèm thầy phái viên ở lại ngủ một đêm, chú hứa sáng mai bơi xuống đưa thầy trở lại công sở mà đón tàu đò. Thếp đèn dầu cá kéo thêm một tim thứ nhì nữa, cháy khá sáng. Bếp un dưới đất tỏa lên cuộn cuộn, tỏ rõ từng sợi khói mịn màng như mảnh lưới tơ giăng bữa khắp căn chòi nhỏ hẹp.

Tư Có bỏ mùng xuống, chun vô tấn ba phía rồi mời:

- Thầy Hai vô trong này ngồi nói chuyện cho vui. Ở ngoài muỗi cắn. Khói như vậy mà muỗi cứ bu lại rớt lênh bênh trong thếp đèn dầu cá đỏ.

Ngượng ngịu, thầy phái viên nhà báo *Chim Trời* rón rén dờ mí mừng, chun lẹ vào ngồi kế bên:

- Xứ gì lạ quá! Anh Tư ở đây hoài sanh bệnh chết.

Tư Có đáp:

- Xứ Cà Bê Ngop, tiếng Khơ Me nghĩa là trâu chết. Hồi đó nghe nói trâu “len” tới đây thất bại, phong thổ âm thấp trâu chết nhiều quá. Họ đặt tên kỷ niệm luôn... Bởi vậy dân tình bệnh hoạn, thừa thớt, làng này chưa cất nổi cái trường học.

Thầy phái viên trố mắt:

- Vậy à? Còn mấy làng khác?

- Đông Thái, Đông Hoà, Đông Hưng, Vân Khánh Đông... không làng nào có trường hết. Thầy nghĩ coi...

- Hèn chi miệt này chỉ một mình anh Tư là độc giả báo *Chim Trời* của chúng tôi... Báo có thích hợp không anh Tư?

- Nói chí tình, đó là của người bà con ở Sài Gòn “dăng” dùm tôi, ban đầu tưởng nói chơi dè dặt nhà báo gởi xuống thiệt, xem cũng đỡ buồn. Phần nhiều bài vở của mấy ông viết cao quá. Tôi thường đọc cái trương Văn Uyên, có bài thơ bát cú của cô Bích Lý vịnh cảnh sông Hương. Hay quá lẽ! Về sau, ông Trần Bất Diệt ở Cầu Kè họa vận...

Thầy phái viên gật đầu, ừ lấy lẹ, thật ra hồi nào tới giờ đi cò động cho báo *Chim Trời* mà ít khi thầy đọc kỹ báo nhà. Tư Có hỏi tiếp:

- Nhà báo *Chim Trời* đông người không thầy? Chắc là lớn lắm? Làm sao mà thành chữ được.

- Có thợ chuyên môn ráp từ chữ a, chữ b.

- Trời thần ơi! Biết tới chừng nào mới xong, chắc là thợ đông lắm... Còn mấy ông chủ nhiệm, chủ bút, phóng viên... Chắc làm việc rần rộ ngày đêm.

Thầy phái viên sức nhớ đến tình trạng loe hoe của toà soạn, lại gật đầu lần nữa.

- Làm báo thì cần nhiều trí óc lắm phải không thầy phái viên? Tiếc là hồi nhỏ cha tôi chết sớm. Hồi đó, ông làm thầy giáo cũng đặt thơ bát cú, tứ cú. Cha tôi chết, má tôi giữ mấy pho sách, dạy lại tôi. Đó là sách *Quốc Văn giáo khoa thư*, thầy còn nhớ không?

Thầy phái viên cười:

- Nhớ chứ. Làm sao mà quên được! Hồi nhỏ tôi hót “ca rê”, tay xách tọng ten bình mực đi học ở trường làng. Hồi đó, trí óc mình sáng suốt, nhớ dai lắm. Bây giờ lớn tuổi, đầu bạc hoa râm, đi làm ăn rày đây mai đó, nhớ nhà, nhớ trường học, nhớ làng xưa.

Tư Có nói:

- Chắc là thầy muốn nói bài “*Chốn quê hương đẹp hơn cả*” chứ gì?

Rồi chú đọc một hồi:

- *Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, làng xóm, láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: ông đi du sơn du thủy...*

- Đó đa! Đó đa! Anh Tư nhớ kỹ quá... *Người du lịch mới trả lời: ở chốn quê hương... từ cái bụi tre ở xó vườn cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gợi cho tôi những mối cảm tình chứa chan...* Bài đó có hình ông già mang kiếng, chống gậy nói chuyện với mấy người khăn đóng áo dài.

- Thì hình nào cũng khăn đóng áo dài. Trừ ra cái hình thằng nhỏ chần trâu cầm roi: *Ai bảo chần trâu là khổ... Không, chần trâu sướng lắm chứ.*

Thầy phái viên phụ họa theo như cùng hợp xướng:

- *Đầu đội nón mê như lọng che, tay cầm cành tre như roi ngựa, ngất ngểu ngời trên mình trâu, tai nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ...*

Rồi thầy kéo qua những đoạn khác mà thầy nhớ:

- Hay quá! Nhà báo bây giờ không ai bằng. Văn chương như vậy là cảm động lòng người... Như cái hình ông già đẩy xe bò lên dốc, có hai đứa học trò kéo dây tiếp sức. *Trời nắng to. Đường thì dốc. Một ông lão đẩy cái xe lợn. Trên xe có ba bốn con lợn to, chân trời bụng phơi và mồm kêu eng éc...*

Tư Có vỗ trán:

- Còn ông già khuôn tảng đá nữa, thấy mà thương: *Trời nhá nhem, chạng vạng tối, tôi thấy một ông cụ già hì hục khuôn tảng đá. Ông cụ nhắc lên để xuống đến bốn năm lần mới đem được từ giữa đường đến chỗ bụi cây mà bỏ đấy... Lão đi lữ vấp phải tảng đá này, sây cả chân đau lắm nên khuôn bỏ vào đây, sợ có người vấp nữa chẳng.*

Thầy phái viên lại không chịu rằng mình kém trí nhớ:

- Ngang hình ông già đó, trương phía tay trái có bài *chọn bạn mà chơi, thói thường gần mực thì đen*. Chạ chỉ ngón tay, con đứng khoanh tay cúi đầu mà nghe. Dưới chót lại có hàng chữ: *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.*

Tư Có gật đầu:

- Đó là ngụ ý răn đe gương tốt thói xấu. Phải siêng năng như Sừu chăm học, ngồi bên đèn mà đọc sách; đừng lười biếng như thằng Bình đánh vòng. Phải bền chí học hành. Ở thầy phái viên chắc nhớ cái hình con kiến tha mồi! Văn chương nghe như đồn Nam Xuân: *Nước mềm, đá rắn thế mà nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy mà dây cưa*^[2] *mãi gỗ cũng đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ to, thế mà kiến tha lâu cũng đầy tổ. Người ta cũng vậy...*

Không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim. Tuổi của họ đã quá ba mươi! Nước chảy mãi mà sao đá không thấy mòn? Sợi dây cưa mãi, gỗ chưa đứt mà sợi dây sắp đứt trước. Sự nghiệp của họ nào đã có gì: *Kẻ mến cái thú ở nhà quê, người lặn lội với cái thú ở kẻ chợ.*

Nằm mãi không ngủ được, thầy phái viên lắng nghe *những tiếng động trong nhà*, giữa tiếng *một nghiêng gỗ kèn kẹt như người đưa vòng*, bất chấp tiếng chuột chạy sột soạt và nhất là tiếng muỗi rùng rợn hành kêo vô vo, thầy mơ lại những ngày *năm nay tôi lên bảy, tôi đã lớn, tôi không... lêu lổng nữa*. Còn đâu mùi hương của những quyển sách mới bao bìa kỹ lưỡng nhưng vài ngày sau đã rách bìa! Làm sao nghe được tiếng phập phồng trong ngực của đứa bé khi trời mưa to, đi học trễ, run rẩy bước vào trường rồi cúi áo phơi ngay trong lớp... Đây, thầy giáo mặc đồ bà ba, lâu lâu bước ra khỏi lớp để chào hỏi khi thầy xã, thầy cai tổng đi ngang qua. Một đôi lúc, thầy giáo quá cay nghiệt đã dùng thước đánh vào những đầu ngón tay non yếu, hoặc hươi cây thước báng...

Dầu sao đi nữa, những kỷ niệm xa xưa vẫn vui, vui như một lũ học trò giành nhau chụp cho được cây dùi trống, đánh thùng thùng báo hiệu giờ vào lớp.

Giọng Tư Có nói nhỏ:

- Ngủ chưa, thầy phái viên?

Thầy phái viên yên lặng, *trời mới mưa, các chỗ trũng đầy nước cả nên cọc và nhái kêu inh ỏi*. Vài giọt mưa rớt nhẹ xuống đất... Và rơi trên rạch Cà Bậy Ngọt trước nhà. Hồi năm nào, thầy là giọt nước trong làn nước đó, bây giờ nó đã trôi xa, ra sông, chứa đựng rác rến, chảy hăng ra biển. Ừ, hoá chăng đó là con đường hiệu quả nhất là được sớm bốc thành hơi, đầu thai trở lại nguồn... Nghĩ vậy, thầy khoan khoái mỉm cười ngồi dậy hỏi:

- Ngủ chưa anh Tư?

- Chưa!

- Tôi này giờ cũng vậy, muốn ngủ sớm để mai về nhà, mà không thấy mệt.

Im lặng một hồi lâu, rất lâu, Tư Có nói ngậm ngùi sau một tiếng thở dài:

- Biết lấy gì làm sở phí cho thầy. Thầy nói thiệt tình nghe coi... Chắc thầy tới đây thâm tiền.

- Đâu có! Đâu có! Mình là bạn đời với nhau...

- Thầy hiểu cảnh tôi. Không lẽ gởi cá lóc, rùa, mật ong... nhờ thầy đem về Sài Gòn gọi là tiền của tôi trả cho nhà báo. Tôi “đăng” là vì ái mộ báo *Chim Trời* chứ ít đọc lắm. Mấy thầy viết cao quá. Tôi mua để dành về sau cho đủ bộ.

- Anh Tư đừng ngại chuyện đó. Cứ tiếp tục đọc. Lâu lâu dò nơi mục Thư tín không chừng có lời của tôi thăm hỏi anh Tư. Nếu thấy báo đăng đòi tiền các độc giả, xin anh Tư hiểu rằng đó là nhắc nhở các người khác. Tôi hứa nói lại với ông chủ nhiệm mỗi kỳ gởi tặng anh Tư một số báo, hoài hoài cho tới số chót.

Chú Tư Có vô cùng cảm động:

- Thôi thầy ngủ lấy sức để mai về bình yên. Khuya nghe chồn cáo cộc kêu, thầy đừng giật mình: ở đây miệt rừng, không có... *xa xa thì nghe tiếng chó sủa trắng*.

Thầy phái viên cười dòn, tưởng tượng cái cảnh biệt ly ngày mai “Ôi! Cái cảnh biệt ly ở xóm Cà Bậy Ngọt sao mà buồn vậy!” Vĩnh biệt thì đúng hơn. Nghe nó buồn như một giọng hò, một câu rao Vọng Cổ, nhưng thầy chưa muốn nói ra, giờ này.

Hát bội giữa rừng

Rạch Khoen Tà Tung ngày...

Cháu x.,

Hèn lâu, bác mới nhận được thư của cháu gửi xuống thăm bác.

Dưới này, xóm riêng đều được vạn sự bằng an. Trong thư, cháu hỏi về sự tiêu khiển của người mình hồi mới khai thác đất hoang, năm sáu chục năm về trước. Cháu nói hồi đó dân mình ưa hát đối, hát huê tình. Không phải vậy đâu! Hát đối cần có sông rạch thông thương để bên trai bên gái tự do bơi xuống song song nhau mà hát. Đàng này “dưới sông sâu lội, trên rừng cộp đua” có ai dám bơi xuống ban đêm bao giờ! Việc hát đối cần có ít nhiều tiền bạc để làm tiệc tùng thết đãi tất cả những ai có mặt cho vui với nhau. Đàng này dân mình hồi đó còn nghèo lắm, ruộng chưa hết phen, đình chưa cất, hương chức làng chưa có.

Bởi vậy chỉ có hát bội là cách giải trí độc nhất của người đi khai phá đất mới.

Ai hát bây giờ? Lẽ tất nhiên không phải mấy người trong xóm. Họ không biết chữ nho, Tiền Đường Hậu Tống gì hết.

Phải mời gánh hát bội từ xa lại hát chơi một đôi tháng. Nói đúng hơn, ông bầu gánh đích thân tới xóm mình. Năm đó nhớ kỹ lại... bác chừng mười bảy tuổi, xóm Khoen Tà Tung mới có hai mươi căn chòi lá.

Ông bầu gánh tới bàn với mấy ông kỳ lão:

- Bà con tôi muốn lại đây hát giúp vui.

Hát bội mà ai không ham, ngặt ông bầu nọ buộc nhiều điều gắt gao quá. Như là phải nuôi cơm toàn ban nam nữ. Như là phải cất rạp sẵn cho mấy ông hát.

Nghe qua, mấy ông kỳ lão lắc đầu vì đào kép toàn ban hát họ đông gần bằng dân số xóm này... Hơn nữa rạp cất giữa vùng cộp beo, nghĩ cũng khó bảo toàn tánh mạng cho người hát và người đi coi hát. Ông bầu đành năn nỉ:

- Bà con thương dùm, anh em tôi cực chẳng đã mới chạy xuống miệt này! Không lẽ bà con bắt nộp cho Tây chó anh em tôi ở miệt Vũng Liêm vô hội “Kèo Xanh” rồi bị đồ bẻ.

Động lòng trắc ẩn, mấy ông kỳ lão đồng ý. Rồi thì mỗ đánh chuyen rao cho đầu trên xóm dưới hay rằng:

“Nay mai có hát bội tới, trước mua vui sau làm nghĩa, mỗi nhà nên tùy hỷ góp vài vùa gạo để nuôi họ. Đồng thời, tất cả thanh niên trai tráng phải vô rừng đốn tràm, vạt nhọn dưới gốc sắn”.

Hỏi:

- Hát ban ngày hay ban đêm?

Ông kỳ lão nói:

- Hát ban đêm mới vui chứ, ban ngày để làm công việc đồng áng.

Có người cật vấn về vụ cộp ăn thịt người, ông kỳ lão nói:

- Bà con đừng lo. Cứ đốn tràm về đây, nhiều chừng nào tốt chừng nấy. Phen này, mình mời cộp và sấu tới coi hát với mình cho vui luôn thể.

Tràm đốn về chất đống. Ông kỳ lão đích thân đốc suất việc xây rạp. Cơ mưu của ông như vậy: cất một cái nhà sàn ở giữa sông, theo kiểu ba căn hai chái. Ba căn giữa dùng làm sân khấu, hai chái dành cho đào kép ăn ở, nấu cơm. Như vậy, nhứt cử lưỡng tiện chứ chòi trong xóm nhỏ quá, đâu đủ chỗ cho họ ở đậu.

Hỏi:

- Dân tụi tôi đứng đâu mà coi hát?

Ông kỳ lão nói:

- Bà con dốt quá! Chung quanh sân khấu nọ, mình xóc cứ làm vòng thành, gốc cừ này khít gốc kia chừng một gang tay. Ai muốn coi cứ việc bơi xuống vô vòng rào nọ. Xong xuôi đóng cửa lại. Cọp phải bơi vờ ngổi trên bờ rạch. Sáu thì đánh ngổng mỏ, ngoài vòng. Trong này, mình ngổi trên xuống mà coi sáng đêm ăn thua. Tuồng Tàu dài lắm.

Xóm Khoen Tà Tung rộn rịp còn hơn Tết, suốt ba bốn ngày liên tiếp họ dựng rạp, xóc nọc dưới sông. Máy anh chị đào kép mới tới vô cùng mừng rỡ, họ cởi áo ra tiếp tay.

Nhà cất xong. Bây giờ tới lượt lợp lá, lót sàn. Lá dừa mọc sẵn dựa mé. Tràm nhỏ cây, ở đâu mà chẳng có, cứ đôn về lót thế cho vắn. Đêm hát ra mắt, vui quá đôi là vui! Đào kép thì áo mào xanh đỏ, đầu giắt lông trĩ, ngật hai bàn chân thiếu hia, thiếu hài. Trống đánh thùng thùng. Kèn thổi tò ti te.

Hai bên rạp chong bốn ngọn đuốc sáng rực.

Họ hát tuồng Phong Thần, lớp lập Bá Lạc Đài. Tuồng nhắc lại khi Tử Nha còn hàn vi nhờ người bạn là Tống Di Nhon cưới vợ cho. Vợ tên là Mã Cơ, rui thay, cô vợ này có tật thô lỗ, xúi giục chồng đi ra chợ kiếm tiền cho cô ta xài phí. Tử Nha ra chợ làm thầy bói, gặp con Tỳ Bà tinh là chị em của Đắc Kỷ, Tử Nha biết đúng chơn tướng con yêu nọ, nên xin phép Tỳ Cang thiêu sống nó. Tỳ Bà tinh hoàn nguyên hình cây đèn tỳ bà bằng đá.

Giáo đầu là lời chúc mừng nhà vua. Sau đó, Di Nhon múa mà rằng:

Sông Hà Lạc, qui trình tám quẻ,
Cửa Võ Môn, cá nhảy ba từng.
Trẻ ngâm cơm ngả ngón đèn Xuân,
Già vỗ bụng chinh chòng cỡi Thọ,
Miêng Trì là quê ngụ,
Di Nhon thiết tên già!

Tử Nha bèn bước ra, xưng danh, than thở rằng mình chưa gặp vận. Dè đâu bà vợ là Mã Cơ xăn xả chạy lại mắng Tử Nha:

Bớ ông Tử Nha này:
Tôi, cam khi không tường khi múa,
Còn chặn voi chẳng biết voi lung.
Hay mần rằng! Nay tôi nói cho:
Bảo đừng về tiên ngộ tiên khùng
Khá kiếm chỗ ở thuê ở mướn,
Đề trả tiền đường, tiền đậu cho mụ đây... à!

Tức quá Tử Nha ra chợ ngổi làm thầy bói. Tỳ Bà tinh bèn tới thử tài. Biết chơn tướng yêu tinh của mình không qua được cặp mắt thần của Tử Nha, Tỳ Bà tinh bèn tri hô lên vu cáo rằng Tử Nha toan hiếp dâm nó. Ông trùm xóm hạ lệnh cho dân chúng rượt bắt Tử Nha:

Tốc bôn tri, tốc bôn tri!
Lai ứng tiếp, lai ứng tiếp!
Lão già nào hãm hiếp, hãm hiếp!
Bắt gái trẻ hoang dâm, hoang dâm!
Quyết sanh cầm, quyết sanh cầm!
Nan dung thứ, nan dung thứ!

Tuồng này nghĩ thiệt lạ, thiệt hay. Nhiều người ba bốn chục tuổi mới được xem hát bội lặn này là lần thứ nhất. Họ thức sáng đêm ngổi dưới xuống, khi mệt mới thì nằm xuống. Rồi lại ngổi dậy. Hai ba đêm đầu, cọp sáu không dám lại vì tiếng trống, phèng la, đuốc lửa.

Việc gì cũng vậy, riết rồi sanh chán. Xưa kia, ông Từ Thức cưới vợ tiên ở Bồng Lai mà còn đòi

trở về dương thế, hà huống chi xem đoàn hát Bầu Tào này biểu diễn.

Mấy đứa con nít xem một chập, ngồi ngủ gục. Chừng trống đánh giục mình, tụi nó dụi mắt, cần nhân: “cái gì mà tốc bên trì, tốc bên trì hoài! Cả tháng rồi không có gì mới. Cứ con yêu Tỳ Bà tình chùn chùn có ghẻ ngứa...”. Tụi nó xúm nhau bơi xuống về. Hỡi ôi! Hai ba ông cọt chạy dài theo bờ rạch! Thôi thì đành trở vô vòng hàng rào nọ mà chờ đợi tới sáng.

Cũng chuyén nọ, con Tỳ Bà tình đang hát bỗng nhiên mặt mày xanh lét, tay run run chỉ xuống sông rồi chạy trở vào buồng. Rõ ràng là Tỳ Bà tình thấy hai con sâu đang ngóng mỏ vô hàng rào. Ông kỳ lão ra lệnh giồng phèng la. Sâu lặn mất.

Lần lần, dân chúng thôn mỏn về số gạo đóng góp nuôi đào kép. Ba chục ngày là ba chục vùa gạo! Ông bầu tìm cách sáng chế tuồng mới nhưng quanh đi quẩn lại chỉ bấy nhiêu đạo kép, bấy nhiêu áo mão. May thay, lúc đó dân xóm Khoen Tà Tung có sáng kiến qua xóm Tà Lóc mời mấy người Miên bên đó đến xem hát trước, mua vui, sau nữa là chia sớt gánh nặng lúa gạo. Người Miên rất đổi hoan hỷ. Họ giúp sân khấu nọ vại điệu múa “râm” lúc sửa soạn vô tuồng. Gần văn hát, họ đưa lên một anh hề Miên điệu bằng tiếng Việt Nam. Chuyện điệu của họ như vậy: anh nọ ở bên này sông có cô tình nhân ở bên kia sông. Không biết cách nào qua được, anh dậm chân:

- Cô Hai ơi! Sông sâu sào vắn dầm không tới! Muốn qua thăm bậu ngặt không có chiếc “re”!

Lúc đầu nghe điệu như vậy ai nấy cười như nắc nẻ, lần hồi sanh nhàm. Vì vậy, gánh hát bội phải từ từ rút lui qua xóm gần đó, cách chừng ba chục cây số.

Trời bắt đầu sa mưa. Gánh hát ra đi, nghĩ cũng hợp thời cho dân xóm này nhưng bất lợi đối với họ. Họ rã gánh lần lần, lưu lại khắp trong vùng hoang vu này nhiều chuyện hay hay. Dân xóm Khoen Tà Tung bị ảnh hưởng của họ dậm quá! Máy đứa con nít chần trâu nhái lại giọng hát bội, thét lên inh ỏi ngoài đồng:

- Muôn tâu bệ hạ! Muốn yên nhà lợi nước, nên trồng được với dầm. Mai sau có hư cửa hại nhà, đồn nó làm kèo làm cột....

- Muôn tâu bệ hạ! Muốn yên nhà lợi nước, nên trồng được với su, bắt khi đột cầm tù, ắt yên nhà lợi nước...

Có một anh hề trong hánh hát trốn ở lại. Người đó sau này là ông Biện H. Ông biết chút ít chữa nho. Nhờ ông mà xóm này có viết liễn. Nghe đâu chủ của ông hồi trước phò ông Phan Thanh Giản thụ thành Vĩnh Long. Ông phải giả danh kép hát chạy xuống miệt này. Trước khi làm biện ở đình, ông nôi danh một thời nhờ tài hát huê tình. Ông nói: phải nhái theo lời văn của hát bội, thí dụ như: “Cả tiếng kêu...! Ở này em Hai ơi! Sách có chữ Thiện ác đảo đầu...” thì câu hát mới vui, có tình thần.

Ý kiến đó được anh chị em hát huê tình khen là phải.

Câu chuyện hát bội hồi xưa tới đây cũng khá dài rồi. Nhưng chưa hết, vì còn mấy ông cọt nọ. Có lẽ mấy ông mê hát bội hơn loài người. Chừng một hai tháng sau, cái sân khấu nọ tốc nóc, bao nhiêu nọc tràm làm hàng rào đã lung lay ngã nghiêng trên dòng nước, chừng đó người ta thấy một đôi ông cọt thường tới lui ngồi cú rử dựa góc cây giữa bên bờ rạch. Nhứt là đêm có trăng, mấy ông le lưỡi dài thòn, như nhớ tiếc bao nhiêu con mồi ngon, bao nhiêu tiếng kèn tiếng trống. Biết đâu về sau này mấy tiếng “coi hát cọt” là do sự tích của mấy ông hồi xưa, không chừng!

Hương rừng

Sống ở rừng U Minh Hạ từ lâu rồi mà Hoàng Mai hãy còn có cảm giác như lạc loài tận đâu đâu, bước chân đi không vương đất. Vĩ nàng như cánh bèo rày đây mai đó thì không đứng lăm: có lẽ nàng như đoá hoa sen, gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Nhưng loại hoa sen thông tục quá, lại thường lọt vào tay phàm! Đấng này, bẩm sinh nàng thuộc về một phẩm chất thanh cao hơn.

- Tầng tổ nhà ta vốn họ Trần, nhờ dày công phò chúa từ Thuận Hoá đến đây nên được cải ra họ Nguyễn. Niên mỡ, ngoạt mỡ, quân Tây Sơn đến mãi tận chốn rừng già này, chúa Nguyễn đành ra khơi tìm nơi cứu viện. Thảm hại thay! Tầng tổ nhà ta tuổi già, nhuốm bệnh không vượt biển hộ giá được, đành cam lỗi đạo quân thần, giả dạng lê dân, nung nấu nơi chốn thanh lâm u cốc. Người được phong đến chức ngự y. Gia phả ghi chép rành rành, nói xứ này, chỉ dòng họ ta là có gia phả, đó con.

Cha của nàng thường nhắc nhở như vậy.

- Là quan ngự y, có sao tầng tổ ta không tự chữa bệnh được. Hẳn là bệnh nan y! thừa cha...

Bao lần nàng ướm hỏi như vậy nhưng không dám. “Thuộc dòng hoàng phái nhưng sao triều đình không chú ý tới mà ban cho chút bổng lộc?”. Đó là nỗi thắc mắc triền miên của nàng khi thấy cha già chuốt tre đan giỏ mà độ nhứt hoặc ngồi buồng cán câu bên bờ trúc, giữa trăm bầy muối rừng.

Thỉnh thoảng, cha nàng nói khề như thanh minh, tự an ủi:

- Hoàng đế đang tức vì thuộc dòng ngự, do tân trào dựng lên. Giọt máu hùng anh của tiên vương này đã bị lưu đầy nơi hải đảo Bồn Bon, bắt tằm nhận cá. Nhận chức hương giáo trong ban hội tề làng Khánh Lâm sở tại, chẳng qua là cha muốn bùng bít dư luận. Bổng lộc của tân trào, cha nào màng, chỉ nguyện làm bạn bầu với cây cỏ, gió trăng.

Ngày ngày lớn khôn, Hoàng Mai càng yên tâm tin tưởng nơi dòng máu quý phái của mình. Cội hoàng mai cô thụ trước sân, há chẳng là một bằng cứ? Bao năm rồi, nó vẫn bền gan khoe sắc khi gió Tết thổi về; vùng U Minh này mấy ai biết thưởng thức giống hoa vương giả lạc loài! Bản Nam Bình réo rất trong ruột cây đàn thập lục chỉ để riêng cho nàng thông cảm đó thôi... Nhưng cơ trời không ai ngờ được, tránh được. Mây đẹp của đỉnh Ngự còn có khi tan, nước yên lành của dòng Hương thường bị gợn những làn sóng nhỏ. Năm ngoái, năm kia, khi vừa quá tuổi trăng tròn, một buổi chợt soi mặt vào lu nước mưa, nàng bắt gặp cái màu trắng trong leo lẻo của làn da mình. Miệng chum chim hàm tiếu, nàng vuốt mớ tóc đen huyền; bàn tay ngà đặt trên má đỏ hây hây, mơn man chuyên xuôi tóc về trên sau lưng gầy. Nhưng... lạ kia! Hàng chục sợi tóc thì nhau tuôn xuống.

Gió nhẹ thoảng qua; chân tóc lấm tấm đọng đưa, vương bận chưa chịu bay đi như còn than vãn niềm biệt ly vô cố. Nàng cau mày trở vào phòng, cầm lược chải kỹ. Nàng toan rú lên. Lược đưa đến đâu là tóc rụng đến đó như lá úa trên cành đến độ gió trở mùa. Nàng e thẹn. Nàng giận dữ.

Thân phụ nàng - ông hương giáo - chạy tới. Nàng soi gương, không day lại rồi trả lời về tiếng rú khi này:

- Không gì lạ đâu, thừa cha.

Ông hương giáo đã hiểu nguồn cơn. Mớ tóc rối nằm cuộn đống trên bàn khiến ông xúc cảm, không che giấu được cơn buồn. Chiếc gương mờ soi đôi má ửng của Hoàng Mai, màu ửng đỏ lạ thường, không biến đổi dầu khi nàng sợ hãi.

- Từ hồi tám bé, làn da của Hoàng Mai mịn quá, bóng quá. Trăm sự đều do đó mà ra...

Ông thở dài, cũng như ông đã thở dài hồi mấy năm trước, tuy gió bắc về không lạnh lắm nhưng Hoàng Mai đòi đốt lửa để sưởi rồi dẫm chân lên than hồng mà cười. Đêm đến, ông nghe tiếng rên khe khẽ. Ngỡ là con gái nhuốm bệnh, ông đến gọi cửa đôi ba lần. Hoàng Mai nằm đó, tỉnh mà như say, hơi thở hên hên, đôi mắt úp vào chiếc gối mềm như trôn tránh mây sợi tơ trắng buông xuống từng hồi, khi gió rạt rào khẽ rung làm hở ra mấy mí lá che trên đầu vách.

Bình của nàng, ông đoán được, ngặt không muốn nói rõ tên ra: bệnh nan y - bệnh cùi. Ông chỉ khuyên con gái nàng đi guốc vì ở rừng này... “phong” nhiều lắm. Quyền gia phổ ngủ từ lâu đời dưới lớp bụi trên bàn thờ được vùi xuống. Lật ra kính cẩn dưới ánh nến bạch lập. Hơn trăm năm qua, kiếng họ Nguyễn chưa ai nhiệm chứng ấy, rõ ràng không phải bệnh di truyền. Ông suy luận:

- Có thể nhà mình đắp nền trên ngôi mộ xưa của ai. Và tự ngày xưa, ai dám chối rằng khu rừng này không là bãi sa trường mà người thắng kẻ bại đều lẫn lộn trong đồng xương Vô Định đã hóa ra cát bụi.

Trang phụ lục thứ sáu của quyền gia phổ thứ nhứt còn thố lộ vài chi tiết khó hiểu, viết bằng chữ nôm:

“Đến Ngạc Ngư Đàm tức Đàm Sáu, Ao Sáu, hơi sương lạnh buốt, chường khí xây thành. Khách hỏi: loại Ngạc Ngư (cá sáu), từ đâu lạc vào đàm? Kẻ thổ dân thưa: không ai rõ. Chúng đến đây như án ngữ nẻo đường qua truông quỷ. Nơi ấy, muôn nghìn ma quái như ân, như hiên. Lại có loài ong dị thường năng vẽ làm ổ; loại ong này lưng nhuộm ngũ sắc, vượt thiên lý để hái nhụy trăm hoa đem về luyện Ngọc. Người phàm chưa ai đến gần được.

Chúng không sợ khói, hửi nhằm hơi kim khí ô trược là chúng ào ra như giông tố giết cho kỳ được kẻ ngạo mạn. Quan ngư y họ Trần biết được tin ấy bèn sai quân sĩ bày mưu kế hồng cướp ổ ong nọ, đoạt loại Ngọc thiên nhiên hiếm có đem về luyện thuốc trường sinh...”

Tư Lập, tay thanh niên khét tiếng về nghề ăn ong ở xóm Cán Gáo được ông hương giáo mời về nhà, bày rượu thịt thết đãi, đối xử như thượng khách.

Trang gia phổ lại giở ra, đọc nho nhỏ vừa đủ cho Tư Lập nghe. Tư Lập gật đầu.

Trong rừng già này, bên kia Ao Sáu, thỉnh thoảng loài ong ngũ sắc ấy trở về. Ban đầu chú Tư dùng con dao xương nai mà cạo lấy mật nhưng không hiệu quả. Lặn sau, chú mài miếng xương người, đẹp như cây dao, theo ý muốn của ông hương giáo. Ngọc ong đã lấy được, đem về. Chú bán tịn bán nghi vì thấy “ngọc” chỉ là mớ nhụy bông quên lại thành ké mà loài ong dự trữ bên góc ổ. Từ đây, ông hương giáo mời Tư Lập ở luôn trong nhà cho có bạn. Ngày đêm, ông chong hàng chục ngọn nến bạch lập chung quanh mớ “ngọc” để luyện, hy vọng rằng khi đúng một ngàn ngày nó sẽ trị được bệnh nan y của Hoàng Mai. Tư Lập như không chú ý đến điều vô lý độ, cứ ra vào nhìn trộm hình dáng giai nhân rồi nằm trần trọc... mãi đến một đêm nọ, lúc đứng ngắm thần thờ cội mai già trước sân, chú nghe hơi thổ nào ẩm nồng, nhồn nhột sau gáy:

- Anh Tư ở đây vui chớ? Nãy giờ em không dám hỏi.

Chú nhìn kỹ: không phải là dạng hồ ly tinh trên cột, chính là Hoàng Mai cô gái con ông hương giáo mà bấy lâu nay chú trộm nhớ thầm thương.

Nàng nói tiếp:

- Cha của em dặn em gọi bằng anh, và đừng làm gì anh buồn.

Chú hiểu ý. “À té ra bấy lâu nay ông hương giáo thương mình”. Chú đánh bạo tìm bàn tay nàng. Nàng lắc đầu:

- Em hơi mệt, như vậy...

Rồi nàng nâng tay áo lên, thứ tay áo lỏng thông quá rộng quá dài:

- Anh nắm cái chéo tay áo này, em cũng đủ vui rồi.

Cảm động làm sao! Ngạc nhiên làm sao! Một mùi hôi hám từ trong tay áo bay ra. Khi níu cái chéo tay áo của người đẹp. Tư Lập thấy rõ ràng bên trong: ngón tay của nàng rưng mắt hôi nào, chỉ có năm cuộn vải nhỏ vắn khéo léo thay thế.

Hôm sau, chú viện cớ ra đi lúc mùa bông tràm nở trắng rực. Chú không thêm làm nghề ăn ong nữa. Hàng trăm tấm kèo bằng cây mun, chú giao lại cho ông hương giáo. Chú về ở Long Xuyên. Nhưng hương rừng có ma lực quyền rũ. Lúc mới đến thì vui. Ở lâu lại sanh buồn. Xa cách lâu ngày thì đâm ra nhớ không nguôi, không trở lại thì không được.

Chú lại trở về.

Sông Trèm Trèm bắt nguồn từ xóm Cán Gáo chảy về phía Nam, qua xóm Tân Bằng rồi đổ ra sông Ông Đốc, hòa mình vào vịnh Xiêm La.

Thằng Kim nóng lòng, không biết Tư Lập muốn dừng lại làm ăn ở khúc nào. Giây lâu, Tư Lập nói:

- Rừng U Minh còn nhiều bí mật! Đừng lo mà. Tao hứa dẫn mày tới chỗ này vui lắm, đừng sợ chết đói. Có tao.

Xuồng ngừng lại giây lát nghỉ trưa rồi mái dầm lại tiếp tục khoát dòng nước đỏ ngòm, tuy chảy mạnh nhưng tứ bề khuất gió nên không gợn sóng. Đồi bờ quanh co, hoa lá nghiêng mình lại, giao đầu, bắt tay nhau che kín bóng mặt trời.

Khách đi đường ngỡ mình lạc lối trong hang, thứ hang thiên nhiên, bất tận. Có tiếng vượn hú. Từ bên này, con vượn bông con, nắm sợi dây rau câu, lấy trớn đu mình sang nhánh ở bờ bên kia để hái trái vùng. Trái quá chát, vỏ quá dày, vượn nhả mặt, bực tức ném mạnh. Trái vùng sa vào giữa lưới nhện giăng hồ, lơ lửng. Lưới rung rinh không đứt hẳn; con nhện hoảng hốt, thả sợi tơ dài, sa xuống. Chợt thấy mặt nước, nó toan rút lên. Nhưng trễ quá rồi! Con cá bông phóng mỏ theo, tấp mạnh. Thằng Kim ngỡ đó là cọn trăn. Cá lớn bằng cây cột nhà, vảy xanh vảy trắng thêu từng vòng ngời lên khắp thân mình. No môi, cá lặn sát đáy, lội nhanh. Bầy cá con hồi hải di chuyên theo mẹ, hàng trăm con lăm lăm như rắc cườm đầy mặt nước, mặt dạn trong bóng mát đằng kia. Bờ sông im lìm, mặt nước thần thờ trả lại bóng dáng hiền hòa của cây chồi mọc sát mé bãi; bông vùng buông thõng xuống từng xâu chuỗi hường, chen lẫn, nối tiếp nhau như bức màn mảnh. Nhánh vùng khô cằn, lá vàng rụng mất hẳn. Đồi đột non nhú lên, mỏng mịn, chưa nhuốm được màu xanh vì thiếu nắng; ở xa, trông như những cánh bướm không lộ đang phập phồng, ngứa ngáy, chưa đậu yên chỗ là đã chớm bay.

- Kim, mày biết nước sông này màu gì không?

- Ở dưới sông, giống như màu máu bầm. Múc lên tay coi thì như nước trà pha đậm.

Tư Lập day lại:

- Hồi xưa, có người nói nó giống như cà phê đen. Ờ... mày uống cà phê lần nào chưa?

- Chưa, chú Tư à.

- Bán thiếu gì, tại chợ Thới Bình. Dân ở chợ là người mới tới mua bán lập nghiệp, họ chưa dám đi sâu vô rừng làm ăn như tụi mình bây giờ. Họ nể nang dân phía này lắm.

- Sao vậy, chú Tư?

- Vì dân này là dân cổ cự, phá sơn lâm, đâm Hà Bá dọn đường cho họ tới sau làm ăn. Con nhà tướng đi mở đường máu mà!

Tư Lập vừa nói vừa vói tay đập sau lưng. Thằng Kim đã hiểu nghĩa mấy tiếng “mở đường máu”. Ba bốn đôm máu đỏ ngời: mấy con muỗi vừa bị đè nhẹp xác.

Nó sực nhớ tới bầy muỗi bu quanh nó từ mấy ngày rày. Ban đầu, nó bực mình, đập giết thẳng tay, phải buông dầm khiến xuồng lủi vô bờ. Mỗi lần như vậy, Tư Lập day lại:

- Cứ bơi lẹ, muỗi cắn ít hơn. Ở lầy quây mình bị cắn nhiều mà không đi tới đâu hết. Xuồng xuồng để bơi chứ đâu phải để đập muỗi!

Nghe lời Tư Lập, thằng Kim bầm môi chịu đựng.

Vài tiếng gà gáy vắng vắng, hưởng ứng nhau phá tan bầu không khí tĩnh mịch. Vòm cây lần lần trởng trái nắng rớt từng mảng, ngưng đọng không chịu trôi theo dòng nước ngày càng chảy hăng. Bên bờ, nước đỏ róc rách theo con lạch nhỏ, vỏ trầm trôi lênh bênh trắng. Thằng Kim nôn nức:

- Tới chỗ nghỉ chưa, chú Tư?

- Chưa. Hai voi nữa. Mày nhớ không, hồi sáng tới giờ mới qua có sáu voi.

Hai voi, đường còn xa. Thằng Kim yên lòng vì sẽ đến chỗ nghỉ trước khi trời sụp tối:

- Chú có bà con ở đây hả?

Tur Lập cau mày không trả lời, mở gói thuốc ra vắn hút. Đó là gói thuốc mà chú hứa tiết kiệm, để dành hút khi tới nơi.

Thằng Kim đoán chừng Tur Lập đang suy nghĩ nhiều. Chú lẩm bầm:

- Ủ, bà con hay là người dung, chuyện đó không quan hệ. Nhắc tới tao buồn quá, muốn quày trở lại bây giờ. Nhưng đã tới đây rồi không lẽ lại trở về. Tao không muốn kiếm nhà quen. Ở gần xóm đông thì bất lợi, ở xa quá cũng hại. Mày tin tao. Tao không đại gì trở lại đây mà tìm cái chết... Ồ, mày họ gì? Mày ngày rày, tao quên hỏi.

- Họ Trương hay họ Trần gì đó, tôi quên rồi. Nghe nói hồi đó ba tôi đổi họ.

- Ồi! Họ gì cũng được, miễn tới chừng người ta hỏi thì đừng trả lời lập đập. Nói vậy chớ ai xét hỏi. Tao có quen với vua. Hồi xưa, có người ở xóm này được cải ra họ Nguyễn cho giống với họ vua... Họ nói vậy hay lắm.

Thằng Kim ngờ ngác hỏi:

- Bà con với vua sao lại ở đây?

Tur Lập không trả lời. Chú bơi mạnh, mũi xuống queo vô bờ, phía trái. Vàm mương nhỏ hiện ra. Chú nói:

- Mày nghỉ tay đi. Tới phiên tao rồi...

Ngồi trước mũi, chú bơi phía mặt vài dầm rồi trở lại qua bên trái, bơi vài dầm. Xuống lướt tới ồ ồ. Gặp dây, gặp nhánh cây cản mũi, chú bứt, bẻ rôm rốp. Gặp nước cạn, chú đứng mà chống hoặc quì trên sạp xuống, ngả mình tới lầy trốn. Thằng Kim vui sướng quá. Lúc này nó khỏe tay, dẫu muốn tiếp sức với Tur Lập cũng không được. Mũi xuống quá nhỏ, nào đủ chỗ để hai người cùng ngồi ngang nhau. Hơn nữa, bơi xuống theo lối mới này nó chưa quen. Mặt trời sập xuống thấp, rọi thẳng từ trước mặt. Con rạch quá nhỏ, uốn ngoằn ngoèo như ruột ngựa nối liền qua những lung, bào, tròn tròn méo méo như hình mây cái bao tử, gan, lá lách... Sậy mọc khỏi đầu.

Hương rừng ngào ngạt, mùi hương xa lạ nhưng rất quen thuộc, Thằng Kim hít mạnh để hửi cho kỹ, để nhớ cho rõ nhưng nhớ mãi không ra. Chợt ngẩng đầu lên, nó trở mặt. Rừng cơ hồ không còn chiếc lá nào cả! Trên hàng vạn phách nhỏ, bàn tay thần nào rắc lâm tẩm hàng hà sa số đợt bông gòn, không phải riêng trước mặt mà khắp các tứ phía. Rừng sáng lạn, ai dám nói là rừng âm u? Bông kết oằn sai, mịn màng, trắng tuyết; đài, cánh đâu không thấy chỉ thấy toàn là nhụy ngọt. Nó buột miệng:

- Rừng cây gì vậy? Chú Tur.

Tur Lập day lại cười vang:

- Thằng quì! Hửi mà không biết mùi mật ong sao? Tràm chớ giống gì! Muôn ngàn hũ mật ong của trời ban xuống cho trần gian còn treo lủng lẳng như mù sương trên nửa lưng đó. Hửi vô thì say. Say thì không tỉnh được. Có người toan dùng nó mà luyện thuốc trường sinh, từ trăm năm nay...

*

* *

Tur Lập ngậm mình dưới bụng nẩy giờ khá lâu rồi. Nước dâng lên nửa ngực. Hai tay chú quậy dưới bùn, chân bò tới lui, bọt nước sôi ùng ục. Chú rút lên một cây búa to tướng, nói huyền thiên:

- Nó còn nguyên, mới tinh. Bộ trái đất xoay tròn sao mà! Hồi năm ngoái tao nhớ rõ ràng, nhận ở gần gốc cây tràm bên kia. Bây giờ nó chạy qua bên này. Để tao rửa sạch cho mày coi. Cam đoan không có một bọt sét, khuất dưới lớp bùn non, mưa nắng không sao thấu tới. Sét ăn hư hỏng là khi nào mình giữ không kín. Lòng người cũng vậy... Mày chưa hiểu hả?

Thằng Kim thật tình không hiểu câu nói lắt léo của Tur Lập. Nó không cần tìm hiểu. Cây búa khiến nó ngạc nhiên hơn: cán dài cỡ năm tấc, lưỡi cao hơn hai tấc, bề ngang lưỡi búa trên một tấc rưỡi, lớn như mây cây búa thân mà các ông tướng hát bội thường vác ra khi đánh trận.

- Cầm thử coi nặng không? Tay anh hùng mới cử nó được. Tạo ra lúa gạo, xuống, chèo là nhờ nó. Nên nhà nên cửa, nên đất nên vườn, nên chồng nên vợ, xưng hùng xưng bá cũng nhờ nó.

Tư Lập nói tiếp:

- Đói bụng chưa?

- Hơi đói. Nãy giờ tôi lưỡng lự; gạo còn chừng hai nắm, không lẽ nấu cháo. Hay là mình kiếm nhà nào mượn đỡ.

- Mượn gạo mà ăn, xưa quá! Ở xứ này, tao không muốn gặp mặt ai hết. Con người ta chết... không phải vì thiếu gạo. Tới lớn, mày hiểu câu nói đó. Bây giờ đi với tao tìm nhà quen, bánh thì mày đi trước một lần coi!

Nói vậy chứ Tư Lập bước trước, đập lên choai, lên dón nghe sột soạt. Thay vì đi thẳng lại phía rừng tràm trắng tinh, thơm ngào ngạt, Tư Lập quẹo trở về phía rừng thấp lè tè, cây cối mọc so le hỗn loạn. Bùn non ngập mắt cá. Muỗi bay lượn cợn, vương vít dưới chân cây còn u tối. Tư Lập khuyên nhủ:

- Ráng chịu cực vậy! “Lô” rừng tràm đằng kia là của người ta. Rừng chòi phía này mới là của mình. Vắng hai năm nay, tao ngán rồi, không muốn nhớ lại cái mùi nhụy tràm.

- Sao vậy?

- Đừng hỏi nữa. Tao muốn lánh mặt người quen. Mai chiều, có lẽ mình qua nơi khác. Gió thổi hiu hiu, buồn quá.

Tư Lập thần thờ đợi mắt rồi bỗng nhiên khoát tay, ra dấu im lặng. Chú ngồi nép xuống. Thăng Kim cũng bắt chước, cúi đầu, ái ngại. Tư Lập cầm tay nó mà nói khẽ:

- Đừng động đây, thở nhẹ nhẹ. Nó kia...

Thăng Kim ngó ngán, liên tưởng đến thứ tai nạn khủng khiếp:

- Co... ọp hả?

- Nói bậy xui xẻo! Ong mật.

Và nó định thần khi Tư Lập nói rõ thêm:

- Ong mật... đi ăn bông. Bay rề qua rề lại, thấy chưa, thấp chùn trên đọt sậy kia.

Thăng Kim mừng rỡ:

- Ngộ quá! Ô nó ở đây đây, hả chú. Làm sao kiếm được? Ý! Nó lớn bằng hai con ruồi.

Om sòm cái miệng! Về chống xuống lại đây mau, tao chờ! Nhớ cái hộp quẹt máy. Thăng Kim hồi hả làm y lời. Trở lại chỗ cũ, nó chợt nghe tiếng “hì” ở phía rừng tràm. Té ra nãy giờ Tư Lập lợi tắt qua mương đi lại đằng ấy.

Chú vội ngồi lên xuống, chụp cây dầm, hờm sẵn:

- Bậy quá! Nó “đi bông” tới đây rồi mất dạng. Chờ một hồi nữa coi.

- Đi bông là gì? Chú Tư.

- Là đi hút nhụy bông... kia mê quá!

*

* *

Một con ong rồi hai con ong bay qua sát ngọn cỏ, lưng ngời những rằn xanh đỏ, hai chân sau quặp lại kẹp hai đốm vàng sậm mà thăng Kim đoán là nhụy bông. Ong vừa qua khỏi chừng mười thước. Tư Lập hồi hả bơi xuống theo. Nhưng hai con ong nọ lại đáp xuống, mất dạng. Chú nói:

- Đây là trạm thứ nhì của tụi nó. Rán chờ chút nữa. Chém chết tao cũng ăn được ổ này.

Sau đôi ba lần theo dõi rồi dừng lại như vậy, Tư Lập bỗng cười vang, múa men tay chùn như đưa trẻ thấy kẹo. Hàng trăm con ong bay chập chờn trước mặt, đáp xuống, vọt lên cao, không dờn chỗ. Chú ngóng xem hướng gió trên ngọn cây, ra lệnh cho thăng Kim đứng im rồi chú đi khuất, chập sau mang về

một nắm rễ cây gừa.

Hộp quẹt bật lửa lên. Nắm rễ gừa ngùn cháy, khói bay đều. Chú nói nhỏ:

- Đi theo tao, đừng chạy bắt tử nghe!

Chú phồng má thổi mạnh, khói tung bay mịt mù chưa tan là chú thổi thêm lần nữa, chân bước nhanh tới. Hiện hiện sau lớp khói mỏng kia, vật gì lạ thường như một trái cây khổng lồ, lớn bằng cái nia, đen ngòm rục rờ như nạm muôn ngàn hột thủy tinh chấp chóa...

Thằng Kim há miệng:

- Ô ong hả? Ong đâu hết rồi?

- Cả triệu con kết lại, nằm sắp lớp đen ngời, chớp cánh lia lịa độ, không thấy sao! Ô ở bên trong. Lên xuống đi. Rủi bê gì tao với mày thôi lui, lặn dưới mương, úp chiếc xuống này lại mà che...

Tur Lập cầm nhánh cây khô gọt mạnh vào ổ; ong rớt xuống cỏ từng mảng, lần lần tan ra. Ô ong khoe mày trắng tinh như sáp, treo trên khúc cây gác nghiêng: cây kèo.

Chú quát:

- Chổng xuống lại. Tao với mày khiêng nguyên ổ xuống. Dầu sao mình cũng mang tiếng ăn cắp của thiên hạ rồi.

Đặt dưới xuống, ổ ong nứt ra, mật vàng tươi chảy đọng vũng. Tur Lập chụp cây dầm, bôi trối chết, lướt qua sậy, qua nân. Thằng Kim cúi đầu sát ván, nhắm mắt, e nhánh hai bên quật nhằm. Nó cười tươi khi thấy mái chèo hoang hiện ra trước mặt, Tur Lập trao cây dầm cho nó thò tay xé tàn ong:

- Trời ơi! Tao hại tao! Tao ăn cắp... của tao.

- Chú nói gì?

- Miếng kèo bằng cây nhum. Hồi năm ngoái tao gởi nó lại cho người quen. Chữ “điên” tao khắc làm dấu rành rành.

Cây rừng chuyển rặng rắc. Đâu đây có tiếng chười thè ồm tỏi, xen vào tiếng dầm khuấy nước. Tur Lập cau mày.

- Họ đi theo dấu bắt tội mình. Không khéo lại xảy ra đâm chém, uống mạng. Nhiều khi họ mạo nhận là của họ để hãm dọa mình. Lát nữa, mày đứng yếu bóng vía... Cứ cãi lại cho tao.

Thằng Kim giựt mình:

- Chú đi đâu? Một mình tôi không dám...

- Tao núp sau hè. Họ tới kia! Cầm búa lên! Đụng độ thì tao ra ăn thua.

Nhanh như chớp, Tur Lập bước lui, ngồi khuất sau bụi mật cật. Thằng Kim nhìn trước mặt. Hàng cây rung rinh, rẽ ra. Một người vạm vỡ cầm búa, bước tới:

- Khôn thì chịu tội. Thằng kia, mày ở xóm nào tới?

Thằng Kim cố giữ sắc trầm tĩnh:

- Tôi ở đây, mần ăn...

- Ăn cắp chợ mần ăn? Tao theo dấu tội bây nầy giờ. Công trình mấy tháng nay tao tạo sẵn để mày hưởng! Đã ăn cắp mà lại còn gỡ luôn tấm kèo, chẳng khác nào ăn trộm rồi đốt luôn nhà của tài gia.

- Tôi không biết gì hết...

- Chém chết mẹ chứ không biết!

Lưỡi búa của khách hơi lên. Thằng Kim cũng nâng cây búa một cách vụng về. Khách nhìn nó, ngạc nhiên rồi nhìn cây búa:

- Mày ăn trộm búa nữa hả? Ráng mà đỡ. Nè!

Hoảng hốt, Tur Lập nhảy ra, nắm cườm tay người khách lạ:

- Tao ở nhà ông hương giáo hồi xưa đây mà. Chú mày đến sau nên không biết rõ tao là ai.

Khách trở mặt:

- Trời! Cậu Tư. Về hồi nào! Trời... nãy giờ thấy cây búa, tôi hồ nghi là của cậu. Sao không lại thăm cô Hoàng Mai?

Tư Lập vuốt mồ hôi trán:

- Thôi! Về đi. Nhấn với ông hương giáo rằng tối nay tao tới.

Khách nói:

- Buồn lắm! Cô Hoàng Mai yếu nhiều.

Tư Lập thở dài:

- Vậy hả? Đừng nói nữa. Về trước đi.

Khách rút lui. Tư Lập nói ngậm ngùi:

- Trốn mà không khỏi. Trốn Tây ta là chuyện dễ; trốn người quen là chuyện khó hơn. Ta ăn cắp ở ong khi nãy mà chi? Nghề ăn ong có nghiệp chương... Đây là ổ ong cuối cùng của tao trong nghề...

Thằng Kim hỏi:

- Sao vậy? Ai đau nhiều vậy chú? Cô Hoàng Mai là người bà con...

- Bà con không phải bà con. Người dung không phải người dung. Tối nay mày thay mặt tao, lại đó mà thăm ông hương giáo. Phần tao, tao phải xa rừng này. Ở lại đây, mày có dịp học khôn. Đừng buồn. Để tao nói lại đầu đuôi sự tích, hồi năm trước...

*

* *

Nghe xong thằng Kim đi từng bước chậm rãi đến nhà ông hương giáo. Câu chuyện tình của Tư Lập hãy còn lâng lâng trong trí nó. Gió chiều nhẹ thổi. Mùi bông trăm ngào ngát. Nó nhìn từng gốc cây, lắng nghe từng tiếng lá trở mình mà khoan khoái trong lòng. Rừng U Minh này đối với nó cơ hồ không còn gì là bí mật khó hiểu nữa.

Đến nhà ông hương giáo, nó được thết đãi cơm nước tử tế. Ông hương giáo không nói chuyện nhiều. Nó nói dối rằng... chừng lát nữa Tư Lập sẽ đến. Nhưng Tư Lập có đến đâu! Đêm đó, nó được nằm ngủ trên ván gỗ, trái chiều bông, giăng mùng rộng rãi. Nửa đêm, nó chợt tỉnh vì ánh đèn chói mắt.

Ông hương giáo nói:

- Chú em thức hả? Kìa! Trên bàn thờ, từ bao năm rồi, tôi luyện “ngọc ong” để trị bệnh. Bệnh gì, chắc Tư Lập nói sơ cho chú em hiểu rồi. Tôi buồn quá. Tư Lập không trở lại nhà này nữa đâu. Chú em cứ nói thiệt. Phải vậy không?

Thằng Kim nói:

- Dạ cháu không biết. Chú Tư không nói rõ...

- Ta hiểu lắm. Dầu sao, trở về lần này, Tư Lập cũng đã tỏ ra có nghĩa! Ai nữ câu thúc chí trai của mình trong một xó đề đôi lay chữ nhàn? Ai nữ bỏ cái danh dự để mua chuộc một chức tước quý phái huyền hão. Từ xưa, tằng tổ của ta cũng vì khí khái ấy mà phò Chúa, xiêu lạc đến đây! Bây giờ ta yếu lắm rồi. Dầu muốn bắt chước Tư Lập, ta cũng không còn đủ sức lực mà bắt chước. Gia thế của ta, thiên hạ đã rõ. Câu thúc Tư Lập ở mãi tại đây chăng? Ta chỉ là người hương giáo, quyền hạn gì? U! Tội là tội cho Hoàng Mai. Năm nay, nó ngồi một chỗ, không còn đủ sức mà ra thăm cội hoàng mai trước ngõ như hồi Tư Lập biết.

Sáng hôm sau, thằng Kim từ giã ông hương giáo rồi đến ngồi bên mé rạch. Bông vùng tươi thắm, cây cối hai bên bờ giao đầu lại, mát mẻ. Nó chờ đón bất cứ xuống ghe ai, đi về đâu cũng được, để quá giang. Sau lưng nó, trên thềm nhà, trong bóng mát, hình dáng của Hoàng Mai với đôi mắt và mớ tóc trùm kín trong chiếc khăn. Chiếc tay áo của nàng lòng thòng che khuất mấy ngón tay, từ từ nâng lên như tiễn đưa một hình bóng...

Bắt sấu rừng U Minh Hạ

Nơi sông rạch, cá sấu là giống hung hăng nhứt. Có điều đáng chú ý là chúng không thích những chỗ sông sâu nước chảy, có sóng gió. Chúng lên tận ngọn cùm, tìm nơi yên tĩnh, chật hẹp. Vùng U Minh hạ, sấu thường đi ngược sông Ông Đốc, rạch Cái Tàu vào giữa rừng tràm.

Tại sao vậy?

Tuy là thích ăn thịt người, loại sấu vẫn tìm cá làm món ăn chánh. Rừng U Minh hạ thuộc về loại tràm thủy[3] cá sanh sôi nảy nở rất nhanh chóng; lên đó tha hồ mà ăn.

Đến mùa nắng hạn rừng khô, sấu phải trở về sông Cái. Trong rừng có sẵn nhiều ao, nhiều lung[4], sấu cứ gom vào đó mà lập căn cứ sanh con đẻ cháu, năm này qua năm khác, cứ như vậy cho tới khi người Việt Nam ta đổ tràn xuống rạch Cái Tàu mà lập nghiệp. Ban đầu, họ ngỡ rằng sấu chỉ ở dưới sông, sau khi câu được chừng năm mười con sấu ở ngọn rạch họ định ninh cho là sấu đã giảm bớt... Mười phân chết bảy còn ba. Mãi đến khi có người lên rừng ăn ong[5] chạy về loan báo:

- Sấu ở giữa rừng nhiều như trái mù u chín rụng!

So sánh như vậy, không phải là quá đáng! Dân làng xúm nhau lên rừng để nhìn tận nơi. Cái ao lớn ước một công đất, bên bờ, dưới nước, toàn là lau sậy, dây cóc kèn[6]. Sấu nổi lên, chen vào những bức tranh màu xanh ấy những vệt đen chi chít: con thì nằm dài như chiếc xuồng lương[7], con thì dùng hai chân trước mà vạch sậy, ngóng mỏ xéo lên trời như họng súng thần công đại bác. Biết có loài người đến quan sát, chúng vẫn điềm nhiên sưởi nắng, bắt cá. Duy có con sấu già trợn mắt hướng về lũ người rồi bỏ thối lui vào giữa lòng ao, để thủ thế. Dân làng nhìn nhau như ra lệnh rút lui. Nghi ngờ gì nữa! Con sấu nọ có đốm đỏ ngay giữa tam tinh[8]. Nó là “sấu chúa” sống lâu đời, nhiều phen kịch chiến với loài người. Khi ở trên cạn, sấu không nguy hiểm bằng một con rắn hổ. Sấu chúa khôn lắm, nó toan dụ địch thủ vào hang của nó nơi nước sâu. Trong số người khi này, có kẻ cẩn thận mang theo mác thong[9], lao, ná lầy, nhưng họ dư hiểu rằng mọi khi giới ấy chỉ có hiệu lực đối với cạp, heo rừng. Đằng này, sấu lại là loài ở nước, ở bùn lầy. Chông xuống vào thì ao quá cạn, còn đi bộ xuống thì lún ngập gôi.

Cái ao sấu ở ngọn rạch Cái Tàu đã bị phát giác. Tin ấy đồn đãi lần lần, thấu đến tai ông Năm Hên, người thợ già chuyên bắt sấu ở Kiên Giang đạo[10], tức là vùng Rạch Giá ngày nay. Ông bơi chiếc xuồng bọ lá nhỏ đến địa phận làng Khánh Lâm, ngọn rạch Cái Tàu. Trong xuồng, có vồn vện một lọng nhang trần[11] và một hũ rượu.

Từ sớm tới chiều, ông bơi xuồng tới lui theo rạch mà hát:

*Hồn ở đâu đây?
Hồn ơi! Hồn ơi!
Xa cây xa cội,
Xa cội xa nhành,
Đâu bãi cuối gành
Hùm tha, sấu bắt
Bởi vì thất ngật
Manh áo chén cơm
U Minh đỏ ngòm,
Rừng tràm xanh biếc!
Ta thương ta tiếc,
Lập đàn giải oan...*

Giọng nghe ảo não, rừng rợn. Dân làng thấy chuyện kỳ lạ, xuống đứng dưới bến để nhìn kỹ. Đoán chừng ông lão nọ là người có kỳ tài, họ mời ông lên nhà, làm thịt gà, mua rượu thết đãi.

Sau khi tự xưng danh tánh, ông bảo:

- Nghe đồn có ao sấu, tôi chẳng nệ đường xa để tới xứ Khánh Lâm này.

- Té ra ông thợ câu sấu!

Ông Năm Hên lắc đầu:

- Thợ bắt sấu chớ không phải thợ câu. Hai nghề đó khác nhau. Câu thì dùng lưỡi sắt, móc mồi bằng con vịt sống. Đó là ở dưới nước. Đàng này tôi chuyên bắt sấu trên khô, không cần lưỡi.

- Vậy chớ ông bắt bằng gì?

- Tôi bắt bằng... hai tay không.

Ai nấy ngạc nhiên. Ông Năm Hên cười giòn:

- Bà con cô bác không tin sao?

Ai nấy nửa tin nửa nghi. Họ cố nhớ lại cách bắt sấu của mấy người thợ nào đến giờ. Bắt sấu bằng hai tay không quả là phi phạm, thế gian hi hữu. Không lẽ ông Năm Hên này lại nỡ láo để lường gạt, ông nào đã mở miệng xin tiền bạc cơm gạo gì của xóm này! Ai nấy nôn nao, thiếu điều muốn năn nỉ ông đi bắt sấu tức thì để coi thử cách thức.

- Thưa ông, chừng nào ông ra nghề để cho dân làng chúng tôi được mừng? Nếu cần tiếp giúp chuyện chi, chúng tôi sẵn sàng. Ở xóm này thiếu gì trai lực lưỡng đã từng gài bẫy cọp, săn heo rừng.

Ông Năm Hên đáp:

- Sáng mai sớm, đi cũng không muộn. Tôi cần một người dẫn đường đến ao cá sấu đó. Có vậy thôi! Chừng một giờ đồng hồ sau là xong chuyện! Sấu ở ao giữa rừng, tôi bắt nhiều lần rồi. Bà con cứ tin tôi. Xưa nay, bị sấu bắt là người đi ghe xuống hoặc ngồi rửa chén dưới bến, có bao giờ sấu rượt người ta giữa rừng mà ăn thịt? Tôi đây không tài giỏi gì hết, chẳng qua là biết mưu mẹo chút ít, theo như người khác thì họ nói đó là bùa phép để kiếm tiền. Nghề bắt sấu có thể làm giàu được ngặt tôi không mong thứ phú quí đó. Nói thiệt với bà con: cha mẹ tôi sanh ra chỉ có hai anh em tụi tôi. Anh tôi xuống miệt Gò Quao phá rừng lập rẫy hồi mười hai năm về trước. Sau được tin cho hay: anh bị sấu ở Ngã ba Đình bắt mất. Tôi thề quyết trả thù cho anh. Cực lòng biết bao nhiêu khi nghe ở miệt Rạch Giá, Cà Mau này có nhiều con rạch, ngã ba, mang tên Đầu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu, sau này hỏi lại tôi mới biết đó là nơi ghê gớm, hồi xưa lúc đất còn hoang. Rạch Cà Bơ He, đó là chỗ sấu lợi nhiều, người Miên sợ sấu không dám đi qua nên đặt tên như vậy, cũng như phá Tam Giang, truông nhà Hồ của mình ngoài Huế.

*

* *

Sáng hôm sau, ông Năm Hên đi lên ao sấu, có Tư Hoạch một tay ăn ong rất rành địa thế vùng Cái Tàu dẫn đường. Nhiều người nài nỉ xin đi theo. Ông Năm Hên cản lại:

- Đi nhiều chộn rộn lắm. Tôi không giấu nghề với bà con đâu. Có Tư Hoạch đi theo coi mà.

Đã quá giờ Ngọ.

Ngóng về phía ao sấu U Minh hạ, ai nấy đều thấy một làn khói đen bốc lên. Ban đầu ngỡ là cháy rừng, chớp sau, khói lùn xuống. Trong lúc đó, bà con xóm Cái Tàu lo nấu cơm, mua rượu đợi chiều làm tiệc ăn mừng. Nhưng ngạc nhiên lắm sao, trời về xé, lúc ai nấy đang nghỉ trên nhà, bỗng nghe tiếng kêu réo từng hồi:

- Bà con ơi! Ra coi sấu. Bốn mươi lăm con còn sống nhần.

Rõ ràng là giọng Tư Hoạch.

- Diệu kè! Diệu kè! Tôi là Tư Hoạch đi bắt sấu về đây. Bà con coi sấu lợi có hàng dưới sông mình nè! Một đời người mới có một lần.

Dưới sông, Tư Hoạch ngồi trên xuồng, bơi nhẹ nhẹ như đi dạo mát.

Tiếp theo lái xuồng là một bầy sấu, con này buộc nổi đuôi con kia, đen ngòm như khúc cây khô dài. Mỗi con sấu, hai chân sau thúc kê trên lưng, hai chân trước tự do, quạt nước cầm chừng như tiếp sức

với Tư Hoạch để đẩy chiếc bè quái dị kia đi nhẹ nhàng. Thực tế hay là chiêm bao? Người thì đứng há miệng sừng sốt rồi toan chạy vào nhà trốn. Người khác khẩn vái lâm râm, e nay mai xóm này bị trừng phạt của quỷ thần. Vài người dạn hơn, bơi xuống ra giữa sông, nhìn bầy sấu nọ cho tỏ rõ rồi rước Tư Hoạch vào bờ hỏi han rồi rít.

Đại khái Tư Hoạch trình bày:

- Tối ao sấu, ông Năm Hên đi vòng quanh dòm địa thế rồi ngồi xuống uống một chung rượu. Kế đó ông với tôi lấy xuống[12] đào một đường nhỏ, ngày một cạn, từ ao lên rừng chừng mười thước. Xong xuôi, ông biểu tôi bứt cho ông một nắm dây cóc kèn. Phần ông thì lo đốn một đồng cây mốp tươi[13], chặt ra khúc chừng ba tấc.

Lửa chậm vô sậy để, cóc kèn xung quanh, bắt cháy xuống đám sậy để trong ao. Chập sậy, bị khói bay cay mắt, ngộp thở, phần thì nước sôi nóng, sấu bỏ lên rừng theo con đường đào sẵn hồi nãy. Tức thời, ông Năm Hên chạy lại. Sấu há miệng hung hăng đòi tấp ông. Ông dứt vô miệng sấu một khúc mốp. Sấu tấp lại, dính chặt hai hàm răng: như mình ngậm một cục mạch nha quá lớn, muốn há miệng cho rộng để nhả ra cũng không được. Sau khi bị khúc mốp khóa miệng, cõn cái đuôi đập quạ đập lại. Ông Năm Hên xách cây mác nhăm ngay sau lưng sấu mà xấn nhẹ nhẹ để cắt gân đuôi. Đuôi sấu bị liệt. Thế là mình yên trí, lấy dây cóc kèn trói thúc ké hai chân sau của nó lại, chừa hai chân trước để nó bơi tiếp với mình.

- Thực là bực thánh của xứ này rồi! Mưu kế như vậy thực quá cao cường. Ông đâu rồi? Sao không thấy ông về. Xóm mình nhất định đền ơn ông một sô tiên, nuôi ông cho tới già, ở xóm này. Bà con tính sao?

Tư Hoạch nói:

- Mà quên! Ông biểu tôi về trước cho bà con coi thử. Phần ông mắc ở lại cúng “đất đai vương trạch”[14] rồi đi bộ về sau.

Chưa dứt lời, bên sông nghe tiếng hát của ông Năm Hên, ngày một rõ:

*Hồn ở đâu đây?
Hồn ơi! Hồn ơi!
Xa cây xa cội,
Xa cội xa nhàn,
Đầu bãi cuối gành,
Hùm tha, sấu bắt,
Bơi vì thất ngật,
Manh áo chén cơm,
U Minh đỏ ngòm,
Rừng tràm xanh biếc!
Ta thương ta tiếc,
Lập đàn giải oan...*

Tiếng như khóc lóc, nài nỉ. Tiếng như phẫn nộ, bi ai. Ghê rợn nhứt là khi thấy ông đi ra khỏi mé rừng, áo rách vai, tóc rối bù, mắt đỏ ngầu, bó nhang cháy đỏ quơ qua quơ lại trên tay.

- Coi tướng của ông ghê như tướng thầy pháp! Một người thốt lên như vậy.

Nhưng có tiếng khóc sụt sùi đâu đây. Đó là vài cụ già, bà lão chạnh nhớ đến tổ tiên, đến bạn bè của mình, biết đâu trên bước đường sanh nhai giữa chốn nước đỏ rừng xanh, có thân nhân của họ đã bỏ thân vì đàn sấu này. Bó nhang đang cháy kia có giải oan được cái chết của họ không chớ?

Người mù giăng câu

Đứa con trai độc nhút của ông đã bị “A lơ măn” (người Đức) giết lúc phải cầm súng giữ vùng An Sác Lo Ren cho Pháp. Ta có thể nói: ông mù vì khói lửa của trận Âu châu đại chiến kỳ nhút. Còn lại một mình, ông cất căn chòi ở Rộc Lá, ấp Tây Sơn. Rộc là con rạch nhỏ ngoằn ngoèo, bắt nguồn từ một gò đất cao giữa đồng, chảy thẳng vào một cái lung, phân đất thấp hơn, đây những rau muống, cóc kèn, ô rô và cá.

Ở Rộc Lá này, cá tôm quá nhiều so với mấy nơi khác trong ấp. Từ tháng mười đến tháng giêng, cá lội từng bầy trở về sông Cái, suốt ngày suốt đêm không ngừng. Ban ngày, cá đi đớp bọt, trắng bờ rạch. Ban đêm thức giấc vào bất cứ lúc nào, ta cũng nghe cá lóc tấp môi, cá trê chép miệng kể bên nhà. Nguồn lợi to tát vô cùng!

Nhưng nào đâu cái cảnh “*Một vùng trời đất vui thăm ai hay*”.

Cá ăn câu về đêm. Muốn giăng câu phải thức trót canh gà, thức bốn năm tháng ròng rã, hao phí bao nhiêu sức lực! Ngày thì đi gặt lúa mướn, thời giờ đâu để ngủ bồi dưỡng lại. Đêm thì muỗi mòng, gió bắc lạnh, lắm khi gặp mưa. Nhiều em bé đuối sức ngủ gục, té xuống sông, leo trở lên xuống ướt loi loi như chuột...

Ông thường bảo:

- Phải có kinh nghiệm mới đỡ cực nhọc. “*Con cá trương vì quạt đuôi ra biển Bắc thì còn mong gì cá ấy trở lại chốn cũ ao nhà*”. Câu ca Vọng cô đó nói sai. Cá có hang ở sông Cái. Mùa mưa, cá tìm đường lên ruộng, vào rừng mà đẻ. Bắt đầu mùa hạn, cá bỏ ruộng, bỏ rừng quay trở về hang cũ ở sông. Sự khôn ngoan của con người là chặn chuyên về của loài cá. Chặn cho đúng nơi, đúng lúc.

Vào đầu mùa, cá thường ăn mỗi khi nước lớn. Giữa mùa, cá ăn lúc chạng vạng, lúc trắng sữa soạn mọc. Hùng sáng, chừng đậm mây ngang, cá trở lại ăn một lần chót.

Khó nhút là chọn nơi để giăng câu. Cá sợ ngọn nước ngoài biển chảy tràn vào sông. Gặp nước mặn, cá hết nhớt ngoài da, con mắt xôn xang, nhưng nơi nước quá ngọt lại ít có cá vì cá chưa đi tới. Cá tập trung nơi lẫn ranh nước lờ lợ và nước ngọt.

Tại lẫn ranh đó, nên biết chọn từng điểm nhỏ. Rạch nào lắm ghe xuồng qua lại, cá ăn ở sát bờ. Rạch nào ỉm lặng, cá lội ngay giữa dòng. Trước khi giăng cá trê, phải quây cho nước đục. Mỗi chỗ cá chỉ ăn một lần. Vì nó đi lưu động, mình nên khéo dời chỗ...

Gió bắc thổi ròng rã, cá lần lần về sông Cái. Nếu bỗng nhiên trời trở nực, chuyển mưa, cá lui trở lại rừng và không ăn mỗi. Những ngày ấy, đi giăng câu cũng hoài công.

Có người chất vấn: Đã mù sao còn giăng câu được?

Ông đáp:

- Mù lòa là mắt không thấy, chứ nào phải vô tri vô giác? Con người có thể thấy bằng lỗ tai, bằng hai bàn tay, bằng mũi... Nghe hát má, thiên hạ đâu dùng cặp mắt mà vẫn hiểu thấy được cảnh ly biệt, cảnh giã giã trong vợ tuồng! Ban đêm, nằm nhà đóng cửa lại, tắt đèn nhưng thiên hạ vẫn thấy hiện hiện cảnh ngoài trời: ech nhái kêu, tàu chuối phát phơ, chó sủa ma hay sủa kẻ trộm. Người ta thường nói: xanh mát, đỏ hực. Mát, là màu xanh, màu đen. Nóng, là màu vàng, màu đỏ. Bần hàn, là nghèo lạnh. Vô nhà nào mà mình có cảm giác lạnh lẽo, đó là nhà nghèo. Gặp người bạn, rờ lên vai áo thấy rách, chắc là người ấy đang suy sụp... nghèo rã bành tồ. Đi lâu, là đường dài. Đi mau là đường ngắn. Tôi thường bơi xuống đến tiệm mua đồ một mình. Trong kinh nhỏ có bông súng, có mái dầm, khó bơi. Tới ngã ba, khúc queo, là chỗ nghe tiếng con sáo, con cưỡng ăn trái trên cây gừa bên miếu ông Tà. Gần mương vàm, hơi xông nồng nực, hơi tanh vì nước ít lưu thông. Chưa tới tiệm, có cầu ván bắc ngang. Chân câu lớn lắm, tôi thấy nhột nhột màng tang, vì sợ đụng. Người mù có thể vá quần áo. Lại còn nấu cơm, nghe tiếng củi nổ, nghe hơi nước nóng để biết cơm sôi, cơm khét... Tóm lại, thiếu cặp mắt vẫn

còn sống được! Người ta có đủ cột kèo thì cất nhà lớn, đúng ni tắc. Mình đây đui mù, như thiếu cây cột cái, nhưng nếu khéo léo một chút cũng cất được mái nhà nhỏ che gió che mưa... hà hưởng là việc giăng câu! Giăng câu lúc ban đêm, cặp mắt không cần thiết. Người không mù, họ đốt lửa trước xuống un muối cho vui mắt, âm lòng, chớ nào phải soi đường đi. Đó là chưa nói tới loài cá! Nó ở dưới nước, núp trong cỏ, người có mắt cũng như tôi, làm sao thấy cá được. Phải dùng óc xét đoán để hiểu tánh ý của nó, nhờ đó mình mới giăng được nhiều cá, ngày càng vui thú với nghề nghiệp của mình.

*

* *

Dân trong xóm thường gọi ông là ông Vân Tiên lại có biệt danh là “Sur tổ giăng câu”. Dường như tạo hóa đã dành cho ông một số phận: sinh trong thời Pháp thuộc, chết trong thời Pháp thuộc. Nhưng chúng ta hãy tưởng tượng rằng ông còn đó, đêm đêm hiện ra ngồi trước mũi thuyền, trên sông nước, không phải để làm ma nhát những người yếu bóng vía nhưng để giải nỗi lòng đôi với con cháu đời sau.

Đêm tịch vắng. Trăng sao đều khuất trong sương mù.

Nước dưới kính lạnh ngắt. Bếp un đỏ lên, xua đuổi đàn muỗi rừng. Khói bay lan tỏa, lẫn lộn vào mái tóc bạc, chòm râu bạc. Thỉnh thoảng, gà gáy lên eo óc.

*Lên khên rong đuôi chồn,
Đặc nước, bông súng bông,
Ô ro và ráng, sậy,
Mọc đây theo mé lung.
Mắm đen, chẹn dà diệp,
Che khuất mấy cánh đồng.
Nơi đây, nơi giáp giới,
Ba ngã, một đường lung.*

Đôi mắt ông vẫn còn trập trùng. Miệng ông vẫn còn nói lên mấp má, buồn buồn, chậm rãi.

Sông Gành Hào

Hồi đó ông kiểm lâm “Rốp” được dân chúng thương mến lắm.

Ông Rốp có vài đức tánh mà các tay thực dân khác không có. Từ hồi đạo nhậm tại vùng rừng sông Gành Hào đến giờ, chung qui là hại năm nhưng ông Rốp chỉ đi “rợn” có bốn lần. Mỗi chuyến đi, mục đích của ông không phải là rình bắt các ghe xuống chở củ lậu thuế. Vào rừng ông ngắm nghía từng lá cây, lắng nghe từng tiếng chim kêu, đập muỗi rồi xem giò, xem cánh từng con. Ông lại còn hái các loại rắng, dây bông bông, dây choại, tầm gỏi... đem về đồn phơi khô để nghiên cứu. Cây sừng đem theo xuống cũng chỉ để bắn khỉ, bắn lợn nòi; bắn mà chơi chứ không cần trúng đích.

Dân chúng trong vùng sông Gành Hào bàn tán qua lại để tìm hiểu ông Tây khác thường này:

- Ông “Rốp” hiền hậu quá! Bà con có biết tại sao không? Ông tỏ vẻ với thầy hương quản rằng nhà ông ở bên Tây nghèo quá mức. Nhờ lập công đánh A Lữ Mãn hồi Âu châu đại chiến nên ông được phong chức kiểm lâm qua xứ Nam kỳ này. Mẹ của ông trông nho ở cù lao “Cột” cù lao “Kiệt” gì đó. Phen nọ, bà mẹ đốt đồng lá khô, rụi cháy qua mấy vườn nho lân cận. Thiên hạ đòi bắt thường, kiện tới toà. Bên này, ông Rốp vô cùng sầu thảm vì không tiền dư gởi về để cứu nguy, báo hiếu.

Người khác nói thêm:

- Phải! Phải! Cha nội nghèo thiệt, hèn chi muốn ở xứ này luôn, đòi ăn mắm sống, tập nói chuyện “An Nam” rành như tui mình. Bà con giữ kín giùm chuyện này: phen đó thầy hương quản làm thịt chó rồi nói gạt là thịt nai, mời ông tới nhậu. Ông khen nức nở: thịt nai Cà Mau ăn sao mềm quá.

Một ông lão tỏ vẻ không bằng lòng:

- Ông Rốp là người mộ đạo. Gạt như vậy, tội chết. Nghe anh “bồi” nói lại trên lầu đồn kiểm lâm, ông có treo tượng Phật. Kề bên là tủ sách văn chương đạo đức, toàn chữ Tây và chữ nho... Đêm nào ông cũng thức đọc sách bằng đèn cây, tới khuya.

Rốt cuộc họ kết luận: Ông Rốp là người nhơn đức, ít làm khó dễ dân chúng, lãnh trách nhiệm cầm chừng, tuy đang hành sự nhưng cũng như đã về hưu trí, ăn sĩ qui điền. Họ càng yên tâm mà tiếp tục phát triển việc phá rừng, đồn củ lậu thuế.

*

* *

Hôm đó, cha con của Tư Đức chở xuống củ ngang đồn kiểm lâm.

Trời tối như mực, sắp chuyển mưa to, ngựa bàn tay cũng không thấy. Trên đồn yên lặng. Ánh đèn vàng vọt chiếu ra ngoài cửa sổ hé mở.

Bên bờ sông, một giọng lơ lớ, sừng sốt:

- Ghé lại! “Chéc” ghe hay là con “xau”?

Tư Đức điếng hồn, nhận ra được giọng của ông kiểm lâm Rốp. Trời đất hồi! Quá nửa đêm giờ Tí rồi mà ông còn làm gì dưới bên này? Chú Tư Đức nín tiếng, toan bơi lẹ cho qua khỏi ải. Ngặt ông Rốp trên bờ nói lần nữa:

- Con “xáu” hay là “chéc” ghe. Ông lớn bắn đà!

Đồn củ lậu thuế nào phải tội nặng đáng xử tử, lỡ bề gì, chết cũng lảng quá! Cực chẳng đã, chú Tư đành lên tiếng:

- Chiếc ghe, quan lớn ơi... Tôi đi rước mụ cho vợ đẻ. Xin quan lớn cho tôi đi.

Ông Rốp càng trầm tĩnh:

- “Chéc” ghe thì ghé lại! Thầy đội đầu rồi! Đem đèn xuống coi thử...

Bước lên bờ, chú Tư Đức năn nỉ ỉ ôi, xin tha tội một phen, thề nếu tái phạm thì ở tù rục xương cũng cam đành. Ông Rộp lắc đầu, ra lệnh quăng củi lên bờ, kéo xuống vào tận “phủ de” sát vách đồn. Đêm đó, báo hại hai cha con chú Tư Đức phải ngủ trần, tay đập muỗi lia lịa, trí óc buồn đã nhớ đến ngày mai đen tối thiếu gạo nấu. Và đứa con trai đang đau bệnh rét rừng.

Sáng hôm sau, ông Rộp bảo chú Tư Đức cứ về nhà, chờ ngày trát đòi đến đóng tiền phạt vì đây mới là lần phạm tội đầu tiên thôi. Chú Tư bèn làm núng:

- Chết thì tôi chịu chứ tôi thề không đi về. Cha con tôi không có nhà cửa gì ráo.
- Vậy chứ mọi khi chú ăn cơm tại đâu, ngủ tại đâu?
- Dạ thưa ăn tại xuồng này, ngủ tại xuồng này. Nó là cái nhà của tôi.

Như động lòng trắc ẩn, ông Rộp suy nghĩ rồi nói:

- Xứ này thiếu gì cây để cất nhà, thiếu gì lá để lợp nhà. Chú làm biếng, không chịu tạo lập.

Chú Tư Đức cố nén cơn giận:

- Bởi vì tôi không có đất, quan lớn thương dùm. Tôi đã cất nhà nhiều lần rồi mà ở không yên. Ban đêm hai cha con tôi phải thức quá khuya, quan lớn cũng thấy. Chịu đựng mưa gió muỗi mòng, đâu phải là làm biếng sợ cực!

Có lẽ nhờ câu nói khảng khái ấy mà cha con Tư Đức được ông Rộp cho ở đậu tại nhà dưới của đồn kiểm lâm, cơm ăn không tính tiền, bù lại hai cha con phải làm cỏ, quét nhà. Tội nghiệp thằng nhỏ con trai của chú Tư! Mấy viên “ky ninh” của ông Rộp không chặn được cử rét hằng ngày hoành hành nó. Nó khóc đòi trốn về rừng. Buổi trưa không ngủ, nó lấy than bếp vẽ lên vách tường nào là hình xệ hơi, hình con chim, hình cọp, hình sấu... báo hại chú Tư phải lau chùi sạch sẽ, e ông Rộp thấy mà bị rầy to.

Đứa con trai khóc sụt sùi:

- Mình phải về, ba à!

Chú Tư chép miệng:

- Ở đây có cơm ăn qua ngày. Con đừng lo. Ông đuổi mình, mình cũng không thêm về.

Thằng bé không hiểu cha nó đang suy nghĩ mưu kế gì.

Lâu ngày rồi quen, hằng đêm chú Tư Đức được phép lên phòng riêng của ông Rộp để châm nước pha trà. Ngạc nhiên làm sao, trong phòng nọ toàn là sách vở, tranh ảnh! Trên vách treo nào là sừng nai, da cọp, cây tầm gỏi, hình Phật Thích Ca ngồi thiền dưới cội bồ đề. Ngay trước mặt ông Rộp là tấm bản đồ lớn, ghi nhiều mũi tên xệt qua lại. Bên dưới bản đồ có tám hình hai người mặc áo rộng màu vàng: họ quì gối đầu mặt lại, chắp tay xá lẫn nhau.

Đoán sự tò mò của chú Tư Đức, ông Rộp hỏi:

- Biết hình gì đây không? Quý lắm đó.

Chú Tư Đức đáp:

- Dạ, chưa biết vì hồi nào tới giờ tôi không được vô trường mà ăn học.
- Chú theo tín ngưỡng nào?

Chú Tư suy nghĩ hồi lâu:

- Tôi chưa hiểu hai tiếng tín ngưỡng nghĩa là gì. Tôi tin Trời, tín Phật, thờ cha kính mẹ, quý mến ông già bà cả. Lại còn việc cúng vái mấy ông cọp, ông sấu. Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá.
- Nhiều thứ quá vậy. Tôi hỏi cái đạo kia. Chú theo đạo gì?
- Dạ, theo cha mẹ tôi nói lại thì người “An Nam” mộ đạo Phật. Tôi cũng như cha mẹ tôi.

Ông Rộp cười đắc chí:

- Nghĩa là chú Tư theo đạo Phật. Tốt lắm. Theo đạo Phật mà sao không biết hình này? Đó là ông vua Hy Lạp tên Mĩ Lan Đa hỏi kinh với pháp sư Ấn Độ tên Na Ga Sơ Na. Vua Hy Lạp phục tãi của

thầy tu Ấn Độ, thầy tu Ấn Độ phục tãi của vua Hy Lạp. Hai người chấp tay xá lẫn nhau. Họ đối đáp hay lắm, ghi lại thành một bộ kinh đây này...

Ông Rốp bèn rút trong tủ hai ba cuốn sách hơi dày mà nói tiếp:

- Chữ Phạn gọi nó là “Mi lan đa băng ha”. Chữ nho dịch lại... là Na Tiên Tỳ Kheo Kinh. Na Tiên là dịch âm lại tên thầy tu Ấn Độ Na Ga Sơ Na.

Mấy tiếng “Băng ha, xơ na” khiến chú Tư Đức rối trí quá. Chú cố gắng nhớ lại trong chuyện Tàu những đoạn nói về Ấn Độ, tức là nước Thiên Trúc.

- Sao trong *Tây Du* không nghe nói vậy ông?

- Trước *Tây Du* của thầy Huyền Trang cỡ tám chín trăm năm lận! Hồi 150 năm trước Thiên Chúa, phía bắc Ấn Độ có mấy ông vua Hy Lạp cai trị, giống như người Pháp cai trị An Nam bây giờ. Hồi đó, người cai trị với người dân bốn xứ thương nhau.

- Tại sao vậy, quan lớn?

- Tại người dân bốn xứ tài giỏi quá, đâu phải như người An Nam bây giờ. Bây giờ không còn cảnh đó nữa! Thí dụ tôi là vua Hy Lạp từ Âu Châu tới, chú là thầy tu Ấn Độ bị tôi cai trị. Chú có điều gì giỏi hơn tôi đâu mà hòng dạy lại tôi.

Chú Tư Đức buồn bực vô cùng khi thấy ông kiểm lâm Rốp khinh rẻ người Việt Nam ra mặt. Phận vậy, đành chịu vậy, biết sao bây giờ! Cãi lại thì rất nguy hiểm, ngoài tội ăn cắp cây rừng của nhà nước, chú có thể mang thêm tội làm “quốc sự”!

*

* *

Hằng đêm, ông Rốp thức đến canh ba để đọc sách.

Dưới này, chú Tư gác tay lên trán suy nghĩ liên miên. Ông Rốp có mồi mển chú hơn trước, bằng có là ông bố thí cho cái mũng và chiếc áo bành tộ cũ! Lúc đưa con trai ngủ say, chú Tư thường ra sân, nhìn trở lại ngọn đèn cây mà ông Rốp đốt lên để đọc sách trên lầu. Chú lăm băm, phì cười một mình:

- Tại ông thức đêm đọc sách Phật cho nên mình mới bị bắt giam như vậy. Đêm đó, có lẽ ông suy nghĩ một chuyện xưa tích cũ “ga, xơ na, ma lan đa” gì đó. Suy nghĩ không ra, ông mới đi dạo như mình đang đi bây giờ. Rồi ma đưa lối, quỷ dẫn đường, ông nhè gặp xuống cũi lậu của mình. Cái việc câu đạo của ông có hại cho bá tánh vì dục vọng của ông còn quá nhiều.

Gió thổi hiu hiu. Dừa nước bên bờ sông uốn éo, vang lên rào rạt. Đằng xa, một vật gì từ từ nổi lên, đi ngược dòng nước đang chảy xiết. Chú Tư Đức nghĩ:

- Thằng cha nào ngu quá! Xe trước gãy bánh, xe sau phải tránh. Đêm trước, cũng vào giờ này mình đi ngang qua đây bị rình bắt. Bộ họ chưa hay biết sao vậy kìa?

Nhưng dường như vật nó không phải là chiếc xuồng; khi thì nó thối lui, cập vào bờ, khi thì tiến tới, day ngang qua, chậm chạp. Khúc cây chẳng? Thân ma chẳng? Vô lý! Nếu vậy thì nó theo nước xuôi, mất dạng rồi. Đàng này, nó từ từ trôi ngược. Chú Tư Đức cô nhượng mắt chấp chóa như muôn ngàn con đom đóm đậu khít nhau. Và trước mũi của chiếc xuồng quái dị nọ. Hai tia sáng xanh ngời rọi tới như hai cái đèn “bin”. Nghi ngờ gì nữa! Nó là con sáu lửa mà chú Tư thường nghe mấy người đóng đáy nói lại. Hồi đó, chú Tư không tin. Bây giờ chú đã thấy tận mắt con sáu thần đó.

Thiên hạ nói sáu ấy đi cộ cặp. Tu luyện hàng trăm năm rồi, nước mặn đóng trên da nó một lớp dày, sáng chiếu lên như nước biển, đêm có trăng. Người thì cãi lại, bảo rằng đó là ánh sáng của các cô hồn bị sâu ăn thịt.

Chú Tư Đức phập phồng trong dạ, vừa mừng vừa sợ. Có lẽ ông Rốp đã nghe nói đến cặp sáu thần này nên quá bị ám ảnh, hôm nọ ông hỏi chú: “Chéc” ghe hay là con “xấu”? Chú vào đồn kiểm lâm, lập tức đốt đèn lên. Chú lục mấy cái hũ để tìm nếp. Không có nếp, chú hốt tạm vài nắm lúa, bắc chảo lên bếp nhúm lửa mà rang.

Lúa nổ ra trắng phều, nhảy tung bưng trong chảo, văng tứ phía.

Chú Tư Đức bước ra sân, khấn vái lâm râm rồi thấy mây hột nõ ấy khắp tám hướng đen ngòm:

- Ngay cô hồn các đặng. Sống thì khôn, thác thì thiêng. Những ai xa cây, xa cội, xa nhánh, đầu bãi cuối gành, hùm tha sấu bắt... Tôi tên là Đức, họ Trương, tuổi Dần.

*

* *

Thầy hương quản tất tả chạy vào đồn mà hỏi rồi rít:

- Ông kiểm đầu rồi? Có ở nhà không?

Chú Tư nói:

- Dạ có, ông đọc sách trên lầu.

Tức thời, thầy hương quản đến chào ông Rốp rồi trình bày:

- Sáu cỡ này lộng quá rồi! Hôm kia nó đập đuôi nhận chiếc xuống trên đó có hai mẹ con. Mẹ mất xác, đứa con gái bị tấp cụt chun.

Ông Rốp hoảng hốt:

- Dữ quá vậy! Con “xấu” là thú dữ. Bên Phi Châu, bên Ấn Độ cũng có nó. Người Ai Cập hồi xưa sợ con “xấu” ăn thịt nên tôn thờ nó.

Thầy hương quản nóng ruột quá:

- Nhưng mà bên nước mình, tại sông Gành Hào này, nó giết người.

Ông Rốp cảm thấy áy náy:

- Nó giết người dưới sông. Thầy hương quản nên ra lệnh khuyên dân chúng tạm ngưng việc lưu thông dưới sông. Như vậy tiện hơn.

Thầy hương quản nói:

- Dạ không được. Không lội tới dưới sông, dân chúng phải chết đói hết. Lại còn ghe xuống từ xứ khác tới, làm sao họ biết mà đề phòng. Người ở trên bờ cũng bị sấu tấp nữa kia.

- Sấu chạy lên bờ à?

- Hôm qua, sấu nổi lên lần nữa. Cô gái nọ ngồi rửa chén dưới bến, bị sấu tấp, rình luôn cái cầu thang. Hồi lâu, sấu nhả ra, cô nọ tỉnh trí lội vào bờ.

- Làm sao bây giờ, thầy hương quản?

- Khó lắm, ông kiểm ơi! Dân chúng trông cậy sự bảo hộ của nhà nước Tây trong lúc này. Mình phải giúp họ.

Ông Rốp nhìn mấy cuốn sách bìa da mạ chữ vàng trong tủ rồi lắc đầu, thở dài:

- Trong sách không có nói tới. Mình cứ bắn nó thử. Cây súng của thầy đầu rồi? Bì đạn còn không? Tôi cho thầy mượn cây súng trận của tôi.

Thầy hương quản tỏ vẻ thất vọng. Thầy dư hiểu rằng súng đạn khó mà bằng lũng da con thú nọ. Không khéo, nó bị thương rồi trở nên hung tợn hơn trước. Hơn nữa làm sao mà bắn nó? Phải đứng dưới ghe. Nghĩ tới đó, thầy sợ quá, muốn nhường vai tuồng anh hùng nọ cho ông Rốp:

- Tôi bắn dở lắm, ông kiểm lâm à. Ông từng đánh giặc A Lơ Măn, cầm súng giỏi hơn tôi, ông phải trở tài mới được. Hồi nào tới giờ tôi chỉ quen cây “cà líp xây”, nó yếu lắm.

- Chiều nay, tôi sẽ tính.

Ông Rốp tạm trả lời như vậy để tổng khứ thầy hương quản một cách khéo léo. Ông rất sợ sấu, đó là nhược điểm của trời phú cho. Đó cũng là nguyên nhân khiến cho ông ít dám đi “rón” bắt củi lậu thuế; do đó dân làng tưởng lầm rằng ông là kẻ nhơn từ.

Đứng trước tình trạng khó xử đó, ông chợt nghĩ đến Tư Đức, hy vọng rằng “nuôi quân ba tháng, dụng quân một ngày”.

Chú Tư Đức nói với ông:

- Việc đó không khó cho lắm. Từ mấy bữa rày, tôi có ý mong chờ để ra tay. Cô hồn đã hiện về báo tin cho tôi biết. Dè đâu, sấu này dữ tợn quá vậy!

- Chú hay trước à? Chú có phép? Tôi không tin.

Tư Đức bèn dẫn ông Rốp ra sân, chỉ mấy hột nổ rải ra khắp hướng, đêm hôm trước.

Ông Rốp gật đầu hỏi tiếp:

- Bây giờ mình làm thế nào?

Tư Đức hỏi ngược lại:

- Tôi là kẻ quê mùa. Ông cần dạy tôi trước chứ!

- Tôi kiếm chiếc ghe thật lớn. Chú Tư chèo sau lái; tôi đứng trước mũi, rình bắn nó. Được không?

Chú Tư Đức mỉm cười:

- Sấu lâu lâu mới nổi lên một lần. Biết nó nổi ngay khúc sông nào, đúng giờ phút nào mà rình. Chừng hay được thì nó lặn mất. Nếu nó không lặn mất thì...

Chú Tư cố tình không nói dứt. Ông Rốp nhướng mắt:

- Thì sao?

- Thì nó quật đuôi, ghe phải chìm. Sấu này dài ít nhứt năm thước. Đứa con nít có thể ngồi chàng hảng cười trên đuôi của nó được. Lớn lắm! Nó nhai luôn cây súng của ông. Sấu đội đèn mà!

Ông Rốp hoảng hồn, chú Tư Đức nói tiếp:

- Để đó cha con tôi trị nó. Miễn là hượng chức làng giúp chừng vài trăm cây tre làm bè. Mỗi thì dùng heo, chó. Dân “An Nam” xưa nay bắt sấu không cần súng đạn, họ bắt sấu từ hồi Tây chưa qua lặn kìa! Phải là thứ sấu nhỏ, tôi lặn xuống sông, bắt lên trong nhấp nháy cho ông coi chơi.

- Cách nào?

- Tôi móc con vịt cô lưỡi câu rồi tôi đứng dưới nước, cầm đầu sợi dây. Chừng sấu lại ăn mồi vịt, tôi lặn xuống đáy sông, đi vô bờ, ghì đầu dây vào gốc cây mà kéo con sấu nọ lên. Cặp sấu dưới sông kỳ này lớn lắm. Ông cho phép tôi về rừng đem vài món đồ nghề lại. Ông nhắc thầy hương quản cho tôi xin chừng bảy trăm cây tre và bốn người dân phụ sức.

Tre đốn về, chú Tư Đức nhờ bà con kết một cái bè thật to, trên dựng hai cái thang, cao chừng ba thước.

Năm sáu lưỡi câu sắt đã buộc vào chung quanh; trên sàn bè, chú Tư xây cái chuồng nhỏ trong có để hai con heo, một con chó. Nóc chuồng có rơm, lá dừa che lại kỹ.

Hai hôm sau, chú nói:

- Mời quan lớn, thầy hương quản và anh em quen biết xuống bè làm lễ, tới giờ rồi.

Ông Rốp hỏi:

- Lễ gì?

- Dạ, lễ cúng cô hồn.

Heo nọ thọc huyết ra để tế cô hồn. Chú Tư rải hột nổ khắp sàn và trên mặt sông. Nhang đen tỏa nghi ngút. Chú bèn đánh lên ba hồi mõ. Xác con heo nọ bị móc vào lưỡi câu, thả xuống.

- Bây giờ thì mời quan lớn lên bờ. Nếu quan lớn muốn đi theo cũng được.

Ông Rốp nói:

- Thôi... tôi ở trên bờ ghi chép. Bậy quá! Ở đây mình không có máy chụp hình, tôi muốn chụp làm kỷ niệm để gởi về bên Tây. Cái bè này sao giống chiếc tàu binh ở Âu Châu quá. Hai cái thang bắc cao lên coi như cây cột dây thép gió.

Ông Rốp, thầy hương quản lần lượt vỗ vai, “bữa xua” hai cha con chú Tư. Chú hút thuốc rồi hỏi đứa con trai:

- Thúng cơm khô con có đem theo không?

Nó đáp:

- Dạ có.

- Nhiều hay ít vậy con?

- Nhiều lắm. Đủ ăn ba bốn người. Con có mua chịu cho cha một lít rượu.

Đứa bé trao chuyền qua Tư Đức bốn cái ống tre đựng đầy ngọn mun (lao sắc). Phần nó thì cầm cái mõ bằng tre.

*

* *

Ngày qua, ngày lại.

Chiếc bè trôi lên trôi xuống theo nước lớn nước ròng. Hai cha con Tư Đức ngồi cú rữ bên chuồng nọ. Tỉnh thoảng, chú nhắc chừng thằng bé, bảo nó chọc cho con heo, con chó kêu lên.

Trên này, ông Rốp mãi theo dõi, nhưng lần lần thất vọng. Qua ba ngày sau, miếng mỡ (con heo) đã sinh nổi lên, điều quạ, kên kên bu lại kêu ồm tỏi, chú bèn thọc huyết con heo còn lại mà thay vào.

Con chó sữa ngày một thốn mỏng, vì mệt, vì đói.

Đã đến ngày thứ tư. Mặt trời chưa mọc, ông Rốp bỗng giựt mình thức dậy vì tiếng mõ nổi lên inh ỏi.

Ông lập tức xuống lầu, chạy lại mé sông nhưng nào thấy gì đâu! Sương mù chưa tan, chỉ nghe dưới sông tiếng ồ ồ như bầy trâu đang lội. Ông thủ cây súng trận nạp đạn vào nòng, chờ bóp cò.

Thầy hương quản đã đến:

- Ông kiểm ơi! Nó mắc câu rồi! Ông có nghe tiếng mõ không?

Rồi thầy quát to:

- Hương áp đâu? Hương tuần đâu? Mấy người chạy khắp xóm mà truyền rao mỗi nhà phải đánh mõ, đánh trống lên... Không thì đập xuống ván ngựa, đánh vô mâm thau, nổi đồng gì cũng được. Mình phải tiếp sức với hai cha con Tư Đức!

Nặng lên cao.

Tiếng mõ dưới sông càng thúc giục. Rõ ràng cha con Tư Đức đang đứng chót vót trên hai cái thang, lụ khỏi mặt nước. Chiếc bè đâu không thấy. Hai cái thang nọ chạy tới hàng trăm thước, đứng sừng lại rồi vụt chạy lui, nhanh hơn tàu đồ.

Tư Đức cầm ngọn lao, hờm sẵn. Đứa con đứng kế bên gõ vào mõ lia lia. Hai cái thang lắc qua lắc lại như cột buồm ghe bị bão, vậy mà họ không tẻ. Chập sau, cách chiếc bè chừng năm mươi thước, con sấu mắc câu bỗng nổi lên thoi thóp, dài như chiếc ghe độc mộc.

Chiếc bè từ từ nổi lên.

Dân chúng hai bên bờ la lớn:

- Nó kia! Trời ơi! Làm sao giết nó mau.

- Mình phải tiếp sức với Tư Đức.

- Trời thần ơi! Thằng nhỏ con của Tư Đức gan dạ quá. Thiệt cha nào con nấy!

Ông kiểm lâm Rốp liền nói với thầy hương quản:

- Để tôi bắn con sấu!

Thầy hương quản vô cùng e ngại:

- Không nên! Quan lớn đừng làm vậy! Sấu hoảng hồn chạy mạnh quá đứt dây đôi thì sao?

Một người phía sau nói với tới:

- Sợ bắn không trúng con sấu mà nhè bắn trúng sợi dây! Báo hại công trình của người ta chịu cực mấy ngày rày.

Thầy hương quản day lại:

- Đứa nào đó? Đừng nói bậy. Ông kiểm lâm ổng buồn.

Hằng chục người, một tiếng hét to:

- Giết chết nó đi!

Mặc dầu bị nước văng lên, mình mẩy ướt loi ngoi lóp ngóp, chú Tư đức vẫn tỉnh táo phóng xuống lưng con sấu một ngọn lao.

Sấu nó hụp xuống, ghì chiếc bè khuất dưới nước.

Hai cha con Tư Đức đứng cheo leo trên thang mà chờ, ngọn lao khác hờm sẵn nơi tay. Ông Rốp há miệng, nói với thầy hương quản:

- Hay quá! Cái bè này giống chiếc tàu lặn đó. Khuất hết chỉ còn hai cái thang.

Chưa dứt lời, sấu nó nổi lên, uốn éo đập đuôi đùng đùng. Ngọn lao ghim trên lưng nó khi nãy đã văng đầu mất!

Tư Đức hươi tay lên phóng xuống ngọn lao khác. Rồi không đợi nó lặn xuống, nhanh như chớp, chú phóng thêm ngọn nữa, cũng ngay lưng.

Sấu ta lại chìm.

Nhưng từ phía xa, một con sấu lạ hiện ra, lội nhanh tới sát hai cái thang của cha con Tư Đức. Ai nấy rú lên:

- Sấu đực chạy lại tiếp sấu cái. Coi chừng nó nghe chú Tư!

Thầy hương quản la lớn:

- Đánh trống, đánh mâm thau cho nó sợ. Bà con mình cứ đứng coi hoài, quên hết phận sự. Tệ quá!

Một mình mà đôi phó với hai con sấu! Tình thế của chú Tư Đức càng nguy nan! Lợi hại nhứt là con sấu mạo hiểm vừa xuất hiện đến cứu bạn. Nó còn sung sức, dám đánh bạo lại sát bè. Miệng nó đỏ hói, hàm răng dài như lưỡi cưa. Bình tĩnh, chú chờ nó lại gần.

Hai cây lao phóng xuống.

Sấu ta quay mình lại, đập đuôi thật mạnh vào hai cái thang. Hai cha con Tư Đức đề phòng kịp thời nên không té nhào.

Con sấu lạ nọ lại nổi lên đằng xa, quây nước rồi lặn mất.

Trong khi ấy, bè tre từ từ nổi lên, sợi đôi dài rung rinh. Nơi đầu dây đằng kia, con sấu bị mắc câu đã quá mệt mỏi, nằm lé đé.

Mấy cây lao còn lại trong ống tre đã lần lượt phóng xuống, sấu ta không còn đủ sức để hất mấy mũi sắt đó nữa. Hấn lắc lư cái đầu rồi khuất dạng như chiếc tàu chìm.

Phen này, chiếc bè không bị ghì xuống như trước.

Chú Tư vô cùng mừng rỡ, đoán chừng sấu nọ chịu chết. Đứa con trai của chú ngưng tiếng mõ. Chú lấy khăn chùi mấy giọt nước trên mặt rồi quơ khăn lên, làm dấu hiệu:

- Bà con đâm xuống ra mau để kéo bè này vô bờ! Tôi mệt quá rồi!

Hằng chục chiếc xuống và ghe biển đâm ra. Ai nấy buộc đôi vào bè rồi cố sức kéo. Họ vừa mừng vừa cảm động. Trên bè, không có một món gì ráo; chuồng heo, thùng cơm khô, chai rượu đều văng mất. Nhiều nuốt mây bị đứt, chiếc bè dường như sắp rã ra từng cây tre nếu cuộc chiến đầu kéo thêm vài giờ nữa.

Vừa bước lên bờ, chú Tư Đức liền gặp ông kiểm lâm Rốp. Ông ôm chú và thẳng bẻ nọ vào lòng rồi nói tiu tít:

- Giỏi quá! Chú Tư giỏi quá! Thằng nhỏ gan quá! Nó bị bệnh rét mà còn mạnh quá! Tôi mời hai cha con vô đồn.

Chú Tư Đức nhìn lại xác con sấu mà mỉm cười:

- Để tôi ở lại coi nó.

Ông Rốp nói:

- Thầy hương quản ơi! Trước khi mổ bụng con sấu, thầy phải cho tôi hay nghe. Tôi dẫn chú Tư vô đồn uống rượu âm, thay quần áo để chú Tư ngửa bệnh.

Vào đồn, ông Rốp bắt buộc chú Tư phải nằm xuống nghỉ mệt, thay quần áo ka ki mới, đắp mền.

- Rượu “cổ nhác” bên Tây nè! Uống đi chú Tư. Rượu này của mẹ tôi bên cù lao “Cột” gởi riêng qua cho tôi.

Chú Tư hớp một miếng:

- Được rồi, quan lớn.

Ông kiểm lâm nói:

- Uống hết đi! Tôi rót nữa cho.

Miệng nói, tay của ông thoa bóp lia lịa đùi chú Tư:

- Hết sức giỏi! Người “An Nam” hết sức giỏi. Chú Tư câu được bao nhiêu sấu rồi? Học nghề với ai vậy?

Chú Tư nói:

- Dạ, nghiệp của ông bà truyền lại. Bây giờ con cháu noi theo.

Ông Rốp gật đầu:

- Phải! Bữa nào chú nói kỹ lại cách thức câu sấu để tôi viết thành cuốn sách, gởi về bên Tây cho mẹ tôi được biết. Rồi chú rán câu con sấu còn lại. Chừng đó tôi đi theo, đứng trên cái thang đánh mõ thử một lần.

Chú Tư suy nghĩ:

- Không được đâu!

- Con sấu kia lợi hại lắm. Phải trừ cho hết. Tôi đọc trong sách thấy rằng loại sấu lớn thường ở nơi yên tĩnh, luôn luôn đi hai con đực và cái.

- Ông lớn nói đúng. Nhưng mình giết một con đủ rồi, giết hết mình có tội với Trời Đất.

- Tội gì vậy, chú Tư?

- Tội sát sanh. Để con còn lại cho nó đi tu. Đạo Phật của ông bà có nói lại như vậy đó.

Ông Rốp mãi suy nghĩ, vuốt râu:

- Dân “An Nam” giỏi quá, hiền từ quá. Chú Tư họ gì, mấy tuổi. Để tôi chạy tờ về quan Tham biện chủ tỉnh xuất sổ tiền về thưởng công lao cho chú. Chú muốn làm lính kiểm lâm không? Tôi cho chú làm chức “bếp”, ăn lương mỗi tháng mười lăm đồng bạc.

Chú Tư Đức cười:

- Vì đất nước chó đâu phải vì danh vì lợi. Sách có chữ: “*Kiến nghĩa bất vì vô đông giả, lâm nguy bất cứu mạc anh hùng*”. Công việc của tôi đã làm tròn. Tôi ao ước hương chức làng mình cất một cái miếu lá, thờ cái đầu con sấu nọ. Bất luận là sấu hay cọp, hễ nó hại mình thì mình giết. Hễ giết được rồi, mình nên thờ...

- Chi vậy?

- Để tỏ rằng mình sợ nó nhưng mà cũng... không sợ nó. Phải để cho nó tu tâm dưỡng tánh trong kiếp sau. Tôi không ưa sát sanh. Tôi muốn làm nghề khác.

- Nghề gì?

- Nghề đồn củi. Chừng hết củi thì đào kinh, làm ruộng. Phên này tôi mừng vì cứu được vọng hồn mấy người đã bị sấu ăn thịt. Theo lời tục truyền: họ thành cô hồn, sống vất vưởng trên lưng sấu. Lần lần cô hồn nọ bị sấu mê hoặc nên dẫn đường đất nẻo cho sấu đi sát hại kẻ đồng loại. Bây giờ sấu chết, bao nhiêu cô hồn đã thanh thoi, có thể tự do đi đâu thai trở thành người lương thiện.

Ông Rốp trầm ngâm suy nghĩ. Ông dè dặt người đồn củi lậu nợ có tài, có đức, biết thương người, thương cuộc đời đến mức ấy.

Ông chấp tay lại mà nói:

- Tôi khen chú nhiều lắm.

Chú Tư Đức bèn chấp tay xá ông Rốp mà trả lễ:

- Ông xá tôi, tôi ngại quá. Giống như hình ông vừa Hy Lạp với thầy tu Ấn Độ trên vách, dưới tấm “bông đồ”. Hôm nọ, hồi tôi mới bị bắt, ông nói cái tích “xơ lạnh đa” gì đó...

Ông Rốp giựt mình, nhìn lại bức tranh, tấm bản đồ Châu Âu, Châu Á rồi sức nhớ tới mấy lời nói hôm trước. Tâm hình nọ diễn lại cảnh đẹp ngàn xưa: hai ngàn năm về trước, tại hoàng thành của tiểu quốc nọ ở phía bắc Ấn Độ, lần đầu tiên người phương Đông và phương Tây thông cảm nhau, cư xử bình đẳng. Giờ đây, qua bao cuộc luân hồi, hưng vong đầy nước mắt mà máu trên giải đất tận cùng của nước Việt Nam lại có hai người cùng đồng cảnh ngộ, đồng niềm thông cảm.

Ông Rốp buột miệng:

- Chú Tư Đức là thầy tu Na Ga Sơ Na.

Chú Tư nói:

- Trời ơi! Không dám, tội chết! Tôi là người làm ăn. Tôi không xứng đáng lên Niết Bàn. Quan lớn có thương thì cho tôi xin lại chiếc xuống bị tịch thu bỏ “phú de” hôm rày. Nó là nôi cơm của tôi. Để trên khô, nó mau hư lắm.

Chú Tư Đức muốn nói thêm nữa. Chú muốn ví phạm mình như một cô hồn bị sấu ăn thịt, hôm rày sống vất vưởng trong đồn này như sống trên lưng con sấu đội đèn nợ. Không khéo, thiếu khí phách ngang tàng, chú có thể bị ông Rốp quyến rũ làm “bêp” kiếm lâm.

Chú không dám nói ra điều ấy e mất lòng ông Rốp. Chú lắng tai, chờ lệnh xá tội, trả lại chiếc xuống. Nhưng ông Rốp dường như không chú ý. Có lẽ ông đang suy nghĩ chuyện khác. Ông chấp tay sau lưng, đi tới đi lui cứ nhìn bức tranh và tấm bản đồ, đôi mắt mơ mơ màng màng như sám hối trong giây phút những sự hiểu lầm chong chát trong tâm ông từ mấy chục năm qua.

Bỗng từ dưới lầu, thầy hương quản gọi vọng lên:

- Quan lớn ơi! Chú Tư ơi! Xuống đây mà xem. Bà con đang mổ bụng con sấu, lớn lắm. Thằng con của chú Tư cười trên cái đuôi sấu mà hai chân nó như hồng mặt đất lặn kia!

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

[1] Có lẽ là “be” (chiếc tam bản), bị in lầm thành “bụi”. (Goldfish).

[2] Trong cuốn *Quốc văn giáo khoa thư*, bản in của Nxb Trẻ - 2007 cũng chép là “cưa”, còn bản in của Nxb Thanh niên – 2000 thì chép là “cửa”. Theo tôi, “cửa” hợp lý hơn “cưa”. (Goldfish).

- [3] Trầm thủy: Loại đất thấp ngập nước.
- [4] Lung: đầm nhỏ, sinh lầy cạn.
- [5] Ăn ong: lấy mật ong trong rừng.
- [6] Dây cóc kèn: loại cây dây leo ở rừng nước mặn bền chắc, dùng để trói buộc rất tốt.
- [7] Xuồng lường: xuồng được làm bằng một cây đục thành (xuồng đục mộ mộc).
- [8] Tam tinh: điểm ở trán, giữa hai mắt.
- [9] Mác thông: mác có cán dài.
- [10] Kiên Giang đạo: đạo là đơn vị hành chính thời xưa tương đương một châu, một quận.
- [11] Lộn nhang trần: bó (lộn) nhưng không có bao (trần). Nhà nghèo dùng loại nhang này, vì rẻ tiền.
- [12] Xuồng: thuổng (dụng cụ để đào đất).
- [13] Mốp tươi: loại cây như cây vông, gỗ xốp, dẻo, có thể làm nút chai hay cốt mự. Cá sấu ngâm phải khúc gỗ mốp, hai hàm răng dính chặt không há miệng ra được nữa.
- [14] Cúng “đất đai vương trạch”: cúng thần cai quản đất đai (vương trạch, thực ra là viên trạch, nghĩa là vườn đất, dân gian nói trạch ra là vương trạch).